

**CÔNG TY CỔ PHẦN
ĐƯỜNG SẮT HÀ HẢI**

Số: 143 /CBTT-ĐSHH

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Hà Nội, ngày 05 tháng 4 năm 2021

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA
ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC VÀ SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI**

Kính gửi:

- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội

Tên Công ty: Công ty Cổ phần đường sắt Hà Hải

Mã Chứng khoán: HHR

Địa chỉ trụ sở chính: Số 481/73 đường Ngọc Lâm, phường Gia Thụy, quận Long Biên, thành phố Hà Nội.

Điện thoại: 04. 3873 0146

Fax: 04. 3873 0146

Người được ủy quyền Công bố thông tin: Ông Nguyễn Quốc Vượng

Chức vụ: Giám đốc

Loại thông tin công bố: 24 giờ ☐ 72 giờ ☐ bất thường ☐ theo yêu cầu ☐ định kỳ ☐

Nội dung công bố thông tin:

- Về các tài liệu Hội Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 Công ty Cổ phần đường sắt Hà Hải (Tài liệu đính kèm)

Thông tin này được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty vào ngày 05/4/2021 tại đường dẫn <http://duongsathahai.vn/quan-he-co-dong/>

Chúng tôi cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố./.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Lưu: VT, TCHC.

Tài liệu đính kèm gồm:

- Thông báo mời họp;
- Phiếu biểu quyết;
- Chương trình họp;
- Quy chế tổ chức Đại hội;
- Báo cáo Hội đồng quản trị; Ban kiểm soát;
- Báo cáo Tài chính và các tờ trình kèm theo

NGƯỜI CÔNG BỐ THÔNG TIN



Nguyễn Quốc Vượng

**CHƯƠNG TRÌNH
HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT HÀ HẢI**

1. Thời gian: 9h00, thứ hai ngày 26 tháng 4 năm 2021.
2. Địa điểm: Hội trường lớn Công ty cổ phần đường sắt Hà Hải, ngách 481/73 đường Ngọc Lâm - phường Gia Thụy - quận Long Biên - Hà Nội.

Thời gian	Nội dung	Người thực hiện
9 ^h 00-9 ^h 10	Đón tiếp đại biểu, cổ đông, kiểm tra tư cách cổ đông, lập danh sách cổ đông có mặt; phát tài liệu họp, phiếu biểu quyết, phiếu bầu cử.	Ban Kiểm tra tư cách Cổ đông
9 ^h 10-9 ^h 20	- Chào cờ, khai mạc Đại hội. - Tuyên bố lý do và giới thiệu đại biểu đến dự.	Ban Tổ chức
9 ^h 20-9 ^h 25	Báo cáo kết quả kiểm tra tư cách đại biểu là cổ đông tham dự Đại hội, tuyên bố đủ điều kiện tiến hành Đại hội theo quy định của pháp luật và giới thiệu Đoàn Chủ tịch.	Trưởng ban Kiểm tra tư cách Cổ đông
9 ^h 25-9 ^h 40	Đoàn chủ tịch chỉ định Ban Thư ký, giới thiệu Ban Kiểm phiếu và đề nghị ĐHĐCĐ biểu quyết Ban Kiểm phiếu.	Đoàn Chủ tịch
	- Thông qua Chương trình Đại hội.	Đoàn Chủ tịch
	- Thông qua Quy chế làm việc của Đại hội.	Đoàn Chủ tịch
9 ^h 40-10 ^h 10	Trình bày các Báo cáo và Tờ trình tại Đại hội:	
	- Báo cáo Hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2020, nhiệm kỳ 2016 - 2020.	Ông Hải - CTHĐQT
	- Báo cáo của Ban Kiểm soát năm 2020, nhiệm kỳ 2019 - 2020.	Bà Vân - TBKS
	- Báo cáo Kết quả SXKD năm 2020, Kế hoạch SXKD năm 2021.	Ông Vượng - GD
	- Báo cáo Tài chính đã được kiểm toán năm 2020	Ông Tài - KTT
	- Tờ trình của Hội đồng quản trị về việc:	
	+ Thông qua Báo cáo Tài chính đã được kiểm toán năm 2020; Phương án phân chia lợi nhuận, tiền lương, thù lao của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát năm 2020.	Ông Hải - CTHĐQT
	+ Thông qua Kế hoạch SXKD, chỉ tiêu tài chính, dự kiến phân phối lợi nhuận, tiền lương, thù lao, tiền thưởng, lựa chọn đơn vị kiểm toán BCTC, kế hoạch đầu tư mua sắm tài sản cố định năm 2021.	

	Rà soát, đánh giá cơ cấu tổ chức hiện tại và tổ chức, sắp xếp lại cho phù hợp để hoàn thành tốt nhiệm vụ sản xuất.	
10 ^h 10-10 ^h 25	- Tờ trình Thông qua sửa đổi Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần đường sắt Hà Hải.	Ông Hải - CTHĐQT
10 ^h 25-10 ^h 30	- Tờ trình Thông qua Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần đường sắt Hà Hải.	Ông Hải - CTHĐQT
10 ^h 30-10 ^h 35	- Tờ trình Thông qua Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát Công ty cổ phần đường sắt Hà Hải.	Ông Hải - CTHĐQT
10 ^h 35-10 ^h 40	- Tờ trình Thông qua Quy chế nội bộ về Quản trị Công ty cổ phần đường sắt Hà Hải.	Ông Hải - CTHĐQT
10 ^h 40-10 ^h 50	Thảo luận và biểu quyết thông qua các Báo cáo và các Tờ trình nêu trên.	Ông Hải - CTHĐQT
10 ^h 50-11 ^h 20	Tổ chức bầu cử Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát nhiệm kỳ 2021 - 2026: - Thông qua Quy chế bầu cử Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát nhiệm kỳ 2021 - 2026. - Thông qua danh sách đề cử, ứng cử Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát nhiệm kỳ 2021 - 2026. - Tờ trình bầu Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát nhiệm kỳ 2021 - 2026. - Hướng dẫn và Tổ chức bầu cử.	Trưởng ban Kiểm phiếu và Ban Kiểm phiếu (Ông Hội)
11 ^h 20-11 ^h 45	- Thảo luận, tiếp nhận, giải đáp ý kiến tham gia của các cổ đông. - Phát biểu của Lãnh đạo Tổng công ty ĐSVN. - Phát biểu ý kiến của Lãnh đạo Công ty.	Đoàn Chủ tịch/ Lãnh đạo TCT
11 ^h 45-11 ^h 55	- Công bố kết quả Kiểm phiếu biểu quyết. - Công bố kết quả Kiểm phiếu bầu cử Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát nhiệm kỳ 2021 - 2026.	Trưởng ban Kiểm phiếu
11 ^h 55-12 ^h 00	- Ra mắt Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát nhiệm kỳ 2021 - 2026.	Hội đồng quản trị Ban Kiểm soát
12 ^h 00-12 ^h 10	Trình bày Biên Bản và Nghị quyết Đại hội.	Ban thư ký
12 ^h 10-12 ^h 15	Thông qua Biên Bản và Nghị quyết Đại hội.	Đoàn Chủ tịch
12 ^h 15-12 ^h 20	Phát biểu tổng kết, bế mạc Đại hội.	Ban Tổ chức

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT HÀ HẢI

PHIẾU BIỂU QUYẾT SỐ 01

(Biểu quyết những nội dung thông qua tại Đại hội bằng cách giơ phiếu)

MÃ CỔ ĐÔNG:

Họ và tên:

Số cổ phần biểu quyết:

Hà Nội, ngày tháng năm 2021

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT HÀ HẢI

PHIẾU BIỂU QUYẾT SỐ 02

(Biểu quyết những nội dung thông qua tại Đại hội bằng cách bỏ phiếu)

Họ và tên cổ đông:

Mã số cổ đông:

Số cổ phần sở hữu và được ủy quyền có quyền biểu quyết:

CÁC NỘI DUNG BIỂU QUYẾT:

Chọn đồng ý tất cả các nội dung biểu quyết (tích vào đây) ☐

- | | | |
|--|---|--|
| 1. Thông qua Báo cáo của Hội đồng quản trị. | <input type="checkbox"/> Tán thành <input type="checkbox"/> Không tán thành | <input type="checkbox"/> Không có ý kiến |
| 2. Thông qua Báo cáo của Ban Kiểm soát | <input type="checkbox"/> Tán thành <input type="checkbox"/> Không tán thành | <input type="checkbox"/> Không có ý kiến |
| 3. Thông qua Kết quả Sản xuất kinh doanh năm 2020. | <input type="checkbox"/> Tán thành <input type="checkbox"/> Không tán thành | <input type="checkbox"/> Không có ý kiến |
| 4. Thông qua Báo cáo Tài chính đã được kiểm toán năm 2020. | <input type="checkbox"/> Tán thành <input type="checkbox"/> Không tán thành | <input type="checkbox"/> Không có ý kiến |
| 5. Thông qua Phương án phân phối lợi nhuận, tiền lương, thù lao năm 2020 | <input type="checkbox"/> Tán thành <input type="checkbox"/> Không tán thành | <input type="checkbox"/> Không có ý kiến |
| 6. Thông qua Kế hoạch Sản xuất kinh doanh năm 2021, chỉ tiêu tài chính, kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2021 | <input type="checkbox"/> Tán thành <input type="checkbox"/> Không tán thành | <input type="checkbox"/> Không có ý kiến |
| 7. Thông qua Kế hoạch lao động, tiền lương, thù lao, tiền thưởng năm 2021. | <input type="checkbox"/> Tán thành <input type="checkbox"/> Không tán thành | <input type="checkbox"/> Không có ý kiến |
| 8. Thông qua việc lựa chọn Công ty kiểm toán độc lập kiểm toán BCTC năm 2021. | <input type="checkbox"/> Tán thành <input type="checkbox"/> Không tán thành | <input type="checkbox"/> Không có ý kiến |
| 9. Thông qua Kế hoạch đầu tư, mua sắm tài sản cố định năm 2021. | <input type="checkbox"/> Tán thành <input type="checkbox"/> Không tán thành | <input type="checkbox"/> Không có ý kiến |
| 10. Thông qua việc rà soát, đánh giá cơ cấu tổ chức hiện tại và tổ chức sắp xếp lại cho phù hợp để hoàn thành tốt nhiệm vụ SXKD. | <input type="checkbox"/> Tán thành <input type="checkbox"/> Không tán thành | <input type="checkbox"/> Không có ý kiến |
| 11. Thông qua sửa đổi Điều lệ tổ chức hoạt động của Công ty. | <input type="checkbox"/> Tán thành <input type="checkbox"/> Không tán thành | <input type="checkbox"/> Không có ý kiến |
| 12. Thông qua Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty. | <input type="checkbox"/> Tán thành <input type="checkbox"/> Không tán thành | <input type="checkbox"/> Không có ý kiến |
| 13. Thông qua Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Công ty. | <input type="checkbox"/> Tán thành <input type="checkbox"/> Không tán thành | <input type="checkbox"/> Không có ý kiến |
| 14. Thông qua Quy chế nội bộ về Quản trị Công ty. | <input type="checkbox"/> Tán thành <input type="checkbox"/> Không tán thành | <input type="checkbox"/> Không có ý kiến |

Hà Nội, ngày tháng 4 năm 2021

Cổ đông/Đại diện
(Ký tên)

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG BẤT THƯỜNG NĂM 2021
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT HÀ HẢI

PHIẾU BẦU
THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Họ và tên cổ đông/đại diện:

Mã số cổ đông:

Số cổ phần sở hữu :

Số cổ phần được ủy quyền:

Tổng số cổ phần có quyền biểu quyết:

Tổng số phiếu bầu tối đa:

STT	TÊN ỨNG CỬ VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	SỐ PHIẾU BẦU
1		
2		
3		
	Tổng số phiếu bầu	

Hà Nội, ngày tháng 4 năm 2021
Cổ đông/Đại diện
(ký, ghi rõ họ tên)

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT HÀ HẢI

PHIẾU BẦU
THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT

Họ và tên cổ đông/đại diện:

Mã số cổ đông:

Số cổ phần sở hữu :

Số cổ phần được ủy quyền:

Tổng số cổ phần có quyền bầu:

Tổng số phiếu bầu tối đa:

STT	TÊN ỨNG CỬ VIÊN BAN KIỂM SOÁT	SỐ PHIẾU BẦU
1		
2		
3		
Tổng số phiếu bầu		

Hà Nội, ngày tháng 4 năm 2021
Cổ đông/Đại diện
(Ký tên)

**CÔNG TY CỔ PHẦN
ĐƯỜNG SẮT HÀ HẢI**

Số: 144/TB-ĐSHH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 05 tháng 4 năm 2021

THÔNG BÁO MỜI HỌP
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021

Kính gửi: Quý cổ đông Công ty Cổ phần đường sắt Hà Hải

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần đường sắt Hà Hải trân trọng thông báo và kính mời Quý cổ đông, đại diện cổ đông tới dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 (ĐHĐCĐ) của Công ty cổ phần đường sắt Hà Hải, cụ thể như sau:

1. Thời gian: Khai mạc vào hồi 9 giờ 00 phút, thứ hai, ngày 26/4/2021.
2. Địa điểm: Hội trường Công ty Cổ phần đường sắt Hà Hải, Ngách 481/73 đường Ngọc Lâm, phường Gia Thụy, quận Long Biên, thành phố Hà Nội.
3. Nội dung họp ĐHĐCĐ: Thảo luận các nội dung thuộc thẩm quyền Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021.
4. Tài liệu trình họp ĐHĐCĐ: Chi tiết nội dung, chương trình, tài liệu Đại hội để thông qua tại ĐHĐCĐ được đăng tải trên website Công ty: <http://www.duongsthahai.vn/quan-he-co-dong/>
5. Điều kiện dự họp ĐHĐCĐ:
 - Tất cả các cổ đông của Công ty Cổ phần đường sắt Hà Hải tại thời điểm chốt danh sách cổ đông theo Văn bản số: 1005/TB-VSD ngày 16/3/2021 về việc đăng ký cuối cùng và xác nhận danh sách người sở hữu chứng khoán và Văn bản số: V619/2021-HHR/VSD-ĐK ngày 05/4/2021 về việc Thông báo danh sách tổng hợp người sở hữu chứng khoán thực hiện quyền bỏ phiếu của Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam.
 - Những cổ đông không thể dự họp ĐHĐCĐ có thể ủy quyền bằng văn bản cho HĐQT Công ty cổ phần đường sắt Hà Hải hoặc cho người khác tham dự theo mẫu (đính kèm). Người được ủy quyền không được ủy quyền cho người thứ ba.
6. Đăng ký dự họp ĐHĐCĐ:
 - Quý cổ đông vui lòng xác nhận tham dự hoặc ủy quyền bằng thư, fax trước 16 giờ 30 ngày 19/4/2021 theo địa chỉ: Phòng Tổ chức Hành chính - Công ty Cổ phần

đường sắt Hà Hải - Ngách 481/73 đường Ngọc Lâm, phường Gia Thụy, quận Long Biên, thành phố Hà Nội; Điện thoại: 024 3873 4174; Fax: 024 3873 0146; Ông Trần Văn Bảy – phòng Tổ chức Hành chính – Điện thoại: 0983706399.

- Khi đến tham dự Đại hội, đề nghị Quý cổ đông mang theo Giấy CMND/Hộ chiếu (bản chính); Trường hợp được ủy quyền dự họp, đề nghị Đại diện cổ đông mang theo Giấy CMND/Hộ chiếu (bản chính kèm theo)

7. Thông báo này thay cho Thư mời họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2021 của Công ty Cổ phần đường sắt Hà Hải.

8. Mọi chi phí ăn ở, đi lại và chi phí khác trong quá trình dự họp ĐHĐCĐ do cổ đông, đại diện cổ đông tự trang trải.

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần đường sắt Hà Hải trân trọng thông báo và rất mong các Quý cổ đông, đại diện cổ đông dự họp đầy đủ để ĐHĐCĐ thành công tốt đẹp./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Các TV HĐQT;
- Ban Giám đốc;
- Ban Kiểm soát;
- Người đại diện công bố thông tin;
- Công bố thông tin trên website;
- Lưu: VT, TCHC.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Văn Hải

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY ĐĂNG KÝ THAM DỰ ĐẠI HỘI

Kính gửi: Ban Tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021
Công ty Cổ phần đường sắt Hà Hải

Tôi tên là:..... Mã số cổ đông:.....
Số CMND số:..... Cấp ngày:..... Tại:.....
Địa chỉ liên hệ:.....
Số cổ phần sở hữu:.....; Số cổ phần được ủy quyền:.....
Tổng số cổ phần sở hữu và ủy quyền để đăng ký tham dự đại hội:..... cổ phần
Tổng số cổ phần bằng chữ:.....
Kèm theo.....giấy ủy quyền (bản chính)

Đăng ký tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 của Công ty Cổ phần đường sắt Hà Hải, tổ chức vào hồi 9 giờ 00 phút, thứ hai, ngày 26/4/2021, tại Hội trường Công ty CPDS Hà Hải, Ngách 481/73 đường Ngọc Lâm, phường Gia Thụy, quận Long Biên, thành phố Hà Nội.

Trân trọng cảm ơn./.

Hà Nội, ngàytháng 4 năm 2021

Người đăng ký

(Ký, ghi rõ họ tên)

.....

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY ỦY QUYỀN

Tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021
Công ty Cổ phần đường sắt Hà Hải

Kính gửi: Ban Tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021
Công ty Cổ phần đường sắt Hà Hải

1. Tôi là:.....Mã số cổ đông:.....
Số CMND/ĐKKD số (1) số:.....cấp ngày:.....tại.....
Địa chỉ thường trú (2):.....
Số cổ phần sở hữu:.....cổ phần

2. Ủy quyền cho:
Người được ủy quyền:.....Mã số cổ đông (nếu có):.....
CMND số (1):.....cấp ngày:.....tại.....
Số cổ phần ủy quyền:.....cổ phần

Thay tôi dự Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 Công ty Cổ phần đường sắt Hà Hải tổ chức vào hồi 9 giờ 00 phút, thứ hai, ngày 26/4/2021 tại Hội trường Công ty CPĐS Hà Hải, Ngách 481/73 đường Ngọc Lâm, phường Gia Thụy, quận Long Biên, thành phố Hà Nội.
Ông (bà)được thực hiện quyền biểu quyết với số cổ phần được tôi ủy quyền nêu trên.

Giấy ủy quyền này chỉ có giá trị tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 nói trên.

Tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm về việc ủy quyền này và cam kết tuân thủ nghiêm chỉnh các quy định hiện hành của Pháp luật và của Điều lệ Công ty.

Người được ủy quyền
(Ký và ghi rõ họ tên)

Hà Nội, ngàytháng 4 năm 2021

Người ủy quyền
(Ký, ghi rõ họ tên)

.....

.....

**QUY CHẾ
TỔ CHỨC ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT HÀ HẢI**

**Chương I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Quy chế này áp dụng cho việc tổ chức và điều hành cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 (gọi tắt là Đại hội) của Công ty Cổ phần Đường sắt Hà Hải.
2. Quy chế này quy định cụ thể quyền và nghĩa vụ của cổ đông, đại diện cổ đông và các bên tham dự Đại hội, điều kiện, thể thức tiến hành Đại hội và biểu quyết thông qua các vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội.
3. Cổ đông, đại diện cổ đông và các bên tham gia Đại hội có trách nhiệm thực hiện theo các quy định tại Quy chế này.

Điều 2. Mục tiêu

1. Đảm bảo nguyên tắc công khai, minh bạch.
2. Tạo điều kiện thuận lợi cho công tác tổ chức Đại hội được thực hiện thành công và tuân thủ các quy định của pháp luật.

**Chương II
QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA CÁC BÊN THAM GIA ĐẠI HỘI**

Điều 3. Điều kiện tham dự Đại hội đồng cổ đông, cá nhân, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức có tên trong danh sách cổ đông tại ngày chốt quyền tham dự Đại hội có quyền trực tiếp tham dự Đại hội hoặc ủy quyền bằng văn bản cho người khác dự họp theo quy định của Quy chế này và quy định của luật.

Điều 4. Quyền của Cổ đông khi tham dự Đại hội

1. Cổ đông có quyền thảo luận và biểu quyết tất cả các vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều lệ Công ty Cổ phần đường sắt Hà Hải, Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan.

2. Cổ đông có thể tham dự Đại hội đồng cổ đông theo một trong các hình thức sau đây:

- a) Trực tiếp tham dự Đại hội đồng cổ đông;

b) Ủy quyền cho người khác dự họp Đại hội đồng cổ đông. Cổ đông cá nhân có quyền ủy quyền bằng văn bản cho người khác dự họp. Người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức không được ủy quyền tiếp cho người khác dự họp Đại hội và không được tham gia ứng cử với tư cách cá nhân mình. Trường hợp cổ đông là tổ chức không có người đại diện theo ủy quyền theo quy định tại Điều 14, Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 thì ủy quyền người khác dự họp Đại hội đồng cổ đông.

3. Được Công ty Cổ phần đường sắt Hà Hải thông báo công khai nội dung chương trình Đại hội.

4. Tại Đại hội, mỗi cổ đông hoặc người đại diện theo ủy quyền khi tới tham dự họp Đại hội được nhận Phiếu biểu quyết và Phiếu bầu cử (trong đó ghi tên cổ đông, mã số cổ đông, địa chỉ, tổng số cổ phần sở hữu/đại diện và tổng số quyền biểu quyết) sau khi đăng ký tham dự họp Đại hội với Ban kiểm tra tư cách cổ đông.

5. Giá trị biểu quyết của Phiếu biểu quyết tương ứng với tỷ lệ số cổ phần có quyền biểu quyết mà người đó sở hữu hoặc đại diện theo đăng ký tham dự Đại hội trên tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của các đại biểu có mặt tại Đại hội.

6. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền đến dự đại hội sau khi cuộc họp khai mạc, có quyền đăng ký ngay, sau đó có quyền tham gia và biểu quyết ngay nhưng Chủ tọa không có trách nhiệm dừng Đại hội để cho những cổ đông này đăng ký. Hiệu lực của các đợt biểu quyết đã tiến hành trước đó sẽ không bị ảnh hưởng. Ban Kiểm phiếu có trách nhiệm cộng số cổ phần có quyền biểu quyết của cổ đông đến muộn vào tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội để tính tỷ lệ thông qua các nội dung biểu quyết ở phần sau.

Điều 5. Nghĩa vụ của Cổ đông khi tham dự Đại hội

1. Cổ đông hoặc người đại diện theo ủy quyền đến dự Đại hội cần mang theo các giấy tờ sau:

- a) Thông báo mời họp;
- b) Giấy chứng minh nhân dân, Thẻ căn cước hoặc Hộ chiếu;
- c) Giấy ủy quyền theo mẫu gửi kèm Thông báo mời họp Đại hội (Trường hợp được ủy quyền tham dự Đại hội). Trường hợp cổ đông là cá nhân thì Giấy ủy quyền phải được ký bởi cổ đông đó và chữ ký người được ủy quyền. Trường hợp cổ đông là pháp nhân/tổ chức thì Giấy ủy quyền phải được đóng dấu và ký bởi người đại diện theo pháp luật của pháp nhân/tổ chức đó.

d) Cổ đông chỉ được chính thức tham dự và biểu quyết tại Đại hội sau khi đã thực hiện các thủ tục đăng ký và chứng minh tư cách cổ đông hoặc/và đại diện ủy quyền của mình là hợp lệ với Ban Kiểm tra tư cách cổ đông.

2. Trường hợp cổ đông đã ủy quyền cho người khác mà không có thông báo bằng văn bản về việc hủy ủy quyền thì cổ đông đó khi tham dự Đại hội không được nhận phiếu biểu quyết tại Đại hội nếu người được ủy quyền của họ đã làm thủ tục nhận phiếu biểu quyết.

3. Người được ủy quyền tham dự Đại hội không được ủy quyền lại cho bên thứ ba.

4. Trong thời gian diễn ra Đại hội, cổ đông và đại diện của cổ đông phải nghiêm túc chấp hành nội quy tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, tuân thủ theo sự hướng dẫn, điều

khiến của Chủ tọa, tôn trọng kết quả làm việc của Đại hội, ứng xử văn minh, lịch sự, không gây mất trật tự.

5. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền tham dự Đại hội phải chấp hành nghiêm chỉnh Quy chế này, nếu vi phạm tùy theo mức độ cụ thể Chủ tọa sẽ xem xét và có hình thức xử lý theo điểm b, khoản 7, Điều 146, Luật Doanh nghiệp số 54/2020/QH14.

6. Trường hợp vì lý do cá nhân mà cổ đông phải rời khỏi cuộc họp trước khi Đại hội biểu quyết, thì cổ đông có trách nhiệm liên hệ với Ban Kiểm phiếu để thông báo ý kiến của mình bằng văn bản về những vấn đề biểu quyết tại Đại hội. Trường hợp cổ đông rời cuộc họp trước khi Đại hội biểu quyết mà không thông báo với Ban Kiểm phiếu thì coi như cổ đông đồng ý với tất cả những vấn đề được biểu quyết tại Đại hội.

Điều 6. Quyền và nghĩa vụ của Ban Kiểm tra tư cách cổ đông

1. Ban Kiểm tra tư cách cổ đông dự Đại hội (sau đây gọi tắt là Ban Kiểm tra tư cách cổ đông) có 05 (năm) thành viên do Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Đường sắt Hà Hải chỉ định có chức năng và nhiệm vụ sau:

a) Kiểm tra tư cách dự họp của các cổ đông và đại diện theo ủy quyền của cổ đông dựa trên các tài liệu mà họ xuất trình: Kiểm tra chứng minh nhân dân, Thẻ căn cước, Hộ chiếu, Thông báo mời họp, Giấy ủy quyền và các tài liệu kèm theo (nếu có);

b) Phát cho cổ đông hoặc người đại diện theo ủy quyền của các cổ đông Phiếu biểu quyết, Phiếu bầu cử và các tài liệu của Đại hội.

c) Tổng hợp kết quả kiểm tra và báo cáo trước Đại hội về kết quả kiểm tra tư cách các cổ đông tham dự Đại hội.

2. Ban Kiểm tra tư cách cổ đông có quyền lập bộ phận giúp việc để hoàn thành nhiệm vụ của Ban;

3. Trường hợp người đến dự họp không có đầy đủ tư cách tham dự Đại hội thì Ban kiểm tra tư cách cổ đông có quyền từ chối quyền dự họp của người đó, từ chối cấp phiếu biểu quyết, phiếu bầu cử và phát tài liệu của Đại hội.

Điều 7. Quyền và nghĩa vụ của Ban Kiểm phiếu

1. Ban Kiểm phiếu có 09 thành viên, gồm 01 Trưởng ban và 08 thành viên do Đại hội đồng cổ đông biểu quyết thông qua theo đề nghị của Chủ tọa Đại hội.

2. Ban Kiểm phiếu có quyền lập bộ phận giúp việc để hoàn thành nhiệm vụ của Ban, Bộ phận giúp việc cho Ban Kiểm phiếu tại Đại hội đồng cổ đông thương niên năm 2021 gồm 3 thành viên.

3. Ban Kiểm phiếu có nhiệm vụ:

a) Hướng dẫn cổ đông tham dự Đại hội cách sử dụng phiếu biểu quyết; thực hiện việc đếm số phiếu biểu quyết theo từng loại: tán thành, không tán thành, không có ý kiến sau khi Đại hội biểu quyết;

b) Ghi nhận kết quả biểu quyết của các cổ đông và đại diện cổ đông đối với các vấn đề được lấy ý kiến thông qua tại Đại hội;

c) Tổng hợp và báo cáo Chủ tọa kết quả biểu quyết các vấn đề của Đại hội;

d) Thực hiện các nhiệm vụ được giao khác.

Điều 8. Quyền và nghĩa vụ của Chủ tọa, Đoàn Chủ tịch

1. Đoàn Chủ tịch Đại hội gồm 01 Chủ tọa Đại hội là Chủ tịch HĐQT và 01 thành viên là thành viên HĐQT có chức năng điều khiển Đại hội.
2. Chủ tọa Đại hội có trách nhiệm sau:
 - a) Chủ trì, điều khiển Đại hội; Chủ tọa tiến hành các công việc cần thiết để điều khiển Đại hội một cách hợp lệ, có trật tự, và đảm bảo Đại hội phản ánh được mong muốn của đa số cổ đông tham dự;
 - b) Quyết định của Chủ tọa Đại hội về vấn đề trình tự, thủ tục hoặc các sự kiện phát sinh ngoài chương trình của Đại hội sẽ mang tính phán quyết cao nhất;
 - c) Hướng dẫn Đại hội thảo luận, lấy ý kiến biểu quyết các vấn đề cần thiết nằm trong nội dung chương trình của Đại hội;
 - d) Trình dự thảo, kết luận những vấn đề cần thiết để Đại hội biểu quyết;
 - e) Trả lời hoặc chỉ định Thành viên Đoàn Chủ tịch trả lời những vấn đề do Đại hội yêu cầu;
 - f) Bất cứ lúc nào Chủ tọa có quyền trì hoãn Đại hội đến một thời điểm khác tại một địa điểm khác (phù hợp với quy định của Luật Doanh nghiệp số 54/2020/QH14 năm 2020 và Điều lệ Công ty cổ phần đường sắt Hà Hải) mà không cần lấy ý kiến của Đại hội nếu nhận thấy rằng:
 - Hành vi của những người có mặt cản trở hoặc có khả năng cản trở diễn biến có trật tự của cuộc họp;
 - Sự trì hoãn là cần thiết để các công việc của Đại hội được tiến hành một cách hợp lệ.
 - g) Chủ tọa Đại hội có quyền sau:
 - Yêu cầu tất cả người dự họp chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh khác;
 - Yêu cầu cơ quan có thẩm quyền duy trì trật tự cuộc họp, trục xuất những người không tuân thủ quyền điều hành của Chủ tọa, cố ý gây rối trật tự, ngăn cản tiến hành cuộc họp hoặc không tuân thủ các yêu cầu về kiểm tra an ninh ra khỏi Đại hội.

Điều 9. Quyền và nghĩa vụ của Ban Thư ký Đại hội

1. Ban Thư ký Đại hội gồm 02 thành viên do Đoàn Chủ tịch cử.
2. Ban Thư ký Đại hội thực hiện các công việc trợ giúp theo phân công của Chủ tọa như: ghi chép Biên bản về diễn biến cuộc họp Đại hội, phản ánh trung thực, chính xác, đầy đủ nội dung Đại hội trong Biên bản và Nghị quyết Đại hội; trình bày trước Đại hội về Biên bản và Nghị quyết Đại hội.

Chương III TRÌNH TỰ TIẾN HÀNH ĐẠI HỘI

Điều 10. Điều kiện và cách thức tiến hành Đại hội

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện trên năm mươi phần trăm (50%) tổng số cổ phần có quyền biểu quyết theo danh sách cổ đông có quyền tham dự Đại hội hoặc ủy quyền cho người khác tham dự Đại hội. Ban kiểm tra tư cách cổ đông thông báo số lượng cổ đông tham dự, tổng số cổ phần có quyền biểu quyết mà các cổ đông đại diện và tỷ lệ tham dự để Đại hội có thể tiến hành theo quy định.

2. Cuộc họp Đại hội dự kiến diễn ra trong 1/2 ngày hoặc 01 ngày theo lịch cụ thể do Công ty cổ phần đường sắt Hà Hải thông báo.

3. Đại hội sẽ lần lượt thảo luận và thông qua các nội dung nêu tại Chương trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021. Việc biểu quyết thông qua từng nội dung trong Đại hội được thực hiện theo thể lệ biểu quyết và thông qua các quyết định tại Đại hội tại Điều 13 Quy chế này.

Điều 11. Chương trình, nội dung làm việc của Đại hội

1. Chương trình và nội dung cuộc họp phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngay trong phiên khai mạc. Chương trình phải xác định rõ thời gian đối với các nội dung trong chương trình họp.

2. Trường hợp có thay đổi chương trình họp đã được gửi kèm theo thông báo mời họp cho cổ đông, các thay đổi phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Điều 12. Thảo luận và chất vấn tại Đại hội

1. Căn cứ vào số lượng cổ đông tham dự và thời lượng cho phép của Đại hội, Chủ tọa Đại hội có thể lựa chọn phương pháp điều khiển cuộc họp hợp lý nhất. Cổ đông tham dự Đại hội phát biểu ý kiến thảo luận, chất vấn bằng cách giơ tay đề nghị phát biểu và được sự đồng ý của Chủ tọa Đại hội hoặc điền vào Phiếu câu hỏi gửi cho Đoàn Chủ tịch. Trong cùng một thời điểm chỉ có một cổ đông được quyền phát biểu. Trường hợp nhiều cổ đông có ý kiến cùng lúc thì Chủ tọa sẽ mời tuần tự từng cổ đông trình bày ý kiến của mình.

2. Cổ đông phát biểu ngắn gọn và tập trung vào đúng nội dung trọng tâm cần trao đổi, phù hợp với chương trình Đại hội đã thông qua. Nội dung ý kiến đề xuất của cổ đông không được vi phạm pháp luật, liên quan đến vấn đề cá nhân hoặc vượt quá quyền hạn của doanh nghiệp. Chủ tọa Đại hội có quyền nhắc nhở hoặc đề nghị cổ đông tập trung vào nội dung trọng tâm cần phát biểu để tiết kiệm thời gian và đảm bảo chất lượng thảo luận.

3. Đại hội thống nhất tổng thời lượng phát biểu của một cổ đông tối đa không quá 5 phút. Nếu quá thời lượng này, Chủ tọa Đại hội có thể yêu cầu cổ đông lập các câu hỏi, kiến nghị thành văn bản, Ban Thư ký Đại hội phải ghi nhận và Hội đồng quản trị trong phạm vi thẩm quyền của mình sẽ trả lời bằng văn bản cho cổ đông trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ thời điểm nhận được kiến nghị của cổ đông.

Điều 13. Thể lệ biểu quyết và thông qua các quyết định tại Đại hội

1. Nguyên tắc biểu quyết: Cổ đông có thể biểu quyết thông qua các hình thức sau:

a. Biểu quyết trực tiếp tại Đại hội bằng việc giơ Phiếu biểu quyết;

b. Biểu quyết thông qua việc cử người ủy quyền tới dự họp, khi đó người được ủy quyền tham dự Đại hội và biểu quyết như hình thức cổ đông trực tiếp dự họp.

2. Các vấn đề được thông qua tại Đại hội phải được số cổ đông đại diện từ 50% tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện theo ủy quyền có mặt tại Đại hội chấp thuận;

3. Hình thức biểu quyết:

a. Cổ đông (hoặc người đại diện theo ủy quyền) biểu quyết từng nội dung trong chương trình Đại hội. Khi biểu quyết một vấn đề được Đại hội đưa ra, các cổ đông biểu quyết bằng cách giơ phiếu biểu quyết lên cao; Việc xác định kết quả biểu quyết được tiến hành bằng cách đếm số phiếu biểu quyết tán thành, số phiếu biểu quyết không tán thành và số phiếu biểu quyết không có ý kiến;

b. Đối với từng vấn đề cần biểu quyết, Đoàn Chủ tịch sẽ hỏi ý kiến của Cổ đông theo trình tự: Tán thành; Không tán thành; Không có ý kiến. Với từng vấn đề xin ý kiến biểu quyết, các cổ đông chỉ được giơ phiếu biểu quyết một lần.

Điều 14. Biên bản họp Đại hội, dự thảo nghị quyết Đại hội

1. Biên bản Đại hội: Tất cả các nội dung tại Đại hội phải được Ban Thư ký ghi vào biên bản. Biên bản phải được đọc và thông qua trước khi bế mạc Đại hội.

2. Căn cứ biên bản Đại hội, kết quả kiểm phiếu biểu quyết và phiếu bầu cử, Thư ký Đại hội sẽ tổng hợp số liệu và đưa vào dự thảo nghị quyết Đại hội. Dự thảo Nghị quyết được đọc và thông qua trước khi bế mạc Đại hội.

3. Biên bản, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp, toàn văn nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo thông báo mời họp được lưu giữ tại trụ sở Công ty cổ phần đường sắt Hà Hải theo quy định.

Chương IV ĐIỀU KHOẢN KHÁC

Điều 15. Trường hợp tổ chức Đại hội không thành

1. Trường hợp cuộc họp Đại hội lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại Điều 10 của Quy chế này thì việc triệu tập họp lần thứ hai phải được thực hiện trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày cuộc họp lần thứ nhất dự định khai mạc. Cuộc họp của Đại hội lần thứ hai được tiến hành khi có số thành viên tham dự là các cổ đông và đại diện theo ủy quyền dự họp đại diện từ (33%) tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên của Công ty cổ phần đường sắt Hà Hải.

2. Trường hợp cuộc họp triệu tập lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại Khoản 1 Điều này thì được triệu tập lần thứ ba trong thời hạn 20 ngày, kể từ ngày cuộc họp lần thứ hai dự định khai mạc. Trong trường hợp này, cuộc họp của Đại hội được tiến hành không phụ thuộc vào số lượng cổ đông hay đại diện ủy quyền tham dự, được coi là hợp lệ và có quyền quyết định tất cả các vấn đề mà Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 có thể phê chuẩn.

Chương V
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 16. Điều khoản thi hành

1. Quy chế này gồm 5 chương, 16 điều, được thông qua các thành viên Hội đồng quản trị và có hiệu lực kể từ ngày ký.
2. Chủ tọa chịu trách nhiệm điều hành Đại hội theo Quy chế này.
3. Các cổ đông hoặc người đại diện theo ủy quyền và những người tham dự họp Đại hội có trách nhiệm thực hiện các quy định tại Quy chế này./.

Nơi nhận:

- Các Quý Cổ đông;
- Thành viên HĐQT;
- Ban KS, Ban GĐ;
- Lưu: VT, TKý Công ty.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Nguyễn Văn Hải

**BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ TẠI
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021**

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông - Công ty Cổ phần đường sắt Hà Hải

Hội đồng quản trị (HĐQT) báo cáo Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) thường niên Công ty Cổ phần đường sắt (CPĐS) Hà Hải về công tác quản trị, điều hành năm 2020 và phương hướng, nhiệm vụ năm 2021 của Hội đồng quản trị như sau:

I. Đánh giá chung về hoạt động SXKD của Công ty năm 2020.

1. Đánh giá chung.

Những tháng đầu năm 2020 (từ tháng 01 đến tháng 4/2020) Công ty gặp nhiều khó khăn trong hoạt động sản xuất kinh doanh (SXKD) do Hợp đồng đặt hàng về Quản lý bảo dưỡng thường xuyên KCHTĐS năm 2020 chưa được ký kết nên chưa được tạm ứng kinh phí và gặp nhiều khó khăn trong việc vay mượn các nguồn tiền để chi trả tiền lương và chế độ cho người lao động. Trước những khó khăn trên Hội đồng quản trị đã sát sao, quyết liệt và lãnh đạo chỉ đạo SXKD năm 2020 Công ty đã thực hiện vượt mức tất cả các chỉ tiêu SXKD cả trong và ngoài công ích, so với kế hoạch và Nghị quyết ĐHĐCĐ đã đề ra:

- Sản lượng, doanh thu tăng: 10,1%
- Lợi nhuận sau thuế tăng: 1,7%
- Thu nhập bình quân tăng: 12,5%

An toàn chạy tàu và trật tự an ninh quốc phòng cơ bản giữ vững, đời sống người lao động được đảm bảo, thực hiện tốt các chính sách an sinh xã hội.

Công tác quản lý điều hành có nhiều tiến bộ, khoa học hơn; phát huy trí tuệ tập thể, đảm bảo tính tập trung thống nhất. Việc xây dựng cơ chế, quy chế được chú trọng đặc biệt khi thay đổi về mô hình tổ chức của Công ty.

Kết cấu hạ tầng đường sắt (KCHTĐS) trong phạm vi quản lý không có chuyển biến nhiều, còn tiềm ẩn nhiều nguy cơ mất an toàn; nguồn vốn Sự nghiệp kinh tế chỉ đủ để duy trì trạng thái kỹ thuật KCHTĐS hiện có. Việc tìm kiếm công việc ngoài sản phẩm công ích rất khó khăn. Tổng số lao động toàn Công ty còn nhiều nhưng phân bổ không đều nên khu vực Hà Nội vẫn thiếu lao động, chất lượng nguồn nhân lực chưa cao, năng suất lao động thấp. Tính chủ động, sáng tạo trong sản xuất kinh doanh chưa được phát huy, một số lĩnh vực chưa có nhiều chuyển biến.

2. Đánh giá về quản trị và kết quả hoạt động của HĐQT.

Thực hiện chức năng nhiệm vụ và quyền hạn của HĐQT theo Điều lệ của Công ty và các văn bản quy phạm pháp luật, HĐQT đã có phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên và các thành viên đã hoàn thành tốt nhiệm vụ được phân công, cụ thể như sau:

2.1. Về công tác tái cơ cấu, sắp xếp đổi mới doanh nghiệp.

Lao động bình quân toàn Công ty là 899 người, giảm 29 người so với năm 2019.

Tổ chức thành công Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020.

2.2. Kết quả thực hiện hệ thống quản trị doanh nghiệp.

2.2.1. Tổ chức các cuộc họp HĐQT.

Năm 2020, HĐQT đã tổ chức 13 cuộc họp Hội đồng quản trị và Hội đồng quản trị mở rộng, ban hành 13 Nghị quyết và các Kết luận thống nhất của cuộc họp. Về cơ bản các Nghị quyết và Kết luận của HĐQT đã được tổ chức triển khai thực hiện nghiêm túc.

2.2.2. Về các Quy chế, Quy định, Quy trình.

Hoàn thiện hệ thống cơ chế quản lý, rà soát sửa đổi, bổ sung hệ thống văn bản cho phù hợp với yêu cầu và nhiệm vụ mới và đã hoàn thành sửa đổi, bổ sung:

- Quy chế trả lương người lao động.
- Quy chế trả lương, thù lao, tiền thưởng người quản lý.
- Quy chế Dân chủ cơ sở tại nơi làm việc.
- Quy định trình tự, thủ tục giới thiệu, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, điều động, luân chuyển, từ chức, miễn nhiệm đối với các chức danh người quản lý, lao động quản lý và các chức danh, chức vụ khác tại các đơn vị trực thuộc Công ty cổ phần đường sắt Hà Hải.
- Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức, nguyên tắc hoạt động của các phòng Kế hoạch Kinh doanh, Kỹ thuật An toàn, Tổ chức Hành chính.
- Quy trình Lập kế hoạch và tổ chức triển khai thực hiện công tác sửa chữa, bảo trì KCHTĐS.

2.2.3. Về đào tạo phát triển nguồn nhân lực.

Trong năm 2020, Công ty đã tổ chức cho cán bộ và công nhân tham gia các lớp đào tạo chuyên môn, nghiệp vụ, lý luận chính trị, ngoại ngữ...

Tổ chức thi nâng cấp bậc công nhân kỹ thuật năm 2020 cho 123 người và làm thủ tục nâng lương cho lao động gián tiếp 15 người.

Đã xây dựng quy hoạch các cấp làm cơ sở cho công tác đào tạo phát triển nguồn nhân lực, làm tốt công tác bổ nhiệm và luân chuyển cán bộ theo đúng quy hoạch. Nhìn chung, chất lượng nguồn nhân lực đã phần nào được cải thiện.

2.3. Về nhiệm vụ công ích Quản lý, bảo trì kết cấu hạ tầng đường sắt.

Mặc dù vốn sự nghiệp kinh tế được cân đối hàng năm không đủ nhưng Công ty đã sử dụng đúng mục đích, tiết kiệm, có hiệu quả và có những giải pháp tích cực hạn chế được tình trạng xuống cấp, cải thiện, nâng cao chất lượng một số tuyến đường sắt, tốc độ chạy tàu được giữ vững, cơ bản đảm bảo an toàn, đáp ứng yêu cầu phục vụ vận tải.

Công tác kiểm tra trạng thái kỹ thuật chất lượng cầu đường trên các tuyến được tăng cường cùng với việc ứng dụng một số công nghệ mới đã giữ vững Công lệnh tốc độ, Công lệnh Tải trọng và đảm bảo ATGT đường sắt.

Ứng dụng cơ giới hóa và công nghệ tự động vào công tác quản lý đường ngang thay thế dần cho các đường ngang chắn thủ công hiện nay.

2.4. Về sản xuất ngoài công ích.

Đã chỉ đạo huy động mọi nguồn lực của Công ty để tích cực tìm kiếm được các công trình ngoài công ích với doanh thu đạt 43,607 tỷ đồng góp phần nâng cao thu nhập cho người lao động và mang lại lợi nhuận chủ yếu của Công ty.

2.5. Về hiệu quả quản lý của doanh nghiệp, công tác tổ chức thực hiện kế hoạch và công tác phòng chống tham nhũng, thực hành tiết kiệm.

Tiếp tục đổi mới, nâng cao công tác quản trị doanh nghiệp, phân cấp triệt để, tăng cường kiểm tra, giám sát lấy hiệu quả SXKD làm tiêu chuẩn để đánh giá doanh nghiệp và lãnh đạo doanh nghiệp.

Thực hiện tốt công tác quản lý vốn và tài sản; công tác quản lý tài chính trong năm ổn định, kiểm soát được dòng tiền, luôn đảm bảo khả năng thanh toán. Các nguồn vốn được sử dụng linh hoạt, có hiệu quả, đáp ứng đủ vốn phục vụ sản xuất kinh doanh.

Công tác tổ chức thực hiện kế hoạch được triển khai kịp thời, công khai, đảm bảo tính tập trung thống nhất. Việc xây dựng cơ chế, quy chế có những thay đổi căn bản đảm bảo phù hợp với thực tế, đúng quy định của Pháp luật.

Phê duyệt Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2020; Phê duyệt triển khai thực hiện Kế hoạch bảo trì kết cấu hạ tầng đường sắt năm 2020.

Thường xuyên chỉ đạo các đơn vị thuộc Công ty thực hiện tốt các chương trình thực hành tiết kiệm chống lãng phí, phòng chống tham nhũng. Tăng cường công tác kiểm tra tại các đơn vị; giám sát, kiểm tra công tác thi công xây dựng công trình, công tác sử dụng lao động, quản lý quỹ tiền lương.

2.6. Đánh giá về những khó khăn và tồn tại chủ yếu.

2.6.1. Khó khăn.

Khối lượng quản lý, bảo trì KCHTĐS lớn, phức tạp, là đầu mối của 04 tuyến đường sắt có cả đường đơn và đường lồng. KCHTĐS trong phạm vi quản lý lạc

hậu, xuống cấp, nguồn vốn Nhà nước giao chưa đáp ứng yêu cầu đầu tư phát triển KCHTĐS cũng như công tác bảo trì nên rất khó khăn trong việc duy trì trạng thái KCHTĐS hiện có.

Việc giảm các nguồn vốn cho đầu tư XD CB của Nhà nước nên rất ít các dự án, công trình sửa chữa lớn KCHTĐS được triển khai dẫn đến việc tìm kiếm công việc ngoài hoạt động công ích rất khó khăn.

An toàn giao thông đường sắt luôn tiềm ẩn nhiều rủi ro do KCHTĐS xuống cấp chưa được đầu tư, hành lang an toàn giao thông đường sắt bị xâm lấn, mật độ đường ngang và đường dân sinh qua đường sắt nhiều. Những vụ tai nạn, trở ngại do người và phương tiện giao thông đường bộ vi phạm Luật Giao thông đường bộ, đường sắt gây ra đã làm thiệt hại nhiều về vật chất và ảnh hưởng trực tiếp đến chất lượng dịch vụ của Ngành đường sắt.

Lương tối thiểu vùng tăng dẫn đến các chi phí cho người lao động như tiền lương, Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế, Bảo hiểm thất nghiệp tăng gây khó khăn cho việc cân đối thu chi của công ty.

Chất lượng nguồn nhân lực của Công ty chưa cao, thiếu công nhân lành nghề và cán bộ chuyên nghiệp có trình độ để đáp ứng được yêu cầu phát triển.

Tình trạng người lao động đơn phương chấm dứt HĐLĐ tăng; công tác tuyển dụng và điều động lao động vẫn gặp nhiều khó khăn do công việc nặng nhọc, không hấp dẫn; tình hình thiếu lao động cục bộ tại một số đơn vị, đặc biệt là khu vực Hà Nội.

2.6.2. Tồn tại.

Phân cấp quản lý hoạt động sản xuất kinh doanh, mô hình tổ chức chưa thực sự phát huy hết tác dụng so với yêu cầu; sự phối hợp giữa các phòng ban, đơn vị có lúc chưa nhịp nhàng dẫn đến hiệu quả công tác chưa cao.

Sau CPH đã có sự đổi mới tổ chức và quản trị doanh nghiệp nhưng chưa song hành cùng sự đổi mới về tư duy kinh doanh nên SXKD phát triển chưa cao.

Tính chủ động, sáng tạo, ý thức trách nhiệm trong công việc của một số cán bộ, công nhân chưa cao nên một số lĩnh vực chưa có nhiều chuyển biến tích cực.

Công tác đào tạo phát triển nguồn nhân lực chưa có điều kiện để đầu tư đúng mức dẫn đến thiếu hụt người lao động có tay nghề chuyên môn cao.

Tổng số lao động toàn Công ty còn nhiều, năng suất lao động còn thấp, chất lượng lao động chưa đáp ứng yêu cầu cao của doanh nghiệp trong giai đoạn hiện nay, đặc biệt là chưa có điều kiện đầu tư máy móc thiết bị cơ giới hóa thi công đồng bộ trong quản lý, bảo trì KVHTĐS.

3. Đánh giá về kết quả hoạt động của Ban Giám đốc.

Các tuyến đường sắt do Công ty quản lý đều được xây dựng cách đây 100 năm nên đã xuống cấp nghiêm trọng nhưng chưa được đầu tư, nâng cấp, cải tạo kịp thời. Đặc biệt phổ biến các tuyến đường sắt chạy xuyên các khu đô thị, rất nhiều đoạn đường sắt chạy song song liền kề đường bộ đã làm ảnh hưởng rất lớn đến công tác điều hành sản xuất của Ban GD.

Trước khó khăn nêu trên, Ban Giám đốc Công ty đã rất nỗ lực trong điều hành SXKD, sản phẩm quản lý, bảo trì thực hiện đúng phương án tác nghiệp, tiến độ và chất lượng; nỗ lực cùng HĐQT tìm kiếm, khai thác các sản phẩm dịch vụ khác nhằm đảm bảo việc làm, tăng thu nhập cho người lao động. Các thành viên Ban Giám đốc đều là các nhân sự có nhiều kinh nghiệm trong công tác quản lý, bảo trì KCHTĐS và công tác chỉ đạo thi công các công trình ngoài công ích.

Dưới sự chỉ đạo, giám sát của HĐQT, Ban Kiểm soát, Ban Giám đốc và cán bộ quản lý đã điều hành hoạt động SXKD của Công ty đạt kết quả tốt, tuân thủ theo đúng pháp luật và các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị.

Ban Giám đốc cũng đã thực hiện đầy đủ trách nhiệm báo cáo, giải trình công bố thông tin về tình hình hoạt động kinh doanh một cách đầy đủ, minh bạch và đúng quy định của pháp luật. Với tinh thần trách nhiệm cao, toàn bộ Ban Giám đốc đã chủ động các phương án SXKD phù hợp với tình hình thực tế trên cơ sở nhiệm vụ được Tổng công ty ĐSVN đặt hàng và kế hoạch của Hội đồng quản trị phê duyệt. Các kế hoạch triển khai thực hiện nghiêm túc, khoa học, qua đó tất cả các chỉ tiêu kế hoạch được giao trong năm đã được hoàn thành.

II. Mục tiêu và nhiệm vụ chủ yếu năm 2021 và các năm tiếp theo.

1. Mục tiêu.

Phấn đấu duy trì tốc độ tăng trưởng liên tục, bình quân hàng năm sản lượng và doanh thu tăng từ 10% trở lên, tỷ lệ cổ tức trên vốn điều lệ đạt 13,5%, hoàn thành nghĩa vụ nộp Ngân sách Nhà nước; cải thiện điều kiện làm việc, đảm bảo thu nhập bình quân đầu người tăng 5% trở lên, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho người lao động, đảm bảo lợi ích tối đa cho các cổ đông. Toàn Công ty thực hiện phương châm kinh doanh theo tiêu chí “**An toàn, chất lượng, tiến độ, hiệu quả**”.

2. Nhiệm vụ chủ yếu.

Tập trung nâng cao hiệu quả công tác quản lý, sửa chữa bảo trì KCHTĐS và tham gia kinh doanh hệ thống KCHTĐS hiện tại; Đẩy mạnh việc phát triển các dịch vụ ngoài công ích.

Đảm bảo không để xảy ra tai nạn chạy tàu, tai nạn lao động nặng, chết người do chủ quan gây ra; giảm 5% sự cố trở ngại chạy tàu do chủ quan so với năm 2020, giảm tỷ lệ xóc lắc trên các tuyến đường sắt theo chỉ tiêu của Tổng công ty ĐSVN giao.

Tham gia phát triển KCHTDS theo hướng tập trung ưu tiên nâng cấp, hiện đại hoá, tích cực tham gia đẩy mạnh công tác xã hội hoá, thu hút các nguồn vốn đầu tư cho kết cấu hạ tầng đường sắt, trong đó ưu tiên tích cực tham gia thi công gói 7000 tỷ.

Tiếp tục xây dựng, bổ sung, hoàn thiện, đổi mới các cơ chế, quy chế quản lý nội bộ của Công ty nhằm nâng cao năng lực, hiệu quả của công tác quản lý tạo động lực phát triển, nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh. Tăng cường công tác phòng chống tham nhũng, thực hành tiết kiệm chống lãng phí. Thực hiện văn hóa doanh nghiệp theo hướng văn minh, hiện đại...

Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực qua việc tăng cường công tác đào tạo nâng cao trình độ nguồn nhân lực hiện có; tuyển dụng, thu hút lao động có trình độ chuyên môn, nghiệp vụ kỹ thuật, tay nghề cao. Đẩy mạnh ứng dụng Khoa học - Công nghệ vào quá trình quản trị doanh nghiệp và SXKD.

III. Đánh giá tổng quát.

Mặc dù gặp nhiều khó khăn, vướng mắc nhưng công ty đã chủ động thực hiện quyết liệt bằng nhiều biện pháp đã mang lại hiệu quả SXKD: Sản xuất tăng trưởng, phát triển SXKD ngoài công ích, lợi nhuận tăng, đảm bảo cổ tức cho các cổ đông, thu nhập của người lao động tăng lên, công tác quản trị doanh nghiệp có bài bản, khoa học.

Sau một năm hoạt động, với vai trò, trách nhiệm của mình, HĐQT và Ban Giám đốc Công ty đã hoàn thành tốt nhiệm vụ năm 2020 tại Công ty cổ phần đường sắt Hà Hải.

Trong năm 2021, HĐQT sẽ tiếp tục triển khai thực hiện quyết liệt khắc phục các tồn tại để Công ty Cổ phần đường sắt Hà Hải đạt được các mục tiêu nêu trên.

Trên đây là Báo cáo hoạt động năm 2020 và phương hướng, nhiệm vụ năm 2021 của HĐQT Công ty CPĐS Hà Hải, kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và có ý kiến chỉ đạo.

Xin trân trọng cảm ơn./.

Nơi nhận:

- Các Quý Cổ đông;
- Thành viên HĐQT;
- Ban KS, Ban GD;
- Lưu: VT, Tky công ty.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Nguyễn Văn Hải

Số: 147/BC-ĐHĐCĐ

Hà Nội, ngày 05 tháng 4 năm 2021

**BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT NĂM 2020, NHIỆM KỲ 2019-2020
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT HÀ HẢI
TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021**

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông - Công ty Cổ phần đường sắt Hà Hải

Người báo cáo: Trưởng ban - Ban Kiểm soát Nhiệm kỳ 2019-2020

Căn cứ luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020;

Căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Ban Kiểm Soát được qui định tại Điều lệ hoạt động của Công ty Cổ phần Đường sắt Hà Hải;

Căn cứ báo cáo tài chính năm 2020 của Công ty Cổ phần đường sắt Hà Hải đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH kiểm toán BDO.

Ban Kiểm soát báo cáo kết quả kiểm soát Công ty năm 2020 với các nội dung sau:

A. MỘT SỐ THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP

1. Tên doanh nghiệp: Công ty Cổ phần đường sắt Hà Hải.

2. Giấy đăng ký kinh doanh: 0100769656; Ngày cấp: 07/01/2016; Nơi cấp: Phòng đăng ký kinh doanh – Sở kế hoạch và đầu tư Thành phố Hà Nội.

3. Vốn điều lệ: 13.800.000.000 đồng.

- Trong đó: Vốn góp của Tổng công ty ĐSVN: 7.038.000.000 đồng (chiếm tỷ lệ 51% vốn điều lệ); và vốn góp của các cổ đông chủ yếu là CBCNV trong Công ty có giá trị là: 6.762.000.000 đồng (chiếm tỷ lệ 49% vốn điều lệ).

Ngày 16/3/2021 Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam có thông báo số 1005/TB-VSD về ngày đăng ký cuối cùng và xác nhận danh sách người sở hữu chứng khoán được chốt ngày 01/4/2021; Ngày 05/4/2021 Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam có văn bản số V619/2021-HHR/VSD-ĐK về việc chốt danh sách tổng hợp người sở hữu chứng khoán thực hiện quyền biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021. Tổng số 375 cổ đông (trong đó TCT ĐSVN vẫn chiếm 51% vốn điều lệ và 374 cổ đông khác chiếm 49% vốn điều lệ).

4. Trưởng nhóm đại diện/người đại diện phần vốn nhà nước là ông: Nguyễn Văn Hải – Chức danh tại doanh nghiệp: Chủ tịch Hội đồng quản trị

**B. HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT VÀ KẾT QUẢ KIỂM TRA
GIÁM SÁT NĂM 2020**

I. Hoạt động của Ban Kiểm soát 2020 và nhiệm kỳ 2019-2020

1. Về nhân sự nhiệm kỳ 2019-2020:

Nhân sự của Ban Kiểm soát gồm 03 thành viên:

- Bà: Trần Thị Hồng Vân – Trưởng Ban
- Ông: Nguyễn Văn Cương – Thành viên
- Bà: Trịnh Thị Diệu Quỳnh – Thành viên

2. Về hoạt động của Ban Kiểm soát:

Năm 2020, Ban Kiểm soát đã lập kế hoạch, xây dựng chương trình công tác và phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên triển khai giám sát các mặt hoạt động của Công ty.

Ban Kiểm soát đã tiến hành kiểm tra, giám sát việc tuân thủ các quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty, Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên trong việc quản lý, điều hành toàn bộ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Trong năm, Ban Kiểm soát đã tổ chức 05 phiên họp thường kỳ, và tham dự các cuộc họp Hội đồng quản trị mở rộng do Hội đồng quản trị chủ trì; các cuộc họp giao ban sản xuất kinh doanh hàng tháng do Giám đốc chủ trì. Sau các cuộc họp, Ban Kiểm soát đều hội ý thống nhất và phân công nhiệm vụ hợp lý cho từng thành viên trong việc thực hiện nhiệm vụ của Ban theo từng quý cho phù hợp với qui định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần. Các thành viên của Ban căn cứ các nội dung Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Nghị quyết Hội đồng quản trị cùng phối hợp đóng góp và đề xuất ý kiến với Hội đồng quản trị, Ban điều hành Công ty trong quá trình thực hiện nhiệm vụ SXKD để hoàn thành các chỉ tiêu Nghị quyết ĐHĐCĐ đã đề ra nhằm đảm bảo hài hòa lợi ích của xã hội, Công ty và các cổ đông.

Kết quả hoạt động cụ thể:

- Ban Kiểm soát giám sát việc thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ năm 2019; năm 2020 của Hội đồng quản trị, Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty, và các văn bản của Tổng công ty ĐSVN; báo cáo kết quả công tác điều hành của lãnh đạo Công ty.

- Giám sát hoạt động của Hội đồng quản trị, giám sát việc quản lý điều hành của Ban Giám đốc theo Luật Doanh nghiệp và Điều lệ của Công ty; xem xét tính phù hợp các quyết định của Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc trong công tác quản lý;

- Giám sát tình hình thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh và kết quả SXKD năm 2019, năm 2020 của Ban Giám đốc Công ty. Xây dựng và lập báo cáo trước Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 và 2021.

- Cập nhật xem xét tiến độ thực hiện các hợp đồng có giá trị lớn trong năm như: Đấu thầu mua MMTB (gồm 03 bộ máy chèn đường thủy lực Trung Quốc) thuộc nguồn vốn khấu hao TSCĐ của Công ty; và Đầu tư mua sắm phần mềm quản trị nhân sự, tiền lương từ nguồn vốn quỹ đầu tư phát triển của Công ty;....

- Kiểm tra, kiểm soát việc tuân thủ thực hiện các nội dung của các quy chế: Quản lý tài chính, quản lý nhân sự và chính sách tiền lương, tiền thưởng...vv, giám

sát việc lập và thực hiện kế hoạch SXKD năm 2019, 2020; Quyết toán chi 2018, 2019; Dự toán chi 2019, 2020...

- Xem xét việc chấp hành các nghĩa vụ của Công ty theo qui định của pháp luật và của cấp trên về thuế, BHXH, BHYT, BH thất nghiệp, trích nộp cấp trên và chi trả cổ tức cho các cổ đông...vv

- Kiểm tra đánh giá tính hợp lý từng vấn đề cụ thể liên quan đến các số liệu, các chỉ tiêu trong báo cáo tài chính quý, bán niên, năm 2019, 2020 của các Xí nghiệp chi nhánh và của Công ty.

- Kiểm soát việc phân chia lợi nhuận năm, việc chi trả cổ tức cho các cổ đông và sử dụng các quỹ tương ứng.

- Tham gia đóng góp ý kiến sửa đổi bổ sung và xây dựng mới các quy chế quản lý, qui định, chức năng nhiệm vụ của các đơn vị, bộ phận cho phù hợp với yêu cầu và mô hình của Công ty cổ phần.

II. Kết quả kiểm tra, giám sát năm 2020

1. Kiểm soát tình hình thực hiện các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông:

Tại các cuộc họp Ban Thường vụ, Ban Chấp hành hàng tháng, các nội dung trong cuộc họp và Nghị quyết của Đảng ủy Công ty luôn bám sát các Chỉ thị, Nghị quyết của Đảng, Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông nhất là các chỉ tiêu về SXKD, doanh thu, chi phí, lợi nhuận, cổ tức cho cổ đông và tiền lương thu nhập cho người lao động.

HDQT, Ban Giám đốc của Công ty cũng luôn bám sát Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông để thực hiện nhiệm vụ điều hành và các nội dung Nghị quyết tại các cuộc họp Hội đồng quản trị và Hội đồng quản trị mở rộng, họp giao ban hàng tháng của Giám đốc Công ty. Nhìn chung cả hệ thống chính trị, Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc đã và đang thực hiện rất nghiêm túc các chỉ tiêu Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông năm 2020 đã đề ra.

2. Kết quả giám sát hoạt động của Hội đồng quản trị:

Năm 2020, Hội đồng quản trị đã luôn giám sát và chỉ đạo các hoạt động kinh doanh của Công ty; Giám sát Giám đốc và các bộ phận quản lý khác trong Công ty trong quá trình thực hiện chức năng nhiệm vụ quản lý và điều hành.

Hội đồng quản trị đã tổ chức các cuộc họp định kỳ quý, năm theo đúng quy định Điều lệ Công ty. Ban Kiểm soát đánh giá hoạt động của Hội đồng quản trị đáp ứng kịp thời với yêu cầu hoạt động SXKD của công ty trong năm.

Thông qua các cuộc họp: Hội đồng quản trị và Hội đồng quản trị mở rộng đã ban hành Nghị quyết và các Quyết định liên quan đến hoạt động của Công ty trong phạm vi trách nhiệm và thẩm quyền của mình; Các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị ban hành đúng trình tự, đúng thẩm quyền và phù hợp căn cứ pháp lý theo quy định của Pháp luật và Điều lệ Công ty; Trong năm, Hội đồng quản trị đã tổ chức 20 cuộc họp, đã ban hành: 13 Nghị quyết, 07 Tờ trình gửi Ban chấp hành Đảng ủy, 38 Quyết định và các văn bản chỉ đạo khác với các nội dung

thảo luận trong phiên họp phù hợp với chức năng, quyền hạn và nhiệm vụ cụ thể của Hội đồng quản trị;

Hội đồng quản trị đã tiến hành họp định kỳ để triển khai công tác giám sát, chỉ đạo và định hướng hoạt động kinh doanh của Công ty; Trong quá trình thực thi nhiệm vụ, Ban Kiểm soát đã được Hội đồng quản trị Công ty tạo mọi điều kiện thuận lợi để hoàn thành công việc.

Chủ tịch Hội đồng quản trị của Công ty cũng là trưởng nhóm đại diện phần vốn nhà nước tại Công ty (51% vốn Điều lệ) đã thực hiện nghiêm chỉnh các qui định tại quy chế hoạt động của người đại diện của Hội đồng thành viên Tổng công ty Đường sắt Việt Nam.

Trong năm 2020 người đại diện đã thực hiện chế độ báo cáo cấp trên theo qui định có chất lượng và đúng tiến độ:

- Báo cáo số 130/NĐD-BC ngày 06/3/2020 việc xây dựng kế hoạch và thực hiện các nội dung về: Quản lý lao động, tiền lương, thù lao, tiền thưởng của Công ty năm 2019 và kế hoạch tiền lương, thù lao, tiền thưởng của Công ty năm 2020 trình Tổng công ty ĐSVN xin ý kiến chỉ đạo và đã được Tổng công ty ĐSVN chấp thuận tại văn bản số 829/ĐS-KTKT ngày 13/4/2020;

3. Kết quả giám sát hoạt động của Ban Giám đốc Công ty:

Trong năm 2020, Ban Giám đốc quản lý và điều hành công việc kinh doanh của Công ty đã và đang thực hiện rất nghiêm túc các quyền hạn và nhiệm vụ theo qui định tại Điều lệ tổ chức hoạt động của Công ty Cổ phần đường sắt Hà Hải và Nghị quyết của Hội đồng quản trị.

Giám đốc điều hành đã có nhiều nỗ lực để đảm bảo tình hình SXKD của Công ty hoạt động có hiệu quả. Thực hiện tốt việc sắp xếp, điều chuyển, định biên lại nhân lực, công tác đào tạo nhân lực để nâng cao năng suất lao động và tiết kiệm chi phí. Đưa ra các quyết định điều hành một cách hợp lý, kịp thời, phù hợp với từng thời điểm. Luôn tuân thủ các quy định của pháp luật, quy chế nội bộ trong công tác điều hành, thực hiện các qui định về Công ty cổ phần như: Niêm yết Công ty đại chúng, Lưu ký chứng khoán và triển khai các thủ tục niêm yết cổ phiếu trên sàn UpCom – Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội. Thành lập WEBSITE Công ty CP Đường sắt Hà Hải.

Năm 2020, những tháng đầu năm do hợp đồng đặt hàng Quản lý bảo dưỡng thường xuyên kết cấu hạ tầng đường sắt chưa được ký kết nên chưa tạm ứng kinh phí, vì vậy Công ty gặp rất nhiều khó khăn trong việc vay mượn, cân đối các nguồn tiền để chi trả tiền lương và chế độ cho người lao động. Nhưng do đã dự báo trước tình hình, ban lãnh đạo Công ty đã xây dựng chiến lược tài chính và kế hoạch sản xuất kinh doanh để lãnh đạo Công ty vượt qua khó khăn trên. Với sự điều hành sát sao, quyết liệt của Ban Giám đốc Công ty và tinh thần tích cực lao động, sản xuất, thực hiện nghiêm chỉnh các qui định của cấp trên, của toàn thể người lao động trong Công ty, nên đã thực hiện vượt mức tất cả các chỉ tiêu SXKD cả trong và ngoài công ích, so với kế hoạch và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông đã đề ra.

4. Kết quả thực hiện hoạt động SXKD năm 2020 của Công ty:

Đơn vị tính: 1000 đ

TT	Tên chỉ tiêu	Thực hiện năm 2019	Theo NQ ĐHCĐ năm 2020	Thực hiện năm 2020 (SL đã được kiểm toán)	Tỷ lệ (%) so với NQ 2020
1	Doanh thu	161.922.520	175.834.962	193.533.185	110,1 %
a	Doanh thu từ hoạt động công ích	139.899.897	145.834.962	149.925.871	102,8 %
b	Doanh thu từ hoạt động ngoài công ích	22.022.623	30.000.000	43.607.314	145,4 %
	Trong đó: - Công ty	7.382.318		6.006.831	
	- XNXL và KD DV	1.898.054		4.230.073	
	- XN XI công trình	12.842.251		33.370.410	
2	Tổng chi phí	157.309.430	171.581.212	189.494.358	110,4 %
	Trong đó: CP quản lý	15.623.372		16.285.261	
3	Vốn điều lệ	13.800.000	13.800.000	13.800.000	100,0 %
4	Lợi nhuận trước thuế	4.613.090	4.253.750	4.038.827	94,9 %
5	Các khoản tăng (+) giảm (-) lợi nhuận	1.932.326		90.165	
6	Thuế thu nhập doanh nghiệp = ((4+5) x 20%) x 70% (theo QĐ 116 giảm 30%)	1.309.083	850.750	578.059	67,9 %
7	Lợi nhuận sau thuế = (4-6)	3.304.007	3.403.000	3.460.768	101,7 %
8	Tỷ suất lợi nhuận TT /Vốn điều lệ (%)	33,43 %	30,82 %	29,27 %	94,97 %
9	Tỷ suất lợi nhuận ST /Vốn điều lệ (%)	23,94 %	24,66 %	25,08 %	101,7 %
10	Phân chia lợi nhuận sau thuế:	3.304.007	3.403.000	3.460.768	101,7 %
10a	Chia cổ tức (LNST *53,83 %)	1.876.800	1.863.000	1.863.000	100,0%
10b	Quỹ đầu tư phát triển (LNST*16,12 %)	374.160	500.000	557.768	111,6 %
10c	Quỹ khen thưởng, phúc lợi(LNST*28,18%)	992.547	975.298	975.298	100,0 %
10d	Quỹ thưởng người quản lý(LNST*1,87 %)	60.500	64.702	64.702	100,0 %
11	Tỷ lệ trả cổ tức/vốn điều lệ	13,6%	13,5%	13,5%	100,0 %
12	Tổng số lao động bình quân (ko bao gồm người quản lý) (người)	921	928	892	96,1 %
13	Tổng quỹ lương TH(gồm lương quản lý)	84.783.289	85.338.480	91.965.534	107,77 %
14	Tiền lương bình quân/tháng (ko bao gồm NQL)	7.613	7.480	8.390	112,17 %
15	Thu nhập bình quân người / tháng	7.916	8.312	9.346	112,44 %

*** Nhận xét:**

Với kết quả thực hiện hoạt động SXKD tại biểu trên nhìn thấy rõ Công ty đã thực hiện vượt mức tất cả các chỉ tiêu SXKD cả trong và ngoài công ích, so với kế hoạch và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông đã đề ra: Sản lượng, doanh thu tăng: 10,1%; Lợi nhuận sau thuế tăng: 1,7%; Thu nhập bình quân tăng: 12,44%;

Tại (mục 4) Lợi nhuận trước thuế giảm 5,1% so với kế hoạch là do phát sinh chi phí lắp đặt liên thông biển đồ quay với cần, dàn chắn.

Tại (mục 6) Thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) thực hiện giảm 32,1% so với kế hoạch là do thực hiện theo Nghị định 114/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Nghị quyết số 116//2020/QH14 ngày 19/6/2020 của Quốc hội về giảm thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của năm 2020 đối với doanh nghiệp, hợp tác xã, đơn vị sự nghiệp và tổ chức khác. Theo đó, Công ty được giảm 30% số thuế TNDN phải nộp kỳ tính thuế TNDN năm 2020 vì Công ty có tổng doanh thu năm 2020 không quá 200 tỷ đồng.

5. Thẩm định Báo cáo tài chính:

5.1. Căn cứ vào Báo cáo tài chính (BCTC) năm 2020 của Công ty cổ phần đường sắt Hà Hải đã được kiểm toán do Công ty TNHH kiểm toán BDO phát hành. Trên cơ sở xem xét và thẩm định số liệu và các chỉ tiêu trên báo cáo tài chính, Ban Kiểm soát xác nhận một số nội dung sau:

- BCTC đã được lập và trình bày phù hợp với chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý liên quan.

- Số liệu báo cáo, các chỉ tiêu được trình bày trong báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2020 của Công ty.

- Báo cáo tài chính của Công ty đã được lập đầy đủ, kịp thời; các thông tin về tài chính được phản ánh và thuyết minh một cách rõ ràng đáp ứng được yêu cầu của nhà quản lý, nhà đầu tư và các cơ quan hữu quan.

5.2. Kiểm soát việc chi trả cổ tức cho các cổ đông: Công ty đã chi trả cổ tức năm 2018 và 2019 cho các cổ đông kịp thời, đúng quy định của pháp luật. Cụ thể:

- Cổ tức năm 2018: Công ty đã chi trả cổ tức cho các cổ đông với tỷ lệ chi trả cổ tức là: 8,9% với tổng số tiền chi trả = 1.228.200.000đ.

- Cổ tức năm 2019: Công ty đã chi trả cổ tức cho các cổ đông với tỷ lệ chi trả cổ tức là: 13,6% với tổng số tiền chi trả = 1.876.800.000đ. Trong đó, đã chi trả cổ tức cho các cổ đông đại chúng = 919.632.000đ vào tháng 6/2020; còn cổ tức của Tổng Công ty ĐSVN = 957.168.000đ Công ty trả vào tháng 11/2020.

Tuy nhiên, việc chi trả cổ tức năm 2019 tại thời điểm báo cáo (tháng 4/2021) căn cứ tài liệu phòng TC-KT cung cấp (từ năm 2016 ->2020) hiện còn 25 cổ đông chưa đến nhận tiền cổ tức với số tiền tương ứng là: 8.913.213đ;

*Kiến nghị: Công ty (Phòng TCKT) cần tìm biện pháp thông báo đến cổ đông để các cổ đông nhận được cổ tức kịp thời.

- Về việc thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ với Ngân sách Nhà nước: Tổng số nộp thuế và các khoản phải nộp Nhà nước năm 2020 là: 4.998.796.138 đồng.

6. Đánh giá sự phối hợp hoạt động của Ban kiểm soát:

Năm 2020, Ban Kiểm soát đã phối kết hợp tương đối tốt trong công tác cùng với Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc và các cán bộ quản lý của Công ty dựa trên nguyên tắc vì sự phát triển Công ty và hài hòa lợi ích chung của Công ty – Xã hội và cổ đông trên cơ sở tuân thủ đầy đủ các qui định của pháp luật Việt Nam; Điều lệ Công ty và các quy chế, qui định nội bộ của Công ty đã ban hành.

Trong năm, Ban Kiểm soát đã căn cứ và thực hiện chức năng nhiệm vụ của mình theo Điều lệ của Công ty qui định. Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc và các cán bộ quản lý cũng đã thực hiện việc cung cấp thông tin và tạo điều kiện cho Ban Kiểm soát được tiếp cận với tài liệu để kiểm soát xác nhận tính sát thực của thông tin. Tuy nhiên đôi khi việc cung cấp tài liệu cho Ban kiểm soát chưa kịp thời còn chậm tiến độ.

Tham gia dự thảo, soát xét hệ thống tài liệu quản trị của Công ty như quy chế, quy định, quyết định, quy trình...

Đối với cổ đông: Trong năm, Ban Kiểm soát không nhận được một khiếu nại nào của cổ đông về hoạt động của Công ty, về điều hành của Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc.

Nhìn chung trong quá trình thực thi nhiệm vụ của mình, Ban Kiểm soát đã được Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc và các phòng ban trong Công ty tạo điều kiện thuận lợi để hoàn thành nhiệm vụ.

*** Một số vấn đề còn tồn tại:**

- Công tác quản trị nội bộ còn thiếu chặt chẽ;
- Công tác thu hồi công nợ còn chậm;

C. KIẾN NGHỊ CỦA BAN KIỂM SOÁT

Để Công ty hoàn thành các chỉ tiêu năm 2021 được Đại hội đồng cổ đông thường niên biểu quyết thông qua, nhằm hạn chế những sai sót, rủi ro trong quá trình điều hành mọi hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, Ban Kiểm soát đưa ra một số kiến nghị, giải pháp cụ thể sau:

1. Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc cần tăng cường chỉ đạo thực hiện thu hồi các khoản công nợ phải thu đã quá hạn thanh toán (được thể hiện trong BCTC năm), nên thu hồi vốn nhanh để giảm bớt áp lực về vốn và lãi vay; đánh giá khả năng thu nợ và thực hiện trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi để bảo toàn vốn, cụ thể:

- Tại Công ty còn tồn nhiều khoản công nợ phải thu đã lâu chưa thu hồi được với số tiền là: 13.509.941.923đ

- Tại xí nghiệp xây lắp và kinh doanh dịch vụ còn tồn tại ba khoản công nợ phải thu đã phát sinh từ lâu nhưng chưa thu hồi được với số tiền: 606.194.000đ

- Tại Xí nghiệp xây lắp công trình còn tồn tại hai khoản công nợ phải thu đã phát sinh từ năm 2016 nhưng chưa thu hồi được với số tiền: 344.000.000 đồng.

2. Đối chiếu theo khoản 3 điều 24 quy chế Quản lý tài chính Công ty đã phát hành năm 2016; Ban Giám đốc cần căn cứ kết quả thực hiện các chỉ tiêu SXKD của năm cần phải tổ chức phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến doanh thu: “phân tích chi phí sản xuất, giá thành sản phẩm nhằm phát hiện những khâu yếu kém trong quản lý, những yếu tố làm tăng chi phí, giá thành để có giải pháp khắc phục kịp thời” năm 2019, 2020 chưa thực hiện. Đề nghị 2021 Công ty cần thực hiện.

3. Đối chiếu theo khoản 3 điều 40 và khoản 1, khoản 3 điều 46 của Điều lệ Công ty thì kết thúc năm tài chính năm 2019 và 2020: Các khoản chi chế độ cho bộ máy quản lý, Công ty đã lập dự toán chung, trình và thông qua ĐHĐCĐ thường niên hàng năm nhưng chưa quyết toán phần chi phí quản lý, và cũng chưa thể hiện thành mục riêng trên báo cáo tài chính. Ban Kiểm soát kiến nghị Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc Công ty cần quan tâm thực hiện các vấn đề trên đã qui định trong Điều lệ.

4. Công ty và các Xí nghiệp trực thuộc phải xây dựng kế hoạch tài chính năm của Công ty và báo cáo ĐHĐCĐ làm căn cứ giám sát và đánh giá kết quả quản lý điều hành hoạt động SXKD của Hội đồng quản trị và Giám đốc (Điều 30 quy chế Quản lý tài chính Công ty).

5. Công ty có khoản đầu tư vốn góp vào Công ty cổ phần Hải Vân Nam với giá trị xác định khi chuyển sang Công ty cổ phần tại thời điểm 07/1/2016 là 50.091.990 đ, Công ty cần liên hệ đối chiếu vốn góp và nhận cổ tức hàng năm về quỹ công ty.

6. Công ty tiếp tục xây dựng chiến lược trung và dài hạn. Lựa chọn và phát triển các nguồn lực để triển khai các dự án đầu tư có hiệu quả và tạo dòng tiền cho Công ty bằng việc mở rộng thêm các lĩnh vực sản xuất kinh doanh ngoài công ích...Đẩy mạnh các hoạt động đầu tư, đảm bảo mục tiêu chất lượng các công trình nhằm nâng cao giá trị của Công ty.

Trên đây là toàn văn báo cáo của Ban Kiểm soát năm 2020 và nhiệm kỳ 2019-2020, các thông tin trình bày trong báo cáo của Ban Kiểm soát là hoàn toàn dựa trên các báo cáo chuyên môn trung thực và hợp lý.

Ban Kiểm soát kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua.

Kính chúc Đại hội thành công tốt đẹp.

Xin trân trọng cảm ơn!

Nơi nhận:

- Các Quý Cổ đông;
- Hội đồng quản trị;
- Thành viên Ban KS;
- Ban Giám đốc;
- Lưu: VT, BKS.

**TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN**



Trần Thị Hồng Vân

**CÔNG TY CỔ PHẦN
ĐƯỜNG SẮT HÀ HẢI**

Số: 149 /BC-ĐHĐCĐ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 05 tháng 4 năm 2021

BÁO CÁO TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021
Về việc báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính 2020

Căn cứ luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 17/6/2020.

Căn cứ điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần đường sắt Hà Hải

Căn cứ vào báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần đường sắt Hà Hải năm 2020 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH kiểm toán BDO. Ý kiến của kiểm toán, báo cáo tài chính của Công ty đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Đơn vị tính: đồng

CHỈ TIÊU	MS	NĂM 2020 31/12/2020	NĂM 2019 31/12/2019
A- TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150)	100	98,017,666,814	71,108,135,340
I. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN	110	9,681,290,916	1,765,254,937
1- Tiền	111	9,681,290,916	1,381,554,937
2- các khoản tương đương tiền	112		383,700,000
II. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN	120	15,064,800,000	4,352,300,000
1- Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		15,064,800,000	4,352,300,000
III. CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN	130	60,674,632,256	59,707,132,194
1- Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	56,423,763,293	57,529,192,149
2- Trả trước cho người bán ngắn hạn	134	2,797,984,548	26,300,802
3- Phải thu ngắn hạn khác	135	1,529,473,415	2,228,228,243
4- Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(76,589,000)	(76,589,000)
IV. HÀNG TỒN KHO	140	12,232,684,483	5,193,226,154
1- Hàng tồn kho	141	12,232,684,483	5,193,226,154
V. TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC (TRONG 12 THÁNG)	150	364,259,159	90,222,055
1- Chi phí trả trước ngắn hạn (TK 2422)	151	159,936,545	90,222,055
2- Thuế và các khoản khác phải thu nhà nước	153	204,322,614	
B- TÀI SẢN DÀI HẠN (200=210+220+240+250+260)	200	5,973,601,824	5,665,114,272
I. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH	220	5,743,989,834	5,560,291,005
1- Tài sản cố định hữu hình	221	5,743,989,834	5,560,291,005
+ Nguyên giá		19,770,349,673	18,169,301,591
+ Giá trị hao mòn lũy kế		(14,026,359,839)	(12,609,010,586)

2- Tài sản cố định vô hình	226	-	-
II. TÀI SẢN DỒ DANG DÀI HẠN	240	171,200,000	-
1- Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	171,200,000	-
III. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN	250	50,091,990	50,091,990
1- Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	50,091,990	50,091,990
IV. TÀI SẢN DÀI HẠN KHÁC (TRÊN 12 THÁNG)	260	8,320,000	54,731,277
1- Chi phí trả trước dài hạn (TK2421)	261	8,320,000	54,731,277
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270	103,991,268,638	76,773,249,612
A- NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)	300	85,473,899,458	61,716,648,934
I. NỢ NGẮN HẠN	310	85,473,899,458	61,716,648,934
1- Phải trả người bán ngắn hạn	311	37,606,747,903	30,550,181,478
2- người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	23,607,834,532	6,477,010,115
3- Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	313	4,988,796,138	4,471,497,653
4- Phải trả người lao động	314	12,232,704,961	8,124,714,427
5- Chi phí phải trả ngắn hạn	315	44,490,031	34,318,485
6- Phải trả ngắn hạn khác	316	3,656,628,210	5,966,376,248
7- Vay tài chính ngắn hạn	320	2,571,795,102	4,700,247,947
8- Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		
9- Quỹ khen thưởng, phúc lợi, thưởng ban ĐH	322	764,902,581	1,392,302,581
II. NỢ DÀI HẠN	330	-	-
B- NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU (400= 410+430)	400	18,517,369,180	15,056,600,678
I. VỐN CHỦ SỞ HỮU	410	18,517,369,180	15,056,600,678
1- Vốn góp của chủ sở hữu	411	13,800,000,000	13,800,000,000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a	13,800,000,000	13,800,000,000
2- Quỹ đầu tư phát triển	416	968,285,941	968,285,941
3- Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420	288,314,737	288,314,737
4- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	3,460,768,502	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440	103,991,268,638	76,773,249,612
KẾT QUẢ SX KINH DOANH NĂM 2020		NĂM 2020	NĂM 2019
Tổng doanh thu		193,533,185,342	161,922,519,769
+ Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp D.vụ		192,300,302,461	160,649,400,275
- Doanh thu từ hoạt động SCTX (Công ích)		149,925,870,909	139,899,897,265
- Doanh thu từ hoạt động SX phụ		42,374,431,552	20,749,503,010
Trong đó: Công ty làm		4,775,638,225	6,110,670,216
XNXL&KDDV làm:		4,229,851,738	1,797,769,306
XNXL Công trình làm:		33,368,941,589	12,841,063,488
+ Thu nhập khác		684,434,613	866,861,818
+ Doanh thu từ hoạt động tài chính		548,448,268	406,257,676
Trong đó: Công ty:		546,757,944	404,786,064

XNXL&KDDV:		221,271	284,106
XNXL Công trình:		1,469,053	1,187,506
Tổng chi phí		189,494,357,870	157,309,429,982
+ Chi phí về bán hàng và cung cấp D.vụ		188,694,683,285	155,272,408,280
- Chi phí hoạt động SCTX (Công ích)		147,275,864,613	135,484,300,278
- Chi phí hoạt động SX phụ		41,418,818,672	19,788,108,002
Trong đó: Công ty làm		4,117,558,860	5,236,676,084
XNXL&KDDV:		4,213,692,535	1,797,769,306
XNXL Công trình:		33,087,567,277	12,753,662,612
- Chi phí hoạt động khác		675,505,286	1,951,144,227
- Chi phí hoạt động tài chính		124,169,299	85,877,475
Tổng lợi nhuận trước thuế		4,038,827,472	4,613,089,787
- LN từ Hoạt động SX, cung cấp D.vụ		3,605,619,176	5,376,991,995
- Từ hoạt động SCTX (Công ích)		2,650,006,296	4,415,596,987
- Từ hoạt động SX phụ		955,612,880	961,395,008
Trong đó: Công ty làm		658,079,365	873,994,132
XNXL&KDDV:		16,159,203	-
XNXL Công trình:		281,374,312	87,400,876
- Từ hoạt động khác		8,929,327	(1,084,282,409)
- Từ hoạt động tài chính		424,278,969	320,380,201
Trong đó: Công ty:		422,588,645	318,908,589
XNXL&KDDV:		221,271	284,106
XNXL Công trình:		1,469,053	1,187,506
Thuế Thu nhập DN		578,058,970	1,309,083,166
Tổng lợi nhuận sau thuế TNDN		3,460,768,502	3,304,006,621
- Chia cổ tức		1,863,000,000	1,876,800,000
- Quỹ đầu tư phát triển		557,768,502	374,160,000
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi		975,298,000	992,546,621
- Quỹ thưởng người quản lý DN		64,702,000	60,500,000
Thuế			
- Các khoản thuế phải nộp		12,137,818,288	12,661,167,483
- Số đã nộp trong kỳ		11,824,842,417	12,694,781,910
Các khoản nộp BHXH, BHYT, KPCĐ			
- Tổng số phải nộp		22,174,221,387	20,895,883,517
- Số đã nộp trong kỳ		22,002,769,955	20,590,681,166
*. Tổng Quỹ lương		91,965,534,631	84,783,289,562
*. Số lao động bình quân trong năm		899	928
*. Tiền lương bình quân		8,524,799	7,613,442
*. Thu nhập khác		8,914,980,035	3,370,920,750
*. Thu nhập bình quân		9,346,003	7,916,147

*** Giải trình: Một số chỉ tiêu chính của báo cáo tài chính năm 2020**

- Doanh thu năm 2020 tăng so với năm 2019: 31.650.902.186 đồng, tăng 19,7%
- Lợi nhuận sau thuế năm 2020 tăng so với năm 2019: 156.761.881 đồng tăng 5%
- Tỷ lệ trả cổ tức theo nghị quyết đại hội đồng cổ đông là 13,5%, thực hiện đạt 13,5%
- Thu nhập bình quân năm 2020 đạt 9.346.003 đồng tăng so với năm 2019: 18,1%
- Tình hình thực hiện nghĩa vụ đối với ngân sách nhà nước: Công ty chấp hành đầy đủ, kịp thời chế độ chính sách đối với ngân sách nhà nước như: kê khai, nộp thuế, đóng BHXH và giải quyết, chi trả kịp thời các chế độ cho người lao động.

Trên đây là các chỉ tiêu cơ bản báo cáo tài chính ngày 31/12/2020 của Công ty Cổ phần đường sắt Hà Hải đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH kiểm toán BDO

KẾ TOÁN TRƯỞNG

Hoàng Đức Tài

Số: **150** /TTr-ĐHĐCĐ

Hà Nội, ngày **05** tháng **4** năm 2021

TỜ TRÌNH

Về việc: Thông qua Báo cáo tài chính đã kiểm toán, Phương án phân phối lợi nhuận, tiền lương, thù lao của HĐQT và Ban Kiểm soát năm 2020. Thông qua kế hoạch SXKD, chỉ tiêu tài chính, dự kiến phân phối lợi nhuận, tiền lương, thù lao, tiền thưởng, lựa chọn đơn vị kiểm toán BCTC và Kế hoạch đầu tư, mua sắm tài sản cố định năm 2021.
Rà soát, đánh giá cơ cấu tổ chức hiện tại và tổ chức, sắp xếp lại cho phù hợp để hoàn thành tốt nhiệm vụ SXKD

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần đường sắt Hà Hải

Căn cứ Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020;
Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần đường sắt Hà Hải;
Căn cứ Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2020 Công ty Cổ phần đường sắt Hà Hải ngày 13/5/2020;

Căn cứ Báo cáo tài chính năm 2020 của Công ty Cổ phần đường sắt Hà Hải đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH kiểm toán BDO;

Căn cứ Văn bản số .../ĐS-KTKT ngày .../.../2021 của Tổng công ty ĐSVN về việc tham gia ý kiến tại ĐHĐCĐ thường niên năm 2021 của Công ty Cổ phần đường sắt Hà Hải;

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần đường sắt Hà Hải kính trình Đại hội đồng cổ đông biểu quyết thông qua các nội dung sau:

1. Báo cáo tài chính năm 2020 đã kiểm toán.

Hội đồng Quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua nội dung Bản báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần đường sắt Hà Hải đã được Công ty TNHH kiểm BDO kiểm toán ban hành ngày 23 tháng 02 năm 2020.

2. Phương án phân phối lợi nhuận năm 2020.

TT	Chỉ tiêu	Công thức tính	Số tiền (đồng)
	Tổng lợi nhuận trước thuế		4.038.827.000
	Tổng lợi nhuận sau thuế	LNST	3.460.768.000
1	Chi trả cổ tức bằng tiền (đạt 13,5% trên vốn góp), trong đó:	(LNST x 53,83%)	1.863.000.000
	- Cổ tức phần vốn nhà nước	(51% x LNST x 53,83%)	950.130.000
	- Cổ tức cổ đông đại chúng	(49% x LNST x 53,83%)	912.870.000
2	Quỹ đầu tư phát triển	(LNST x 16,12%)	557.768.000

3	Quỹ khen thưởng phúc lợi	(LNST x 28,18%)	975.298.000
4	Quỹ thưởng người QLDN	(LNST x 1,87%)	64.702.000

3. Về lao động tiền lương, thù lao năm 2020 của Công ty.

- Lao động thực tế sử dụng bình quân: 892 người (không bao gồm người quản lý chuyên trách)

- Tổng quỹ tiền lương thực hiện của người lao động (không bao gồm tiền ăn giữa ca): 89.816.890.000 đồng, trong đó mức tiền lương bình quân của người lao động: 8.390.000 đồng/người/tháng;

- Tổng quỹ tiền lương thực hiện người quản lý chuyên trách: 2.088.600.000 đồng, trong đó mức tiền lương bình quân người quản lý chuyên trách đại diện phần vốn nhà nước: 28.935.000 đồng/người/tháng; mức tiền lương bình quân người quản lý chuyên trách không đại diện phần vốn nhà nước: 23.236.000 đồng/người/tháng;

- Quỹ thù lao thực hiện của người quản lý không chuyên trách 60.000.000 đồng, trong đó mức thù lao bình quân của người quản lý không chuyên trách: 1.250.000 đồng/người/tháng.

- Thu nhập bình quân năm 2020 là 9.346.000 đồng/người/tháng tăng 12,5% so với năm 2019.

4. Kế hoạch SXKD, chỉ tiêu tài chính, kế hoạch phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2021.

TT	Nội dung tham gia	Đơn vị tính	Kế hoạch năm 2021	Tỷ lệ % KH/TH
1	Doanh thu SXKD	Nghìn đồng	224.973.389	116,2%
	- Sản phẩm công ích	Nghìn đồng	153.630.541	102,5%
	- Sản xuất kinh doanh khác	Nghìn đồng	71.342.848	163,6%
2	Lợi nhuận trước thuế TNDN	Nghìn đồng	4.542.258	112,5%
3	Lợi nhuận sau thuế (LNST)	Nghìn đồng	3.633.806	105,0%
4	Tỷ suất lợi nhuận/Vốn điều lệ	%	32,91%	112,5%
5	Tỷ lệ cổ tức/Vốn điều lệ	%	13,5%	100,0%
5.1	Chia cổ tức	Nghìn đồng	1.863.000	100,0%
5.2	Quỹ đầu tư phát triển	Nghìn đồng	680.744	122,0 %
5.3	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	Nghìn đồng	1.024.063	105,0%
5.4	Quỹ thưởng người QLDN	Nghìn đồng	66.000	102,0%

5. Kế hoạch lao động, tiền lương, thù lao, tiền thưởng năm 2021.

- Người lao động kế hoạch: 917 người (không bao gồm người quản lý chuyên trách);

- Tổng quỹ tiền lương kế hoạch người lao động (không bao gồm tiền ăn giữa ca): 97.780.600.000 đồng, trong đó mức tiền lương bình quân của người lao động: 8.885.000 đồng/người/tháng;

- Tổng quỹ tiền lương kế hoạch người quản lý chuyên trách: 2.173.100.000 đồng, trong đó mức tiền lương bình quân người quản lý chuyên trách đại diện phần vốn nhà nước: 29.980.000 đồng/người/tháng, mức tiền lương bình quân người quản lý chuyên trách không đại diện phần vốn nhà nước: 24.225.000 đồng/người/tháng;

- Quỹ thù lao kế hoạch của người lý không chuyên trách: 60.000.000 đồng, trong đó mức thù lao bình quân 1.250.000 đồng/người/tháng.

6. Lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập kiểm toán BCTC năm 2021.

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 biểu quyết ủy quyền cho Hội đồng quản trị Công ty lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập trong danh sách các doanh nghiệp kiểm toán đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kiểm toán năm 2021 của Bộ Tài chính theo đúng trình tự thủ tục quy định của pháp luật hiện hành.

7. Kế hoạch đầu tư, mua sắm tài sản cố định năm 2021.

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 biểu quyết ủy quyền cho Hội đồng quản trị Công ty quyết định kế hoạch đầu tư, mua sắm tài sản cố định năm 2021 sau khi xin ý kiến Hội đồng thành viên Tổng công ty ĐSVN.

8. Rà soát, đánh giá cơ cấu tổ chức hiện tại và tổ chức, sắp xếp lại cho phù hợp để hoàn thành tốt nhiệm vụ SXKD.

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 biểu quyết ủy quyền cho Hội đồng quản trị Công ty quyết định Rà soát, đánh giá cơ cấu tổ chức hiện tại và tổ chức, sắp xếp lại cho phù hợp để hoàn thành tốt nhiệm vụ SXKD.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và biểu quyết thông qua các nội dung nêu trên./.

Xin trân trọng cảm ơn!

Nơi nhận:

- Các Quý Cổ đông;
- Thành viên HĐQT;
- Ban KS, Ban GD;
- Lưu: VT, Tky công ty.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Văn Hải

**CÔNG TY CỔ PHẦN
ĐƯỜNG SẮT HÀ HẢI**

Số: 151/TTr-ĐSHH

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Hà Nội, ngày 15 tháng 4 năm 2021

TỜ TRÌNH
V/v thông qua việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty CPĐS Hà Hải.

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIV, kỳ họp thứ 9 thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020;

- Căn cứ các quy định pháp luật hiện hành,

- Căn cứ vào Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần đường sắt Hà Hải.

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông về việc sửa đổi và bổ sung Điều lệ Công ty như sau:

Trên cơ sở rà soát Điều lệ Công ty, Hội đồng quản trị nhận thấy một số điều khoản tại Điều lệ Công ty cần được xem xét sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với quy định pháp luật, Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và các yêu cầu quản trị, điều hành.

Điều lệ Công ty được sửa đổi, bổ sung (có dự thảo Điều lệ Công ty kèm theo) sẽ có hiệu lực áp dụng từ ngày được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông Công ty xem xét thông qua.

Xin trân trọng cảm ơn!

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Nguyễn Văn Hải

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

“Dự thảo”

ĐIỀU LỆ
TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT HÀ HẢI

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIV, kỳ họp thứ 9 thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ các quy định pháp luật hiện hành,

Công ty cổ phần đường sắt Hà Hải được tổ chức và hoạt động theo Điều lệ này, các quy định của Luật Doanh nghiệp và quy định của pháp luật hiện hành có liên quan.

Điều lệ này được thông qua theo quyết định hợp lệ của Đại hội đồng cổ đông tổ chức chính thức vào ngày ... tháng ... năm 2021

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Giải thích thuật ngữ

1. Trong Điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:

- a) “*Luật Doanh nghiệp*” có nghĩa là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020;
- b) Luật Chứng khoán là Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019;
- c) “*Việt Nam*” là nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;
- d) “*Tổng công ty Đường sắt Việt Nam*” (sau đây gọi tắt là Tổng công ty) là công ty mẹ trong nhóm công ty mẹ - công ty con Tổng công ty Đường sắt Việt Nam, được chuyển đổi từ công ty nhà nước thành công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu theo Quyết định số 973/QĐ-TTg ngày 25 tháng 6 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ”;
- đ) “*Công ty*” là Công ty cổ phần đường sắt Hà Hải;
- e) “*Điều lệ*” là Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty;
- g) “*Vốn điều lệ*” là tổng mệnh giá cổ phần đã bán hoặc đăng ký mua khi thành lập công ty cổ phần và quy định tại Điều 7 Điều lệ này;
- h) “*Vốn có quyền biểu quyết*” là vốn cổ phần, theo đó người sở hữu có quyền biểu quyết về những vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
- i) “*Ngày thành lập*” là ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và các giấy tờ có giá trị tương đương) lần đầu;
- k) “*Người điều hành Công ty*” là Giám đốc, Phó giám đốc, Kế toán trưởng;
- l) “*Người quản lý Công ty*” là Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng trong Công ty;
- m) “*Người có liên quan*” là cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 23 Điều 4 của Luật Doanh nghiệp/ khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán;
- n) “*Người có quan hệ gia đình*” bao gồm: vợ, chồng, bố đẻ, mẹ đẻ, bố nuôi, mẹ nuôi, bố chồng, mẹ chồng, bố vợ, mẹ vợ, con đẻ, con nuôi, con rể, con dâu, anh ruột, chị ruột,

em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu, anh ruột của vợ, anh ruột của chồng, chị ruột của vợ, chị ruột của chồng, em ruột của vợ, em ruột của chồng;

o) "*Thời hạn hoạt động*" là thời gian hoạt động của Công ty được quy định tại Khoản 5 Điều 3 Điều lệ này;

p) "*Cổ phần*": vốn điều lệ được chia thành nhiều phần bằng nhau được gọi là cổ phần;

q) "*Cổ phần phổ thông*" là một đơn vị vốn điều lệ của Công ty có mệnh giá là mười ngàn đồng (10.000 VND) và cho phép người nắm giữ có các quyền theo quy định của Điều lệ này;

r) "*Cổ phần ưu đãi*" là các loại cổ phần ưu đãi theo quy định của Luật Doanh nghiệp;

s) "*Cổ tức*" là khoản lợi nhuận ròng được trả cho mỗi cổ phần bằng tiền mặt hoặc bằng tài sản khác;

t) "*Cổ đông*" là cá nhân, tổ chức sở hữu ít nhất một cổ phần của Công ty;

u) "*Cổ phiếu*" là chứng chỉ do Công ty phát hành hoặc bút toán ghi sổ hoặc dữ liệu điện tử xác nhận quyền sở hữu một hay một số cổ phần của Công ty;

2. Trong Điều lệ này, các tham chiếu tới một hoặc một số quy định hoặc văn bản nào khác sẽ bao gồm cả những sửa đổi hoặc văn bản thay thế.

3. Các tiêu đề (Chương, Điều của Điều lệ này) được sử dụng nhằm thuận tiện cho việc hiểu nội dung và không ảnh hưởng tới nội dung của Điều lệ này.

4. Các từ hoặc thuật ngữ đã được giải nghĩa trong Bộ luật Dân sự, Luật Doanh nghiệp hoặc Luật Chứng khoán và các văn bản pháp luật khác thì có nghĩa như trong các văn bản pháp luật đó.

Điều 2. Tên, địa chỉ, trụ sở chính

1. Tên gọi đầy đủ: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT HÀ HẢI

2. Tên gọi tắt: CÔNG TY ĐƯỜNG SẮT HÀ HẢI

3. Tên giao dịch quốc tế: Ha Hai Railway Joint Stock Company

4. Trụ sở chính: Ngách 481/73 Đường Ngọc Lâm, Phường Gia Thụy, quận Long Biên, thành phố Hà Nội.

5. Điện thoại: 04 38730146

Fax: 04 38730146

6. E-mail:

7. Website: duongsathahai

8. Biểu tượng (Logo):

Điều 3. Hình thức pháp lý, tư cách pháp nhân và thời hạn hoạt động của Công ty

1. Hình thức doanh nghiệp:

- Công ty cổ phần đường sắt Hà Hải là doanh nghiệp được thành lập dưới hình thức chuyển từ Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Tổng công ty Đường sắt Việt Nam sở hữu 100% vốn điều lệ sang Công ty cổ phần do Tổng công ty Đường sắt Việt Nam nắm giữ cổ phần chi phối;

- Công ty cổ phần đường sắt Hà Hải có tư cách pháp nhân phù hợp với pháp luật hiện hành của Việt Nam kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

2. Công ty cổ phần đường sắt Hà Hải có:

a) Tư cách pháp nhân, con dấu riêng và được mở tài khoản tiền Đồng Việt Nam và ngoại tệ tại Kho bạc Nhà nước, các ngân hàng trong nước và nước ngoài theo các quy định của pháp luật có liên quan và Điều lệ này.

b) Vốn và tài sản riêng, chịu trách nhiệm đối với các khoản nợ và các nghĩa vụ tài chính khác bằng toàn bộ tài sản của mình; chịu trách nhiệm dân sự và thực hiện quyền, nghĩa vụ của chủ sở hữu đối với các công ty con và công ty liên kết trong phạm vi số vốn do Công ty đầu tư.

c) Quyền sở hữu, sử dụng và định đoạt đối với tên gọi, thương hiệu, biểu tượng riêng của Công ty theo quy định của pháp luật.

3. Công ty cổ phần đường sắt Hà Hải có một (01) người đại diện theo pháp luật.

Giám đốc Công ty là đại diện theo pháp luật của Công ty.

Người đại diện theo pháp luật thực hiện các quyền và nghĩa vụ phát sinh từ giao dịch của Công ty, đại diện cho Công ty với tư cách nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trước Trọng tài, Tòa án và các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

Người đại diện theo pháp luật của Công ty có trách nhiệm sau đây:

- Thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp của Công ty;

- Trung thành với lợi ích của Công ty; không sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh của Công ty, không lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng tài sản của Công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;

- Thông báo kịp thời, đầy đủ, chính xác cho Công ty về việc người đại diện đó và người có liên quan của họ làm chủ hoặc có cổ phần, phần vốn góp chỉ phối tại các doanh nghiệp khác.

Người đại diện theo pháp luật của Công ty chịu trách nhiệm cá nhân đối với những thiệt hại cho Công ty do vi phạm nghĩa vụ quy định nêu trên tại Khoản 3 Điều này.

4. Công ty có thể thành lập chi nhánh và văn phòng đại diện tại địa bàn kinh doanh để thực hiện các mục tiêu hoạt động của Công ty phù hợp với quyết định của Hội đồng quản trị và trong phạm vi luật pháp cho phép.

5. Trừ khi chấm dứt hoạt động trước thời hạn theo Điều 61 của Điều lệ này, thời hạn hoạt động của Công ty bắt đầu từ ngày thành lập và là vô thời hạn.

Điều 4. Mục tiêu hoạt động của Công ty

1. Lĩnh vực kinh doanh của Công ty:

a) Ngành, nghề kinh doanh chính: Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ (mã ngành 4210).

b) Các hoạt động kinh doanh khác theo quy định của pháp luật:

TT	Mã ngành	Ngành nghề kinh doanh
01	2599	Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại
02	2212	Sản xuất sản phẩm khác từ cao su
03	2392	Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét

04	2395	Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao
05	2511	Sản xuất các cấu kiện kim loại Chi tiết: Kinh doanh kết cấu hạ tầng đường sắt Sản xuất các cấu kiện kim loại
06	2592	Gia công cơ khí, xử lý và tráng phủ kim loại
07	5210	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa (không bao gồm kinh doanh bất động sản)
08	5510	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày
09	5610	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động (không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát karaoke, vũ trường)
10	4100	Xây dựng nhà các loại
11	4290	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác
12	4311	Phá dỡ
13	4312	Chuẩn bị mặt bằng
14	4321	Lắp đặt hệ thống điện
15	4322	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí Chi tiết: Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước
16	4390	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác
17	4610	Đại lý môi giới, đấu giá Chi tiết: Đại lý môi giới (không bao gồm môi giới chứng khoán, bảo hiểm, bất động sản và môi giới hôn nhân có yếu tố nước ngoài)
18	7710	Cho thuê xe có động cơ

2. Mục tiêu hoạt động của Công ty:

- Huy động và sử dụng các nguồn lực để tổ chức sản xuất có hiệu quả nhằm tối đa hóa lợi nhuận, cải thiện điều kiện làm việc, nâng cao thu nhập và đời sống vật chất, tinh thần cho người lao động, bảo đảm lợi ích tối đa cho các cổ đông;

- Hoàn thành mọi nghĩa vụ với ngân sách Nhà nước, góp phần xây dựng, phát triển đất nước.

Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động

1. Công ty lập kế hoạch và tiến hành tất cả các hoạt động kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và Điều lệ này, phù hợp với Chiến lược phát triển chung của Tổng công ty và quy định của pháp luật hiện hành; thực hiện các biện pháp thích hợp để đạt được các mục tiêu của Công ty

2. Công ty tiến hành hoạt động kinh doanh trong các lĩnh vực khác được pháp luật cho phép và được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Điều 6. Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội trong Công ty

1. Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam trong Công ty hoạt động theo Hiến pháp, pháp luật và Điều lệ của Đảng Cộng sản Việt Nam.
2. Các tổ chức chính trị - xã hội khác trong Công ty hoạt động theo Hiến pháp, pháp luật và Điều lệ của các tổ chức chính trị - xã hội phù hợp với quy định của pháp luật.
3. Công ty tôn trọng, tạo điều kiện thuận lợi về cơ sở vật chất, thời gian và điều kiện cần thiết khác để các tổ chức Đảng, tổ chức chính trị - xã hội tại Công ty hoạt động theo quy định của pháp luật và Điều lệ của các tổ chức đó.

Chương II VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN

Điều 7. Vốn điều lệ, cổ phần

1. Vốn điều lệ của Công ty là 13.800.000.000 đồng
(Mười ba tỷ tám trăm triệu đồng chẵn).
Tổng số vốn điều lệ của Công ty được chia thành 1.380.000 cổ phần (Một triệu ba trăm tám mươi nghìn cổ phần) với mệnh giá một cổ phần là mười nghìn đồng (10.000 VND/01 CP).
2. Công ty có thể thay đổi vốn điều lệ khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với các quy định của pháp luật.
3. Toàn bộ cổ phần của Công ty vào ngày thông qua Điều lệ này đều là cổ phần phổ thông, trong đó cổ phần thuộc sở hữu của Người lao động trong Công ty được mua ưu đãi theo cam kết làm việc lâu dài tại thời điểm thành lập bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định tại Khoản 4 Điều 7 và Khoản 4 Điều 10 của Điều lệ này. Các quyền và nghĩa vụ kèm theo cổ phần phổ thông được quy định tại Điều 16 và Điều 17 Điều lệ này.
4. Cổ phần thuộc sở hữu của Người lao động trong Công ty được mua ưu đãi theo cam kết làm việc lâu dài tại thời điểm thành lập Công ty được chuyển đổi thành cổ phần phổ thông và tự do chuyển nhượng sau khi kết thúc thời gian cam kết. Người nắm giữ cổ phần được mua ưu đãi theo thời gian cam kết làm việc lâu dài tại Công ty có quyền và nghĩa vụ như cổ đông phổ thông, ngoại trừ quyền chuyển nhượng cổ phần. Sau thời gian cam kết các hạn chế về chuyển nhượng cổ phần của Người lao động trong Công ty đều được bãi bỏ.
5. Công ty có thể chào bán cổ phần để tăng vốn điều lệ. Việc chào bán cổ phần được thực hiện sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông và phù hợp với các quy định của pháp luật.
6. Chào bán cổ phần cho cổ đông hiện hữu là trường hợp Công ty tăng thêm số lượng cổ phần, loại cổ phần được quyền chào bán và bán toàn bộ số cổ phần đó cho tất cả cổ đông theo tỷ lệ sở hữu cổ phần hiện có của họ tại Công ty.
Cổ phần phổ thông phát hành thêm phải được ưu tiên chào bán cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của họ trong Công ty, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông quyết định khác. Số cổ phần cổ đông và người nhận chuyển quyền ưu tiên mua không đăng ký mua hết thì Hội đồng quản trị của Công ty có quyền bán số cổ phần được quyền chào bán còn lại cho cổ đông của Công ty và người khác với điều kiện không thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông

hiện hữu trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có chấp thuận khác hoặc pháp luật về chứng khoán có quy định khác.

7. Cổ phần được coi là đã bán khi được thanh toán đủ và những thông tin về người mua quy định tại khoản 2 Điều 122 của Luật Doanh nghiệp và khoản 6 Điều 8 của Điều lệ này được ghi đầy đủ vào sổ đăng ký cổ đông; kể từ thời điểm đó, người mua cổ phần trở thành cổ đông của Công ty.

Sau khi cổ phần được thanh toán đầy đủ, công ty phát hành và giao cổ phiếu cho người mua; trường hợp không giao cổ phiếu, các thông tin về cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 122 của Luật Doanh nghiệp và khoản 6 Điều 8 của Điều lệ này được ghi vào sổ đăng ký cổ đông để chứng thực quyền sở hữu cổ phần của cổ đông đó trong Công ty.

8. Công ty có thể mua lại cổ phần do chính Công ty đã phát hành theo những cách thức được quy định trong Điều lệ này và pháp luật hiện hành.

9. Công ty có thể phát hành các loại trái phiếu, trái phiếu chuyển đổi và các loại chứng khoán khác theo quy định của pháp luật khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với quy định của pháp luật.

10. Trong quá trình hoạt động, phần vốn của Tổng công ty Đường sắt Việt Nam tại Công ty có thể thay đổi. Việc thay đổi do Tổng công ty Đường sắt Việt Nam lập phương án, báo cáo cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Điều 8. Chứng nhận cổ phiếu và Sổ đăng ký cổ đông

1. Cổ đông của Công ty được cấp chứng nhận cổ phiếu tương ứng với số cổ phần và loại cổ phần sở hữu.

2. Cổ phiếu là chứng chỉ do Công ty phát hành, bút toán ghi sổ hoặc dữ liệu điện tử xác nhận quyền sở hữu một hoặc một số cổ phần của Công ty. Cổ phiếu phải có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 1 Điều 121 Luật Doanh nghiệp.

3. Trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày nộp đầy đủ hồ sơ đề nghị chuyển quyền sở hữu cổ phần theo quy định của Công ty hoặc trong thời hạn khác theo điều khoản phát hành quy định kể từ ngày thanh toán đầy đủ tiền mua cổ phần theo như quy định tại phương án phát hành cổ phiếu của Công ty, người sở hữu số cổ phần được cấp chứng nhận cổ phiếu. Người sở hữu cổ phần không phải trả cho Công ty chi phí in chứng nhận cổ phiếu.

4. Trường hợp có sai sót trong nội dung và hình thức cổ phiếu do Công ty phát hành thì quyền và lợi ích của người sở hữu cổ phiếu đó không bị ảnh hưởng. Người đại diện theo pháp luật của Công ty chịu trách nhiệm về thiệt hại do những sai sót đó gây ra.

5. Trường hợp cổ phiếu bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác thì cổ đông được Công ty cấp lại cổ phiếu theo đề nghị của cổ đông đó. Đề nghị của cổ đông phải bao gồm các nội dung sau đây:

- a) Thông tin về cổ phiếu đã bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác;
- b) Cam kết chịu trách nhiệm về những tranh chấp phát sinh từ việc cấp lại cổ phiếu mới.

6. Sổ đăng ký cổ đông:

a) Công ty phải lập và lưu giữ sổ đăng ký cổ đông từ khi được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp. Sổ đăng ký cổ đông có thể là văn bản, tập dữ liệu điện tử ghi nhận thông tin về sở hữu cổ phần của các cổ đông Công ty.

b) Sổ đăng ký cổ đông phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

- Tên, địa chỉ trụ sở chính của Công ty;

- Tổng số cổ phần được quyền chào bán, loại cổ phần được quyền chào bán và số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;
 - Tổng số cổ phần đã bán của từng loại và giá trị vốn cổ phần đã góp;
 - Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức;
 - Số lượng cổ phần từng loại của mỗi cổ đông, ngày đăng ký cổ phần.
- c) Sổ đăng ký cổ đông được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty hoặc các tổ chức khác có chức năng lưu giữ sổ đăng ký cổ đông. Cổ đông có quyền kiểm tra, tra cứu, trích lục, sao chép tên và địa chỉ liên lạc của cổ đông Công ty trong sổ đăng ký cổ đông.
- d) Trường hợp cổ đông có thay đổi địa chỉ liên lạc thì phải thông báo kịp thời với Công ty để cập nhật vào sổ đăng ký cổ đông. Công ty không chịu trách nhiệm về việc không liên lạc được với cổ đông do không được thông báo thay đổi địa chỉ liên lạc của cổ đông.
- đ) Công ty phải cập nhật kịp thời thay đổi cổ đông trong sổ đăng ký cổ đông theo yêu cầu của cổ đông có liên quan theo quy định tại khoản 10 Điều 10 Điều lệ này.

Điều 9. Chứng chỉ chứng khoán khác

Chứng chỉ trái phiếu hoặc các chứng chỉ chứng khoán khác của Công ty được phát hành có dấu và chữ ký của đại diện theo pháp luật của Công ty.

Điều 10. Chuyển nhượng cổ phần, thừa kế cổ phần

1. Tất cả các cổ phần trong Công ty đều được tự do chuyển nhượng trừ pháp luật có quy định khác. Cổ phiếu niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán được chuyển nhượng theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.
2. Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và hưởng các quyền lợi liên quan như quyền nhận cổ tức, quyền nhận cổ phiếu phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, quyền mua cổ phiếu mới chào bán và các quyền lợi khác theo quy định của pháp luật.
3. Cổ phần ưu đãi của Công đoàn Công ty không được chuyển nhượng. *(nếu trường hợp Công đoàn Công ty không mua cổ phần ưu đãi thì có thể bỏ khoản này).*
4. Cổ phần ưu đãi của người lao động đã mua khi cam kết làm việc lâu dài cho Công ty trong thời hạn ít nhất là ba (03) năm (kể từ ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp) được chuyển đổi thành cổ phần phổ thông sau khi kết thúc thời gian cam kết.
 Trường hợp Công ty thực hiện tái cơ cấu dẫn tới người lao động phải chấm dứt hợp đồng lao động, thôi việc, mất việc theo quy định của Bộ luật Lao động trước thời hạn đã cam kết thì số cổ phần đã được mua thêm sẽ được chuyển đổi thành cổ phần phổ thông. Trường hợp người lao động có nhu cầu bán lại cho Công ty số cổ phần này thì Công ty có trách nhiệm mua lại với giá sát với giá giao dịch trên thị trường.
 Trường hợp người lao động chấm dứt hợp đồng lao động trước thời hạn đã cam kết thì phải bán lại cho Công ty toàn bộ số cổ phần đã được mua thêm với giá sát với giá giao dịch trên thị trường nhưng không vượt quá giá đã được mua tại thời điểm cổ phần hóa.
5. Việc chuyển nhượng được thực hiện bằng hợp đồng theo cách thông thường hoặc thông qua giao dịch trên thị trường chứng khoán. Trường hợp chuyển nhượng bằng hợp đồng thì giấy tờ chuyển nhượng phải được bên chuyển nhượng và bên nhận chuyển nhượng

hoặc đại diện ủy quyền của họ ký. Trường hợp chuyển nhượng thông qua giao dịch trên thị trường chứng khoán, trình tự, thủ tục và việc ghi nhận sở hữu thực hiện theo quy định của pháp luật về chứng khoán.

6. Trường hợp cổ đông là cá nhân chết thì người thừa kế theo di chúc hoặc theo pháp luật của cổ đông đó là cổ đông của Công ty.

7. Trường hợp cổ phần của cổ đông là cá nhân chết mà không có người thừa kế, người thừa kế từ chối nhận thừa kế hoặc bị truất quyền thừa kế thì số cổ phần đó được giải quyết theo quy định của pháp luật về dân sự.

8. Cổ đông có quyền tặng cho một phần hoặc toàn bộ cổ phần của mình tại Công ty cho cá nhân, tổ chức khác; sử dụng cổ phần để trả nợ. Cá nhân, tổ chức được tặng cho hoặc nhận trả nợ bằng cổ phần sẽ trở thành cổ đông của Công ty.

9. Người nhận cổ phần trong các trường hợp quy định tại Điều này chỉ trở thành cổ đông Công ty từ thời điểm các thông tin của họ quy định tại Khoản 2 Điều 122 của Luật Doanh nghiệp được ghi đầy đủ vào Sổ đăng ký cổ đông.

10. Công ty phải đăng ký thay đổi cổ đông trong sổ đăng ký cổ đông theo yêu cầu của cổ đông có liên quan trong thời hạn 24 giờ kể từ khi nhận được yêu cầu theo quy định tại Điều lệ này.

Điều 11. Thu hồi cổ phần

1. Trường hợp cổ đông không thanh toán đầy đủ và đúng hạn số tiền phải trả mua cổ phiếu, Hội đồng quản trị thông báo và có quyền yêu cầu cổ đông đó thanh toán số tiền còn lại và chịu trách nhiệm tương ứng với tổng mệnh giá cổ phần đã đăng ký mua đối với nghĩa vụ tài chính của Công ty phát sinh do việc không thanh toán đầy đủ.

2. Thông báo thanh toán nêu trên phải ghi rõ thời hạn thanh toán mới (tối thiểu là bảy (07) ngày kể từ ngày gửi thông báo), địa điểm thanh toán và thông báo phải ghi rõ trường hợp không thanh toán theo đúng yêu cầu, số cổ phần chưa thanh toán hết sẽ bị thu hồi.

3. Hội đồng quản trị có quyền thu hồi các cổ phần chưa thanh toán đầy đủ và đúng hạn trong trường hợp các yêu cầu trong thông báo nêu trên không được thực hiện.

4. Cổ phần bị thu hồi được coi là các cổ phần được quyền chào bán theo quy định tại khoản 3 Điều 112 Luật Doanh nghiệp. Hội đồng quản trị có thể trực tiếp hoặc ủy quyền bán, tái phân phối theo những điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp.

5. Cổ đông nắm giữ cổ phần bị thu hồi phải từ bỏ tư cách cổ đông đối với những cổ phần đó, nhưng vẫn phải chịu trách nhiệm tương ứng với tổng mệnh giá cổ phần đã đăng ký mua đối với nghĩa vụ tài chính của Công ty phát sinh vào thời điểm thu hồi theo quyết định của Hội đồng quản trị kể từ ngày thu hồi cho đến ngày thực hiện thanh toán. Hội đồng quản trị có toàn quyền quyết định việc cưỡng chế thanh toán toàn bộ giá trị cổ phiếu vào thời điểm thu hồi.

6. Thông báo thu hồi được gửi đến người nắm giữ cổ phần bị thu hồi trước thời điểm thu hồi. Việc thu hồi vẫn có hiệu lực kể cả trong trường hợp có sai sót hoặc bất cẩn trong việc gửi thông báo.

Điều 12. Mua lại cổ phần, trái phiếu, điều kiện thanh toán và xử lý các cổ phần được mua lại

1. Cổ phần, trái phiếu của Công ty có thể được mua bằng Đồng Việt Nam (VND), ngoại tệ tự do chuyển đổi, vàng, giá trị quyền sử dụng đất, giá trị quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ, bí quyết kỹ thuật, các tài sản khác quy định tại Điều lệ Công ty và phải được thanh toán đủ một lần.

2. Cổ đông biểu quyết không thông qua nghị quyết về việc tổ chức lại Công ty hoặc thay đổi quyền, nghĩa vụ của cổ đông quy định tại Điều lệ Công ty có quyền yêu cầu Công ty mua lại cổ phần của mình. Việc yêu cầu của cổ đông thực hiện theo quy định tại Điều 132 của Luật Doanh nghiệp và các quy định khác liên quan.

3. Công ty có quyền mua lại không quá ba mươi phần trăm (30%) tổng số cổ phần phổ thông đã bán, một phần hoặc toàn bộ cổ phần ưu đãi đã bán theo quy định sau đây:

a) Hội đồng quản trị có quyền quyết định mua lại không quá mười phần trăm (10%) tổng số cổ phần của từng loại đã được chào bán trong thời hạn mười hai (12) tháng. Trường hợp khác, việc mua lại cổ phần do Đại hội đồng cổ đông quyết định;

b) Hội đồng quản trị quyết định giá mua lại cổ phần. Đối với cổ phần phổ thông, giá mua lại không được cao hơn giá thị trường tại thời điểm mua lại, trừ trường hợp quy định tại Khoản 3 Điều 133 của Luật Doanh nghiệp. Đối với cổ phần loại khác, nếu Điều lệ Công ty không quy định hoặc Công ty và cổ đông có liên quan không có thỏa thuận khác thì giá mua lại không được thấp hơn giá thị trường;

4. Trình tự thủ tục tiến hành việc mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông hoặc theo quyết định của Công ty và việc thanh toán, xử lý các cổ phần mua lại thực hiện theo quy định tại Khoản 3 Điều 133, Điều 134 của Luật Doanh nghiệp và các quy định khác liên quan.

Điều 13. Trả cổ tức

1. Cổ tức trả cho cổ phần ưu đãi được thực hiện theo các điều kiện áp dụng riêng cho mỗi loại cổ phần ưu đãi.

2. Cổ tức trả cho cổ phần phổ thông được xác định căn cứ vào số lợi nhuận ròng đã thực hiện và khoản chi trả cổ tức được trích từ nguồn lợi nhuận giữ lại của Công ty. Công ty chỉ được trả cổ tức của cổ phần phổ thông khi có đủ các điều kiện sau đây:

a) Công ty đã hoàn thành nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật;

b) Đã trích lập các quỹ Công ty và bù đắp đủ lỗ trước đó theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty;

c) Ngay sau khi trả hết số cổ tức, Công ty vẫn bảo đảm thanh toán đủ các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác đến hạn.

3. Cổ tức có thể được chi trả bằng tiền mặt, bằng cổ phần của Công ty hoặc bằng tài sản khác quy định tại Điều lệ này. Nếu chi trả bằng tiền mặt thì phải được thực hiện bằng Đồng Việt Nam và theo các phương thức thanh toán theo quy định của pháp luật.

4. Cổ tức phải được thanh toán đầy đủ trong thời hạn sáu (06) tháng, kể từ ngày kết thúc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên. Hội đồng quản trị lập danh sách cổ đông được nhận cổ tức, xác định mức cổ tức được trả đối với từng cổ phần, thời hạn và hình thức trả chậm nhất ba mươi (30) ngày trước mỗi lần trả cổ tức. Thông báo về trả cổ tức được gửi bằng phương thức để bảo đảm đến cổ đông theo địa chỉ đăng ký trong sổ đăng ký cổ đông chậm nhất mười lăm (15) ngày trước khi thực hiện trả cổ tức. Thông báo phải bao gồm các nội dung sau đây:

a) Tên Công ty và địa chỉ trụ sở chính của Công ty;

b) Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân;

c) Tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức;

d) Số lượng cổ phần từng loại của cổ đông; mức cổ tức đối với từng cổ phần và tổng số cổ tức mà cổ đông đó được nhận;

d) Thời điểm và phương thức trả cổ tức;

e) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị và người đại diện theo pháp luật của Công ty.

5. Trường hợp cổ đông chuyển nhượng cổ phần của mình trong thời gian giữa thời điểm kết thúc lập danh sách cổ đông và thời điểm trả cổ tức thì người chuyển nhượng là người nhận cổ tức từ Công ty.

6. Trường hợp chi trả cổ tức bằng cổ phần, Công ty không phải làm thủ tục chào bán cổ phần theo quy định tại các Điều 123, 124 và 125 của Luật Doanh nghiệp. Công ty phải đăng ký tăng vốn điều lệ tương ứng với tổng giá trị mệnh giá các cổ phần dùng để chi trả cổ tức trong thời hạn mười (10) ngày, kể từ ngày hoàn thành việc thanh toán cổ tức.

Điều 14. Thu hồi tiền thanh toán cổ phần mua lại hoặc cổ tức

Trường hợp việc thanh toán cổ phần được mua lại trái với quy định tại khoản 1 Điều 134 Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này hoặc việc trả cổ tức trái với quy định tại Điều 135 Luật Doanh nghiệp và Điều 13 Điều lệ này, cổ đông phải hoàn trả cho Công ty số tiền hoặc tài sản khác đã nhận. Trường hợp có cổ đông không hoàn trả được cho Công ty thì tất cả các thành viên Hội đồng quản trị phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi giá trị số tiền, tài sản đã trả cho cổ đông mà chưa được hoàn lại.

Chương III CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT

Điều 15. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát Công ty

Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát của Công ty bao gồm:

1. Đại hội đồng cổ đông;
2. Hội đồng quản trị;
3. Ban Kiểm soát;
4. Giám đốc và bộ máy điều hành Công ty;

Mục I CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 16. Quyền của cổ đông

1. Cổ đông là chủ sở hữu Công ty, có các quyền và nghĩa vụ tương ứng theo số cổ phần và loại cổ phần mà họ sở hữu. Cổ đông chỉ chịu trách nhiệm về các khoản nợ và các nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi số vốn đã góp vào Công ty.

2. Cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông có các quyền sau:

a) Tham dự và phát biểu trong các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua người đại diện theo uỷ quyền hoặc hình thức khác do Điều lệ này và pháp luật quy định; Mỗi cổ phần phổ thông có một (01) phiếu biểu quyết;

b) Nhận cổ tức với mức theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

c) Ưu tiên mua cổ phần mới tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của từng cổ đông trong Công ty;

d) Tự do chuyển nhượng cổ phần của mình cho người khác, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 120, khoản 1 Điều 127 Luật Doanh nghiệp và quy định khác của pháp luật có liên quan;

đ) Xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết và yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình;

e) Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ Công ty, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông;

g) Khi Công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần tại Công ty;

h) Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần trong các trường hợp quy định tại Điều 132 Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này;

i) Được đối xử bình đẳng. Mỗi cổ phần của cùng một loại đều tạo cho cổ đông sở hữu các quyền, nghĩa vụ và lợi ích ngang nhau. Trường hợp Công ty có các loại cổ phần ưu đãi, các quyền và nghĩa vụ gắn liền với các loại cổ phần ưu đãi phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua và công bố đầy đủ cho cổ đông;

k) Được tiếp cận đầy đủ thông tin định kỳ và thông tin bất thường do Công ty công bố theo quy định của pháp luật và Điều lệ này;

l) Được bảo vệ các quyền, lợi ích hợp pháp của mình; đề nghị đình chỉ, hủy bỏ nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp;

m) Các quyền khác theo quy định của Điều lệ này và pháp luật.

3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ năm phần trăm (05%) tổng số cổ phần phổ thông trở lên có các quyền sau:

a) Yêu cầu Hội đồng quản trị thực hiện việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo các quy định tại khoản 3 Điều 115 và Điều 140 Luật Doanh nghiệp;

b) Xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính bán niên và hằng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, hợp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty;

c) Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải bằng văn bản và phải bao gồm các nội dung sau đây: họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;

d) Kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và được gửi đến Công ty chậm nhất là ba (03) ngày làm việc trước ngày khai mạc. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp;

đ) Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ mười phần trăm (10%) tổng số cổ phần phổ thông của Công ty trở lên có quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát Công ty. Việc đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát thực hiện như sau:

a) Các cổ đông phổ thông hợp thành nhóm để đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thông báo về việc hợp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;

b) Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và các cổ đông khác trong Công ty đề cử.

Điều 17. Nghĩa vụ của cổ đông

Cổ đông phổ thông có các nghĩa vụ sau:

1. Thanh toán đủ và đúng thời hạn số cổ phần cam kết mua.
2. Không được rút vốn đã góp bằng cổ phần phổ thông ra khỏi Công ty dưới mọi hình thức, trừ trường hợp được Công ty hoặc người khác mua lại cổ phần. Trường hợp có cổ đông rút một phần hoặc toàn bộ vốn cổ phần đã góp trái với quy định tại khoản này thì cổ đông đó và người có lợi ích liên quan trong Công ty phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi giá trị cổ phần đã bị rút và các thiệt hại xảy ra.
3. Tuân thủ Điều lệ Công ty và các quy chế quản lý nội bộ của Công ty;
4. Chấp hành nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.
5. Bảo mật các thông tin được Công ty cung cấp theo quy định tại Điều lệ Công ty và pháp luật; chỉ sử dụng thông tin được cung cấp để thực hiện và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình; nghiêm cấm phát tán hoặc sao, gửi thông tin được Công ty cung cấp cho tổ chức, cá nhân khác.
6. Tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết thông qua các hình thức sau:
 - a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
 - b) Ủy quyền cho cá nhân, tổ chức khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;
 - c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
 - d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử.
7. Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây:
 - a) Vi phạm pháp luật;
 - b) Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;
 - c) Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước các rủi ro tài chính đối với Công ty.
8. Hoàn thành các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 18. Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty.

Đại hội đồng cổ đông họp thường niên mỗi năm một (01) lần và trong thời hạn bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Hội đồng quản trị quyết định gia hạn họp Đại hội đồng cổ đông thường niên trong trường hợp cần thiết, nhưng không quá 06 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Ngoài cuộc họp thường niên, Đại hội đồng cổ đông có thể họp bất thường. Địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông được xác định là nơi chủ tọa tham dự họp và phải ở trên lãnh thổ Việt Nam.

2. Hội đồng quản trị tổ chức triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty, đặc biệt thông qua báo cáo tài chính năm được kiểm toán. Trường hợp Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm của Công ty có các khoản ngoại trừ trọng yếu, ý kiến kiểm toán trái ngược hoặc từ chối, Công ty phải mời đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận nêu trên có trách nhiệm tham dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty.

3. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau:

- a) Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;
- b) Số thành viên của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật;
- c) Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp và Khoản 3 Điều 16 Điều lệ này. Yêu cầu triệu tập Đại hội đồng cổ đông phải thể hiện bằng văn bản; trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan;

d) Theo yêu cầu của Ban Kiểm soát;

đ) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

4. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường:

- a) Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát còn lại như quy định tại điểm b khoản 3 Điều này hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm c và điểm d khoản 3 Điều này.

Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định thì Chủ tịch Hội đồng quản trị và các thành viên Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại phát sinh cho Công ty;

- b) Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông như quy định tại điểm a khoản 4 Điều này thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, Ban Kiểm soát thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 140 Luật Doanh nghiệp;

Trường hợp Ban Kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông như quy định thì Ban Kiểm soát phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại phát sinh cho Công ty;

- c) Trường hợp Ban Kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điểm b Khoản 4 Điều này thì cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Điểm c

Khoản 3 Điều này có quyền đại diện Công ty triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này.

Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền đề nghị cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát trình tự, thủ tục triệu tập, tiến hành họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông quy định tại Khoản 4 Điều này sẽ được Công ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.

d) Thủ tục để tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông Công ty thực hiện theo quy định tại khoản 5 Điều 140 Luật Doanh nghiệp.

Điều 19. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông có quyền và nghĩa vụ sau:

- a) Thông qua định hướng phát triển của Công ty;
- b) Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; quyết định mức cổ tức hằng năm của từng loại cổ phần;
- c) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát;
- d) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ ba mươi lăm phần trăm (35%) tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
- đ) Chấp thuận các hợp đồng và giao dịch có giá trị bằng hoặc lớn hơn ba mươi lăm phần trăm (35%) tổng giá trị tài sản doanh nghiệp ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty đối với:
 - Cổ đông, người đại diện ủy quyền của cổ đông sở hữu trên mười phần trăm (10%) tổng số cổ phần phổ thông của Công ty và những người có liên quan của họ;
 - Thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và người có liên quan của họ;
 - Các doanh nghiệp quy định tại Khoản 2 Điều 164 của Luật Doanh nghiệp.

Trường hợp này, người đại diện theo pháp luật của Công ty ký hợp đồng phải thông báo Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó; đồng thời kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc thông báo nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị trình dự thảo hợp đồng hoặc giải trình về nội dung chủ yếu của giao dịch tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản. Trường hợp này, cổ đông có lợi ích liên quan đến các bên trong hợp đồng không có quyền biểu quyết; hợp đồng hoặc giao dịch được chấp thuận khi có số cổ đông đại diện sáu mươi lăm phần trăm (65%) tổng số phiếu biểu quyết trở lên của cổ đông dự họp Đại hội đồng cổ đông còn lại tán thành hoặc số cổ đông sở hữu trên năm mươi phần trăm (50%) tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết còn lại tán thành đối với trường hợp thông qua Nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.

- e) Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty;
- g) Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;
- h) Quyết định mua lại trên mười phần trăm (10%) tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;
- i) Xem xét và xử lý các vi phạm của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và cổ đông Công ty;
- k) Tổ chức lại (chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi loại hình Công ty); giải thể (thanh lý) Công ty và chỉ định người thanh lý;

l) Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết;

m) Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác cho Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát;

n) Phê duyệt Quy chế quản trị nội bộ; Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát;

o) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này.

2. Đại hội đồng cổ đông thường niên thảo luận và thông qua các vấn đề sau đây:

a) Kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;

b) Báo cáo tài chính hằng năm được kiểm toán;

c) Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị;

d) Báo cáo của Ban Kiểm soát về kết quả kinh doanh của Công ty, về kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Giám đốc Công ty;

đ) Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban Kiểm soát và thành viên Ban Kiểm soát;

e) Mức cổ tức đối với mỗi cổ phần của từng loại;

g) Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;

h) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát;

i) Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác đối với Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát;

k) Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết;

l) Bổ sung và sửa đổi Điều lệ Công ty;

m) Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới được phát hành đối với mỗi loại cổ phần và việc chuyển nhượng cổ phần của thành viên sáng lập trong vòng 03 năm đầu tiên kể từ ngày thành lập;

n) Tổ chức lại (chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi loại hình Công ty); giải thể (thanh lý) Công ty và chỉ định người thanh lý;

o) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ ba mươi lăm phần trăm (35%) tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong Báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;

p) Quyết định mua lại trên mười phần trăm (10%) tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;

q) Công ty ký kết hợp đồng, giao dịch với những đối tượng được quy định tại khoản 1 Điều 167 Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn ba mươi lăm phần trăm (35%) tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất;

r) Chấp thuận các giao dịch sau:

- Cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng không phải là cổ đông và những cá nhân, tổ chức có liên quan của các đối tượng này; Trường hợp cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho tổ chức có liên quan của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng mà công ty đại chúng và tổ chức đó là các công

ty trong cùng tập đoàn hoặc các công ty hoạt động theo nhóm công ty, bao gồm công ty mẹ - công ty con, tập đoàn kinh tế, Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị thông qua theo quy định tại Điều lệ công ty;

- Giao dịch có giá trị từ ba mươi lăm phần trăm (35%) trở lên hoặc giao dịch dẫn đến tổng giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị từ ba mươi lăm phần trăm (35%) trở lên tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất hoặc một tỷ lệ, giá trị khác nhỏ hơn theo quy định tại Điều lệ Công ty giữa công ty đại chúng với một trong các đối tượng sau: Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng và người có liên quan của các đối tượng này; Cổ đông, người đại diện ủy quyền của cổ đông sở hữu trên mười phần trăm (10%) tổng vốn cổ phần phổ thông của Công ty và những người có liên quan của họ; Doanh nghiệp có liên quan đến các đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 164 Luật Doanh nghiệp;

- Hợp đồng, giao dịch vay, bán tài sản có giá trị lớn hơn mười phần trăm (10%) tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất giữa công ty và cổ đông sở hữu từ năm một phần trăm (51%) tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên hoặc người có liên quan của cổ đông đó.

s) Phê duyệt Quy chế nội bộ về quản trị công ty, Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế hoạt động Ban Kiểm soát;

t) Các vấn đề khác thuộc thẩm quyền theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

4. Tất cả các nghị quyết và các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp phải được đưa ra thảo luận và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông.

Điều 20. Ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức có thể trực tiếp tham dự họp hoặc ủy quyền cho một hoặc một số cá nhân, tổ chức khác dự họp hoặc thông qua một trong các hình thức quy định tại Khoản 3 Điều này.

Trường hợp có nhiều hơn một (01) người đại diện được cử thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu được ủy quyền cho mỗi người đại diện.

2. Việc ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 1 Điều này phải lập thành văn bản. Văn bản ủy quyền được lập theo quy định của pháp luật về dân sự và phải nêu rõ tên cổ đông ủy quyền, tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền, số lượng cổ phần được ủy quyền, nội dung ủy quyền, phạm vi ủy quyền, thời hạn ủy quyền, chữ ký của bên ủy quyền và bên được ủy quyền.

Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp. Trường hợp ủy quyền lại thì người tham dự họp phải xuất trình thêm văn bản ủy quyền ban đầu của cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty).

3. Cổ đông được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trong trường hợp sau đây:

- a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
- b) Ủy quyền cho cá nhân, tổ chức khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;
- c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
- d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua gửi thư, fax, thư điện tử.

4. Trường hợp luật sư thay mặt cho người uỷ quyền ký giấy chỉ định đại diện, việc chỉ định đại diện trong trường hợp này chỉ được coi là có hiệu lực nếu giấy chỉ định đại diện đó được xuất trình cùng với giấy uỷ quyền cho luật sư hoặc bản sao hợp lệ của giấy uỷ quyền đó (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty).

5. Phiếu biểu quyết của người được uỷ quyền dự họp trong phạm vi được uỷ quyền vẫn có hiệu lực khi xảy ra một trong các trường hợp sau đây:

a) Người uỷ quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;

b) Người uỷ quyền đã huỷ bỏ việc chỉ định uỷ quyền;

c) Người uỷ quyền đã huỷ bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc uỷ quyền.

Điều khoản này không áp dụng trong trường hợp Công ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.

Điều 21. Thay đổi các quyền

1. Việc thay đổi hoặc huỷ bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được cổ đông đại diện từ sáu mươi lăm phần trăm (65%) tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp thông qua. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về nội dung làm thay đổi bất lợi quyền và nghĩa vụ của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi chỉ được thông qua nếu được số cổ đông ưu đãi cùng loại dự họp sở hữu từ bảy mươi lăm phần trăm (75%) tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành hoặc được các cổ đông ưu đãi cùng loại sở hữu từ bảy mươi lăm phần trăm (75%) tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành trong trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản

2. Việc tổ chức cuộc họp của các cổ đông nắm giữ một loại cổ phần ưu đãi để thông qua việc thay đổi quyền nêu trên chỉ có giá trị khi có tối thiểu hai (02) cổ đông (hoặc đại diện theo uỷ quyền của họ) và nắm giữ tối thiểu một phần ba (1/3) giá trị mệnh giá của các cổ phần loại đó đã phát hành. Trường hợp không có đủ số đại biểu như nêu trên thì cuộc họp được tổ chức lại trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo và những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó (không phụ thuộc vào số lượng người và số cổ phần) có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được uỷ quyền đều được coi là đủ số lượng đại biểu yêu cầu. Tại các cuộc họp của cổ đông nắm giữ cổ phần ưu đãi nêu trên, những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện có thể yêu cầu bỏ phiếu kín. Mỗi cổ phần cùng loại có quyền biểu quyết ngang bằng nhau tại các cuộc họp nêu trên.

3. Thủ tục tiến hành các cuộc họp riêng biệt như vậy được thực hiện tương tự với các quy định tại Điều 23, 24, 25, 26 Điều lệ này.

4. Trừ khi các điều khoản phát hành cổ phần quy định khác, các quyền đặc biệt gắn liền với các loại cổ phần có quyền ưu đãi đối với một số hoặc tất cả các vấn đề liên quan đến việc phân phối lợi nhuận hoặc tài sản của Công ty không bị thay đổi khi Công ty phát hành thêm các cổ phần cùng loại.

Điều 22. Triệu tập Đại hội đồng cổ đông, chương trình họp và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông

1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường theo các trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 18 Điều lệ này.

2. Người triệu tập Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây để tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông:

a) Chuẩn bị danh sách các cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập dựa trên sổ đăng ký cổ đông của Công ty. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không quá mười (10) ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông.

Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải có họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần từng loại, số và ngày đăng ký cổ đông của từng cổ đông.

Công ty phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu hai mươi (20) ngày trước ngày đăng ký cuối cùng;

b) Cung cấp thông tin và giải quyết khiếu nại liên quan đến danh sách cổ đông;

c) Chuẩn bị chương trình và nội dung Đại hội;

d) Chuẩn bị tài liệu cho Đại hội;

đ) Dự thảo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp; danh sách và thông tin chi tiết của các ứng cử viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên;

e) Xác định thời gian và địa điểm tổ chức Đại hội;

g) Thông báo và gửi thông báo họp Đại hội đồng cổ đông cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp;

h) Các công việc khác phục vụ Đại hội.

3. Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức để bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán nơi cổ phiếu của Công ty niêm yết hoặc đăng ký giao dịch. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất hai mươi (21) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ). Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm:

a) Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp;

b) Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;

c) Phiếu biểu quyết;

d) Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.

4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 16 Điều lệ này có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và phải được gửi đến Công ty chậm nhất ba (03) ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp.

5. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối kiến nghị đề xuất quy định tại Khoản 4 Điều này nếu thuộc một trong các trường hợp sau:

- a) Kiến nghị được gửi đến không đúng quy định tại khoản 4 Điều này;
- b) Vào thời điểm kiến nghị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không nắm giữ đủ từ 5% cổ phần phổ thông trở lên theo quy định tại khoản 2 Điều 12 Điều lệ này;
- c) Vấn đề kiến nghị không thuộc phạm vi thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
- d) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

6. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chấp nhận và đưa kiến nghị quy định tại Khoản 4 Điều này vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ trường hợp quy định tại Khoản 5 Điều này; kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.

Điều 23. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện trên năm mươi phần trăm (50%) tổng số phiếu biểu quyết.
2. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ để tiến hành theo quy định tại Khoản 1 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ hai được gửi trong thời hạn ba mươi (30) ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện từ ba mươi ba (33%) tổng số phiếu biểu quyết trở lên.
3. Trường hợp cuộc họp lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 2 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ ba phải được gửi trong thời hạn hai mươi (20) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ hai. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp.
4. Chỉ có Đại hội đồng cổ đông mới có quyền quyết định thay đổi chương trình họp đã được gửi kèm theo thông báo mời họp theo quy định tại Điều 142 Luật Doanh nghiệp.

Điều 24. Thẻ thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông

1. Trước khi khai mạc cuộc họp, Công ty phải tiến hành thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết theo trình tự sau:

a) Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện theo ủy quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Tại Đại hội, số thẻ tán thành nghị quyết được thu trước, số thẻ không tán thành nghị quyết được thu sau, cuối cùng đếm tổng số phiếu tán thành hoặc không tán thành để quyết định. Kết quả kiểm phiếu được Chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp. Đại hội bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa. Số thành viên của ban kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông quyết định căn cứ đề nghị của Chủ tọa cuộc họp;

b) Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức hoặc người được ủy quyền đến sau khi cuộc họp đã khai mạc có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết tại Đại hội ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng Đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.

2. Việc bầu Chủ tọa, thư ký và ban kiểm phiếu được quy định như sau:

a) Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa hoặc ủy quyền cho thành viên Hội đồng quản trị khác làm chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông do Hội đồng quản trị triệu tập; trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số; trường hợp không bầu được người làm chủ tọa, Trường Ban Kiểm soát điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;

b) Trừ trường hợp quy định tại điểm a khoản này, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;

c) Chủ tọa cử một hoặc một số người làm thư ký cuộc họp;

d) Đại hội đồng cổ đông bầu một hoặc một số người vào ban kiểm phiếu theo đề nghị của chủ tọa cuộc họp;

3. Chương trình và nội dung họp phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trong phiên khai mạc. Chương trình phải xác định rõ và chi tiết thời gian đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình họp;

4. Chủ tọa Đại hội có quyền thực hiện các biện pháp cần thiết và hợp lý để điều hành cuộc họp Đại hội đồng cổ đông một cách có trật tự, đúng theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số người dự họp.

a) Bố trí chỗ ngồi tại địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;

b) Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại các địa điểm họp;

c) Tạo điều kiện cho cổ đông tham dự (hoặc tiếp tục tham dự) đại hội. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn khác. Các biện pháp này được phải được Hội đồng quản trị Công ty ban hành và gửi theo Thông báo mời họp.

5. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành, không có ý kiến. Kết quả kiểm phiếu được chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp;

6. Cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp đến sau khi cuộc họp đã khai mạc vẫn được đăng ký và có quyền tham gia biểu quyết ngay sau khi đăng ký; trong trường hợp này, hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi;

7. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có các quyền sau đây:

a) Yêu cầu tất cả người dự họp chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh hợp pháp, hợp lý khác;

b) Yêu cầu cơ quan có thẩm quyền duy trì trật tự cuộc họp; trục xuất những người không tuân thủ quyền điều hành của chủ tọa, có ý gây rối trật tự, ngăn cản tiến triển bình thường của cuộc họp hoặc không tuân thủ các yêu cầu về kiểm tra an ninh ra khỏi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;

8. Chủ tọa có quyền hoãn cuộc họp Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số người đăng ký dự họp tối đa không quá ba (03) ngày làm việc kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc và chỉ được hoãn cuộc họp hoặc thay đổi địa điểm họp trong các trường hợp sau đây:

a) Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả người dự họp;

b) Phương tiện thông tin tại địa điểm họp không bảo đảm cho các cổ đông dự họp tham gia, thảo luận và biểu quyết;

c) Có người dự họp cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp.

9. Trường hợp chủ tọa hoãn hoặc tạm dừng họp Đại hội đồng cổ đông trái với quy định tại Khoản 8 Điều này, Đại hội đồng cổ đông bầu một người khác trong số những người dự họp để thay thế chủ tọa điều hành cuộc họp cho đến lúc kết thúc; tất cả các nghị quyết được thông qua tại cuộc họp đó đều có hiệu lực thi hành.

10. Trường hợp Công ty áp dụng công nghệ hiện đại để tổ chức Đại hội đồng cổ đông thông qua họp trực tuyến, Công ty có trách nhiệm đảm bảo để cổ đông tham dự, biểu quyết bằng hình thức bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác theo quy định của pháp luật.

Điều 25. Hình thức thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông thông qua các quyết định thuộc thẩm quyền bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản.

2. Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề sau đây phải được thông qua bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông:

- a) Sửa đổi, bổ sung các nội dung của Điều lệ Công ty;
- b) Định hướng phát triển Công ty;
- c) Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;
- d) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát;
- đ) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn ba mươi lăm phần trăm (35%) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
- e) Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;
- g) Tổ chức lại, giải thể (thanh lý) Công ty.

Điều 26. Điều kiện để nghị quyết được thông qua

1. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện từ sáu mươi lăm phần trăm (65%) tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp:

- a) Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;
- b) Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;
- c) Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Công ty;
- d) Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn ba mươi lăm phần trăm (35%) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
- đ) Tổ chức lại, giải thể (thanh lý) Công ty;
- e) Các vấn đề khác do Điều lệ này quy định.

2. Các nghị quyết được thông qua khi được số cổ đông sở hữu trên năm mươi phần trăm (50%) tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 1, 3, 4 và 6 Điều này.

3. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị

hoặc Ban Kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị hoặc Ban Kiểm soát được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ Công ty. Trường hợp có từ hai (02) ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị hoặc Ban Kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy chế bầu cử hoặc Điều lệ Công ty.

4. Trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản thì nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua nếu được số cổ đông sở hữu trên năm mươi phần trăm (50%) tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết tán thành.

5. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông phải được thông báo đến cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày thông qua; trường hợp Công ty có trang thông tin điện tử, việc gửi nghị quyết có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của Công ty.

6. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về nội dung làm thay đổi bất lợi quyền và nghĩa vụ của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi chỉ được thông qua nếu được số cổ đông ưu đãi cùng loại dự họp sở hữu từ bảy mươi lăm phần trăm (75%) tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành hoặc được các cổ đông ưu đãi cùng loại sở hữu từ bảy mươi lăm phần trăm (75%) tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành trong trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.

Điều 27. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

1. Hội đồng quản trị Công ty có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 147 Luật Doanh nghiệp và khoản 2 Điều 25 Điều lệ này.

2. Hội đồng quản trị chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết và gửi đến tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết chậm nhất mười (10) ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến. Việc lập danh sách cổ đông gửi phiếu lấy ý kiến thực hiện theo quy định tại Khoản 1 và Khoản 2 Điều 141 của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo thực hiện theo quy định tại Điều 143 của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này;

3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

b) Mục đích lấy ý kiến;

c) Họ, tên, địa chỉ liên lạc thường trú, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với đại diện của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;

d) Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua;

đ) Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến;

e) Thời hạn phải gửi về Công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;

g) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị;

4. Cổ đông có thể gửi phiếu lấy ý kiến đã trả lời đến Công ty theo một trong các hình thức sau đây:

a) Gửi thư: Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức. Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;

b) Gửi fax hoặc thư điện tử: Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu.

c) Các phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư và bị tiết lộ trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết;

5. Hội đồng quản trị tổ chức kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự giám sát của Ban Kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý Công ty.

Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

b) Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết;

c) Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ và phương thức gửi biểu quyết, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;

d) Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;

đ) Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;

e) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người giám sát kiểm phiếu và người kiểm phiếu.

Các thành viên Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

6. Biên bản kiểm phiếu và nghị quyết phải được gửi đến các cổ đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Trường hợp Công ty có trang thông tin điện tử, việc gửi biên bản kiểm phiếu và nghị quyết có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của Công ty.

7. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

8. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 28. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài và có các nội dung chủ yếu sau đây:

a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

b) Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;

- c) Chương trình và nội dung cuộc họp;
- d) Họ, tên chủ tọa và thư ký;
- đ) Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong nội dung chương trình họp;
- e) Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;
- g) Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;
- h) Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;
- i) Họ, tên, chữ ký của chủ tọa và thư ký.

Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký Biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản này. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp.

2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải làm xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp.

3. Chủ tọa và thư ký cuộc họp hoặc người khác ký tên trong Biên bản họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.

4. Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung biên bản tiếng Việt và tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản tiếng Việt có hiệu lực áp dụng.

5. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được gửi đến tất cả cổ đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày, kể từ ngày kết thúc cuộc họp; việc gửi biên bản kèm phiếu có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của Công ty.

6. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp kèm chữ ký của cổ đông, văn bản ủy quyền tham dự họp, tất cả các tài liệu đính kèm Biên bản (nếu có) và tài liệu có liên quan kèm theo thông báo mời họp phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật hiện hành và phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

Điều 29. Yêu cầu hủy bỏ nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

Trong thời hạn chín mươi (90) ngày, kể từ ngày nhận được Nghị quyết hoặc biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông, nhóm cổ đông quy định tại Khoản 3 Điều 16 của Điều lệ này có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

1. Trình tự và thủ tục triệu tập họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông vi phạm nghiêm trọng quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty, trừ trường hợp quy định tại Khoản 2 Điều 30 của Điều lệ này;

2. Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ Công ty.

Điều 30. Hiệu lực các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

1. Các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông có hiệu lực kể từ ngày được thông qua hoặc từ thời điểm hiệu lực ghi tại nghị quyết đó.

2. Các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự, thủ tục triệu tập họp và thông qua nghị quyết đó vi phạm quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này.

3. Trường hợp có cổ đông, nhóm cổ đông yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài hủy bỏ nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 29 của Điều lệ này, thì các nghị quyết đó vẫn có hiệu lực thi hành cho đến khi quyết định hủy bỏ nghị quyết đó của Tòa án, Trọng tài có hiệu lực, trừ trường hợp áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền.

Mục II

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 31. Nhiệm kỳ và số lượng của thành viên Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị Công ty do Đại hội đồng cổ đông bầu ra, là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

2. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị là ba (03) người. Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị là năm (05) năm. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá năm (05) năm; thành viên Hội đồng quản trị có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc.

Trường hợp có thành viên được bầu bổ sung hoặc thay thế thành viên bị miễn nhiệm, bãi nhiệm trong thời hạn nhiệm kỳ thì nhiệm kỳ của thành viên đó là thời hạn còn lại của nhiệm kỳ Hội đồng quản trị.

3. Thành viên Hội đồng quản trị không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp bị Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế trong các trường hợp sau:

a) Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

- Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 155 Luật Doanh nghiệp và Điều 32 Điều lệ này;

- Có đơn từ chức và được chấp thuận;

- Trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

b) Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

- Không tham gia các hoạt động của Hội đồng quản trị trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

- Trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

c) Khi xét thấy cần thiết, Đại hội đồng cổ đông quyết định thay thế thành viên Hội đồng quản trị; miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị ngoài trường hợp quy định tại điểm a, điểm b khoản 3 Điều này hoặc bị luật pháp cấm không được làm thành viên Hội đồng quản trị.

d) Không còn là đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức theo quyết định của tổ chức đó;

d) Là đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức, nhưng tổ chức đó không còn là cổ đông của Công ty nữa.

e) Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

- Số thành viên Hội đồng quản trị còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật. Trường hợp này, Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày số thành viên còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật;

- Số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba so với số quy định tại Điều lệ này. Trường hợp này, Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn sáu mươi (60) ngày kể từ ngày số thành viên bị giảm quá một phần ba;

- Trừ trường hợp quy định tại điểm này, Đại hội đồng cổ đông bầu thành viên mới thay thế thành viên Hội đồng quản trị đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm tại cuộc họp gần nhất.

4. Việc bổ nhiệm thành viên Hội đồng quản trị phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật.

Điều 32. Tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Hội đồng quản trị

Thành viên Hội đồng quản trị phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

1. Không thuộc đối tượng không được quản lý doanh nghiệp theo quy định tại Khoản 2 Điều 17 của Luật Doanh nghiệp;

2. Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản lý kinh doanh hoặc trong ngành, nghề kinh doanh của Công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty;

3. Thành viên Hội đồng quản trị không được là người có quan hệ gia đình của Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng; của người quản lý tại Tổng công ty Đường sắt Việt Nam, người có thẩm quyền bổ nhiệm người quản lý của Tổng công ty Đường sắt Việt Nam.

4. Thành viên Hội đồng quản trị Công ty có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị của công ty khác phù hợp với các quy định của pháp luật.

Điều 33. Quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của Công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

2. Hội đồng quản trị có trách nhiệm giám sát Giám đốc và người quản lý khác trong Công ty.

3. Hội đồng quản trị có những quyền và nghĩa vụ sau:

a) Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn, kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;

b) Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;

c) Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;

d) Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của Công ty;

đ) Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 133 Luật Doanh nghiệp, Khoản 3 Điều 12 của Điều lệ này;

e) Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật;

g) Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;

h) Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng khác có giá trị bằng hoặc lớn hơn ba mươi lăm phần trăm (35%) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty trừ hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 138, khoản 1 và khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này.

i) Thông qua các hợp đồng và giao dịch có giá trị nhỏ hơn ba mươi lăm phần trăm (35%) tổng giá trị tài sản doanh nghiệp ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty đối với:

- Cổ đông, người đại diện ủy quyền của cổ đông sở hữu trên mười phần trăm (10%) tổng số cổ phần phổ thông của Công ty và những người có liên quan của họ;

- Thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và người có liên quan của họ;

- Các doanh nghiệp quy định tại Khoản 2 Điều 164 của Luật Doanh nghiệp.

Trường hợp này, người đại diện Công ty ký hợp đồng phải thông báo các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó; đồng thời kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị quyết định việc chấp thuận hợp đồng hoặc giao dịch trong thời hạn mười lăm (15) ngày, kể từ ngày nhận được thông báo. Thành viên có lợi ích liên quan không có quyền biểu quyết.

k) Quy hoạch, bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; Quy hoạch, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, từ chức, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng, điều động, luân chuyển, khen thưởng, kỷ luật đối với Giám đốc, Phó Giám đốc và Kế toán trưởng Công ty; quyết định tiền lương và quyền lợi khác của Giám đốc, Phó Giám đốc và Kế toán trưởng Công ty; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở Công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;

l) Giám sát, chỉ đạo Giám đốc, Phó Giám đốc và Kế toán trưởng Công ty trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty;

m) Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty, quyết định thành lập công ty con, lập chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác theo Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này;

n) Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến đề Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết;

o) Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;

p) Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể, yêu cầu phá sản Công ty;

q) Giải quyết các khiếu nại, tố cáo liên quan đến người quản lý Công ty; thay mặt Công ty khiếu nại, tố cáo Giám đốc, Phó Giám đốc và Kế toán trưởng Công ty khi xét thấy cá nhân đó xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của Công ty;

r) Quyết định ban hành Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế quản trị Công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua; ban hành các quy chế nội bộ khác của

Công ty trừ trường hợp Điều lệ này quy định khác hoặc được phân cấp, ủy quyền theo quy định của pháp luật;

s) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, quy định khác của pháp luật và Điều lệ này.

4. Kết thúc năm tài chính, Hội đồng quản trị phải trình Đại hội đồng cổ đông báo cáo sau đây:

- a) Báo cáo kết quả kinh doanh của Công ty;
- b) Báo cáo tài chính đã được kiểm toán;
- c) Báo cáo đánh giá công tác quản lý, điều hành Công ty;
- d) Báo cáo thẩm định của Ban Kiểm soát.

Báo cáo quy định tại các điểm a, b và c trên đây phải được gửi đến Ban Kiểm soát để thẩm định chậm nhất là ba mươi (30) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên.

5. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, bao gồm các thông tin sau:

- Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị;
- Tổng kết các cuộc họp và các quyết định của Hội đồng quản trị;
- Kết quả giám sát đối với Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng;
- Các kế hoạch trong tương lai.

6. Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết, quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp, lấy ý kiến bằng văn bản. Mỗi thành viên Hội đồng quản trị có một phiếu biểu quyết.

7. Khi thực hiện chức năng, quyền và nghĩa vụ của mình, Hội đồng quản trị tuân thủ đúng quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. Trong trường hợp nghị quyết do Hội đồng quản trị thông qua trái với quy định của pháp luật hoặc Điều lệ Công ty gây thiệt hại cho Công ty thì các thành viên tán thành thông qua nghị quyết, quyết định đó phải cùng liên đới chịu trách nhiệm cá nhân về nghị quyết, quyết định đó và phải đền bù thiệt hại cho Công ty; thành viên phản đối thông qua nghị quyết nói trên được miễn trừ trách nhiệm. Trường hợp này, cổ đông của Công ty có quyền yêu cầu Tòa án đình chỉ thực hiện hoặc hủy bỏ nghị quyết, quyết định nói trên.

8. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền yêu cầu Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng Công ty cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và của các đơn vị trong Công ty nhưng phải thực hiện bảo mật, cung cấp thông tin, phát ngôn liên quan đến các thông tin, tài liệu này theo quy định của pháp luật, Điều lệ này và nội quy, quy chế của Công ty.

Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng được yêu cầu phải cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác các thông tin, tài liệu theo yêu cầu của thành viên Hội đồng quản trị. Việc cung cấp thông tin thực hiện theo quy định của pháp luật, Điều lệ này và nội quy, quy chế của Công ty.

Điều 34. Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị

1. Công ty có quyền trả thù lao, thưởng cho thành viên Hội đồng quản trị theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.

2. Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng thù lao công việc và thưởng. Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị và mức thù lao mỗi ngày. Hội đồng quản trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao và thưởng của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên.

3. Thù lao của từng thành viên Hội đồng quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

4. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc chuyên trách hoặc thực hiện những công việc khác ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.

5. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác khi thực hiện nhiệm vụ được giao.

Điều 35. Chủ tịch Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị.

Chủ tịch Hội đồng quản trị không kiêm nhiệm chức vụ Giám đốc Công ty.

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị có các quyền và nghĩa vụ sau đây:

- a) Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;
- b) Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông; Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập và chủ trì và làm chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;
- c) Tổ chức việc thông qua nghị quyết của Hội đồng quản trị;
- d) Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
- đ) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này.

3. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho một Thành viên khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ này. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị.

4. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị có đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn mười (10) ngày kể từ ngày nhận đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm.

5. Khi xét thấy cần thiết, Chủ tịch Hội đồng quản trị tuyển dụng thư ký Công ty để hỗ trợ Hội đồng quản trị và Chủ tịch Hội đồng quản trị thực hiện các nghĩa vụ thuộc thẩm quyền theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

Thư ký Công ty có trách nhiệm bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

Thư ký Công ty có các quyền và nghĩa vụ sau đây:

a) Hỗ trợ tổ chức triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị; ghi chép các biên bản họp;

b) Hỗ trợ thành viên Hội đồng quản trị trong việc thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao;

c) Hỗ trợ Hội đồng quản trị trong áp dụng và thực hiện nguyên tắc quản trị Công ty;

d) Hỗ trợ Công ty trong xây dựng quan hệ cổ đông và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của cổ đông;

đ) Hỗ trợ Công ty trong việc tuân thủ đúng các nghĩa vụ cung cấp thông tin, công khai hóa thông tin và thủ tục hành chính;

e) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định tại Điều lệ Công ty.

Điều 36. Cuộc họp của Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị sẽ được bầu trong cuộc họp đầu tiên của nhiệm kỳ Hội đồng quản trị trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn một (01) người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.

2. Hội đồng quản trị họp ít nhất mỗi quý 01 lần và có thể họp bất thường.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị trong các trường hợp sau đây:

a) Có đề nghị của Ban Kiểm soát;

b) Có đề nghị của Giám đốc hoặc ít nhất năm (05) người quản lý khác;

c) Có đề nghị của ít nhất hai (02) thành viên Hội đồng quản trị;

d) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

Đề nghị phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.

4. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại Khoản 3 Điều này. Trường hợp Chủ tịch không triệu tập họp Hội đồng quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; người đề nghị có quyền thay thế Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.

5. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất ba (03) ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Kèm theo thông báo mời họp phải có tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

Thông báo mời họp có thể gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, phương tiện điện tử hoặc phương thức khác do Điều lệ này hoặc quy chế, quy định nội bộ của Công ty quy định và phải bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Công ty.

6. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các thành viên Ban Kiểm soát như đối với các thành viên Hội đồng quản trị.

Thành viên Ban Kiểm soát có quyền dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

7. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ ba phần tư (3/4) tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn năm (05) ngày làm việc, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành, nếu có hơn một nửa (1/2) số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

8. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:

- a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
- b) Ủy quyền cho người khác đến dự họp theo quy định tại Khoản 9 Điều này.
- c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
- d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử.

Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì dán kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất một (01) giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.

Nghị quyết của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

9. Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.

Điều 37. Biên bản họp Hội đồng quản trị

1. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt và có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài, có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b) Mục đích, chương trình và nội dung họp;
- c) Thời gian, địa điểm họp;
- d) Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc người được ủy quyền dự họp và cách thức dự họp; họ, tên các thành viên không dự họp và lý do;
- đ) Các vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp;
- e) Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp;
- g) Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến;
- h) Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;
- i) Họ, tên, chữ ký chủ tọa và người ghi biên bản, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này.

2. Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e, g và h khoản 1 Điều này thì biên bản này có hiệu lực.

3. Chủ tọa, người ghi biên bản và những người ký tên trong Biên bản phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị.

4. Biên bản họp Hội đồng quản trị và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

5. Biên bản lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài có hiệu lực ngang nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung biên bản tiếng Việt và tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản tiếng Việt có hiệu lực áp dụng.

Mục III

GIÁM ĐỐC VÀ BỘ MÁY ĐIỀU HÀNH CÔNG TY

Điều 38. Giám đốc Công ty

1. Hội đồng quản trị bổ nhiệm một thành viên Hội đồng quản trị làm Giám đốc Công ty.

2. Giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị; chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao.

Nhiệm kỳ của Giám đốc là 05 năm; có thể được bổ nhiệm lại theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và quy chế về quản lý tổ chức, cán bộ của Công ty.

3. Tiêu chuẩn và điều kiện của Giám đốc Công ty:

a) Không thuộc đối tượng không được quản lý doanh nghiệp theo quy định tại Khoản 2 Điều 17 của Luật Doanh nghiệp;

b) Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh của Công ty;

c) Không được là người có quan hệ gia đình của người quản lý Công ty, thành viên Ban Kiểm soát Công ty và người quản lý của Tổng công ty Đường sắt Việt Nam;

d) Các tiêu chuẩn, điều kiện khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và quy chế về quản lý tổ chức, cán bộ của Công ty.

4. Giám đốc Công ty có các quyền và nghĩa vụ sau đây:

a) Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty mà không thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị, của Đại hội đồng cổ đông;

b) Tổ chức thực hiện các nghị quyết của Hội đồng quản trị, Đại hội đồng cổ đông; Ký kết các Hợp đồng nhân danh Công ty. Đối với các hợp đồng thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng quản trị, Đại hội đồng cổ đông Công ty, Giám đốc Công ty ký kết hợp đồng sau khi có quyết định, nghị quyết của Hội đồng quản trị Công ty, Đại hội đồng cổ đông Công ty.

c) Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của Công ty;

d) Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty;

đ) Quy hoạch, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, điều động, luân chuyển, khen thưởng, kỷ luật, thôi việc, nghỉ hưu đối với các chức danh trong Công ty, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;

e) Quyết định tiền lương và quyền lợi khác đối với người lao động trong Công ty kể cả người quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Giám đốc Công ty;

g) Tuyển dụng lao động;

h) Trình báo cáo tài chính hằng năm lên Hội đồng quản trị Công ty; Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;

i) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

5. Giám đốc phải điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty theo đúng quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty, hợp đồng lao động ký với Công ty và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị. Trường hợp điều hành trái với quy định này mà gây thiệt hại cho Công ty thì Giám đốc Công ty phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại cho Công ty.

Điều 39. Phó Giám đốc và Kế toán trưởng

1. Công ty có các Phó Giám đốc, Kế toán trưởng do Hội đồng quản trị Công ty quy hoạch, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng, miễn nhiệm, điều động, luân chuyển, khen thưởng, kỷ luật, thôi việc, nghỉ hưu theo đề nghị của Giám đốc Công ty.

2. Các Phó Giám đốc giúp Giám đốc Công ty trong việc điều hành Công ty theo phân công và uỷ quyền của Giám đốc; chịu trách nhiệm trước Giám đốc, trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về nhiệm vụ được Giám đốc phân công và uỷ quyền.

3. Kế toán trưởng có nhiệm vụ tổ chức thực hiện công tác tài chính kế toán của Công ty, giúp Giám đốc bảo toàn và phát triển vốn của Công ty; đề xuất các giải pháp và điều kiện tạo nguồn vốn cho nhu cầu sản xuất, kinh doanh, đầu tư phát triển Công ty; quản lý, kiểm tra, giám sát công tác tài chính kế toán của Công ty theo pháp luật về tài chính, kế toán; có các quyền hạn và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật. Kế toán trưởng chịu trách nhiệm trước Giám đốc, Hội đồng quản trị Công ty và pháp luật về nhiệm vụ được phân công và uỷ quyền. Tiêu chuẩn tuyển chọn Kế toán trưởng Công ty được thực hiện theo quy định của Luật Kế toán, và các quy định của pháp luật.

4. Phó Giám đốc, Kế toán trưởng được bổ nhiệm, ký hợp đồng với thời hạn năm (05) năm và có thể được bổ nhiệm, ký hợp đồng lại theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và quy chế về quản lý tổ chức, cán bộ của Công ty.

Điều 40. Bộ máy giúp việc

1. Bộ máy giúp việc gồm các phòng chuyên môn nghiệp vụ có chức năng tham mưu giúp việc cho Hội đồng quản trị, Giám đốc Công ty trong việc quản lý điều hành sản xuất kinh doanh hằng ngày của Công ty.

2. Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của các phòng chuyên môn, nghiệp vụ, các đơn vị sản xuất được quy định tại quyết định thành lập, quyết định giao nhiệm vụ của Hội đồng quản trị Công ty và theo quy chế, quy định nội bộ Công ty.

3. Cơ cấu lãnh đạo, quản lý các phòng chuyên môn, nghiệp vụ gồm 01 Trưởng phòng và một số phó phòng; số lượng phó phòng tùy theo chức năng, nhiệm vụ của từng phòng và nhu cầu hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

4. Trong quá trình hoạt động, Giám đốc Công ty có quyền đề nghị Hội đồng quản trị Công ty thay đổi cơ cấu, định biên, số lượng và chức năng, nhiệm vụ của các phòng chuyên môn, nghiệp vụ và các đơn vị sản xuất phù hợp với yêu cầu hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Điều 41. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của Giám đốc, Phó Giám đốc và Kế toán trưởng

1. Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng Công ty được trả lương và thưởng. Tiền lương và thưởng của Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng Công ty do Hội đồng quản trị quyết định theo kết quả và hiệu quả sản xuất kinh doanh.

2. Tiền lương của Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng Công ty được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

Điều 42. Trách nhiệm của Thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng Công ty

1. Thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng Công ty có trách nhiệm sau đây:

a) Thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao theo đúng quy định của Luật Doanh nghiệp, pháp luật có liên quan, Điều lệ Công ty, nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông;

b) Thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của Công ty;

c) Trung thành với lợi ích của Công ty và cổ đông; không lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh, tài sản khác của Công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;

d) Thông báo kịp thời, đầy đủ, chính xác cho Công ty về nội dung quy định tại khoản 2 Điều 164 Luật Doanh nghiệp;

đ) Các nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

2. Thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng Công ty vi phạm quy định tại khoản 1 Điều này chịu trách nhiệm cá nhân hoặc liên đới đền bù lợi ích bị mất, trả lại lợi ích đã nhận và bồi thường toàn bộ thiệt hại cho Công ty và bên thứ ba.

Điều 43. Quyền khởi kiện đối với thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc Công ty

1. Cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu ít nhất một phần trăm (01%) tổng số cổ phần phổ thông có quyền tự mình hoặc nhân danh Công ty khởi kiện trách nhiệm cá nhân, trách nhiệm liên đới đối với thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc Công ty để yêu cầu hoàn trả lợi ích hoặc bồi thường thiệt hại cho Công ty hoặc người khác trong các trường hợp sau đây:

a) Vi phạm nghĩa vụ người quản lý Công ty theo quy định tại Điều 42 Điều lệ này;

b) Không thực hiện, thực hiện không đầy đủ, thực hiện không kịp thời hoặc thực hiện trái với quy định của pháp luật hoặc Điều lệ Công ty, nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;

c) Lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh, tài sản khác của Công ty để tư lợi hoặc phục vụ cho lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;

d) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

2. Trình tự, thủ tục khởi kiện thực hiện theo quy định của pháp luật về tố tụng dân sự. Chi phí khởi kiện trong trường hợp cổ đông, nhóm cổ đông khởi kiện nhân danh Công ty sẽ tính vào chi phí của Công ty, trừ trường hợp thành viên khởi kiện bị bác yêu cầu khởi kiện.

3. Cổ đông, nhóm cổ đông theo quy định tại Điều này có quyền xem xét, tra cứu, trích lục thông tin cần thiết theo quyết định của Tòa án, Trọng tài trước hoặc trong quá trình khởi kiện.

Mục IV

BAN KIỂM SOÁT

Điều 44. Ban Kiểm soát

1. Công ty có Ban Kiểm soát. Ban Kiểm soát do Đại hội đồng cổ đông Công ty bầu ra. Nhiệm kỳ Ban Kiểm soát theo nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị. Ban Kiểm soát có ba (03) thành viên, nhiệm kỳ của thành viên Ban Kiểm soát không quá năm (05) năm và thành viên Ban Kiểm soát có thể được bầu lại theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty. Ban Kiểm soát phải có hai (02) thành viên thường trú ở Việt Nam. Trường hợp có thành viên được bầu bổ sung hoặc thay thế thành viên bị miễn nhiệm, bãi nhiệm trong thời hạn nhiệm kỳ thì nhiệm kỳ của thành viên đó là thời hạn còn lại của nhiệm kỳ Ban Kiểm soát.

2. Trưởng Ban Kiểm soát do Ban kiểm soát bầu trong số các thành viên Ban Kiểm soát; việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nguyên tắc đa số.

Trưởng Ban Kiểm soát có quyền và nghĩa vụ sau:

a) Phân công nhiệm vụ cụ thể cho các thành viên Ban Kiểm soát theo quy định nội bộ của Ban Kiểm soát; Triệu tập và chủ trì cuộc họp Ban kiểm soát;

b) Yêu cầu Hội đồng quản trị, Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng Công ty cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo Ban Kiểm soát;

c) Thay mặt Ban Kiểm soát yêu cầu Hội đồng quản trị họp bất thường và triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường pháp luật theo quy định của pháp luật và Điều lệ này;

d) Thay mặt Ban Kiểm soát ký các văn bản thuộc thẩm quyền của Ban Kiểm soát; Lập và ký báo cáo của Ban Kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để trình Đại hội đồng cổ đông.

đ) Giám sát, chỉ đạo các thành viên Ban Kiểm soát trong việc thực hiện nhiệm vụ được phân công và các nhiệm vụ quyền hạn chung của Ban Kiểm soát;

e) Tham dự hoặc cử thành viên Ban Kiểm soát khác tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị Công ty, tham gia ý kiến và đưa ra kiến nghị nhưng không được biểu quyết; Yêu cầu ghi lại ý kiến của mình trong biên bản cuộc họp Hội đồng quản trị Công ty nếu ý kiến của mình khác với quyết định của Hội đồng quản trị Công ty;

g) Ủy quyền cho một thành viên khác của Ban Kiểm soát thực hiện nhiệm vụ của mình trong thời gian vắng mặt;

h) Các nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định của Điều lệ này và của pháp luật.

3. Thành viên Ban Kiểm soát phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

a) Không thuộc đối tượng theo quy định tại khoản 2 Điều 17 Luật Doanh nghiệp;

b) Có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành về kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành phù hợp với hoạt động kinh doanh của Công ty;

c) Không phải là người có quan hệ gia đình của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng Công ty;

d) Không phải là người quản lý Công ty; không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của Công ty;

d) Tiêu chuẩn và điều kiện khác theo quy định khác của pháp luật có liên quan và Điều lệ Công ty.

4. Thành viên Ban Kiểm soát bị Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm trong các trường hợp sau:

a) Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban Kiểm soát theo quy định tại khoản 3 Điều này;

b) Có đơn từ chức và được chấp thuận;

c) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

5. Thành viên Ban Kiểm soát bị Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm trong các trường hợp sau:

a) Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;

b) Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong sáu (06) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

c) Vi phạm nhiều lần, vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của thành viên Ban Kiểm soát theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty;

d) Trường hợp khác theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

Điều 45. Quyền và nghĩa vụ của Ban Kiểm soát

1. Ban Kiểm soát thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng Công ty trong việc quản lý và điều hành Công ty; Đảm bảo phối hợp hoạt động với Hội đồng quản trị, Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng Công ty và cổ đông; Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình;

2. Ban Kiểm soát phải họp ít nhất hai (02) lần trong một năm, số lượng thành viên tham dự họp ít nhất là 2/3 số thành viên Ban Kiểm soát. Biên bản họp Ban Kiểm soát được lập chi tiết và rõ ràng. Người ghi biên bản và các thành viên Ban Kiểm soát tham dự họp phải ký tên vào biên bản cuộc họp. Các biên bản họp của Ban Kiểm soát phải được lưu giữ nhằm xác định trách nhiệm của từng thành viên Ban Kiểm soát.

Ban Kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận tham dự cuộc họp của Ban Kiểm soát, cuộc họp Hội đồng quản trị hoặc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông Công ty và trả lời các vấn đề cần được làm rõ.

3. Xây dựng Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.

4. Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cần trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh; tính hệ thống, nhất quán và phù hợp của công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính.

5. Thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hằng năm và 06 tháng của Công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị và trình báo cáo thẩm định tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên. Rà soát hợp đồng, giao dịch với người có liên quan thuộc thẩm quyền phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông và đưa ra khuyến nghị về hợp đồng, giao dịch cần có phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông.

6. Rà soát, kiểm tra và đánh giá hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro và cảnh báo sớm của Công ty.

7. Giám sát tình hình tài chính của Công ty; Xem xét sổ kế toán, ghi chép kế toán và tài liệu khác của Công ty, công việc quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết hoặc theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông hoặc theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật Doanh nghiệp.

8. Khi có yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật Doanh nghiệp, Ban Kiểm soát thực hiện kiểm tra trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Ban Kiểm soát phải báo cáo về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến Hội đồng quản trị và cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu. Việc kiểm tra của Ban Kiểm soát quy định tại khoản này không được cản trở hoạt động bình thường của Hội đồng quản trị, không gây gián đoạn điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.

9. Kiến nghị Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, giám sát và điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.

10. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ Công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng Công ty, Ban Kiểm soát phải thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

11. Tham dự và tham gia thảo luận tại các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và các cuộc họp khác của Công ty.

12. Sử dụng tư vấn độc lập, bộ phận kiểm toán nội bộ của Công ty để thực hiện nhiệm vụ được giao.

13. Ban Kiểm soát có thể tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông.

14. Báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông của Ban Kiểm soát phải có các nội dung sau:

a) Thủ lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của Ban Kiểm soát và từng thành viên Ban Kiểm soát.

b) Tổng kết các cuộc họp của Ban Kiểm soát và các kết luận, kiến nghị của Ban Kiểm soát.

c) Kết quả giám sát tình hình hoạt động và tài chính của Công ty.

d) Kết quả giám sát đối với Hội đồng quản trị, Giám đốc và người điều hành khác của Công ty.

đ) Kết quả đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng Công ty và các cổ đông.

15. Các tài liệu và thông tin sau đây phải được gửi đến thành viên Ban Kiểm soát cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng quản trị:

a) Thông báo mời họp, phiếu lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị và tài liệu kèm theo;

b) Nghị quyết, quyết định và biên bản họp của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị;

c) Báo cáo của Giám đốc trình Hội đồng quản trị hoặc tài liệu khác do Công ty phát hành.

16. Có quyền tiếp cận hồ sơ, tài liệu của Công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của Công ty trong giờ làm việc.

17. Có quyền yêu cầu Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng Công ty cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công ty.

18. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

Điều 46. Trách nhiệm của thành viên Ban Kiểm soát

1. Tuân thủ đúng pháp luật, Điều lệ Công ty, nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và đạo đức nghề nghiệp trong thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao.

2. Thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của Công ty.

3. Trung thành với lợi ích của Công ty và cổ đông; không lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh, tài sản khác của Công ty, để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác.

4. Các nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, các văn bản pháp luật có liên quan và Điều lệ Công ty.

5. Trường hợp vi phạm quy định tại các Khoản 1, 2, 3 và 4 Điều này mà gây thiệt hại cho Công ty hoặc người khác thì thành viên Ban Kiểm soát phải chịu trách nhiệm cá nhân hoặc liên đới bồi thường thiệt hại đó. Mọi thu nhập và lợi ích khác mà thành viên Ban Kiểm soát có được do vi phạm phải hoàn trả cho Công ty.

6. Trường hợp phát hiện có thành viên Ban Kiểm soát vi phạm trong thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao thì phải thông báo bằng văn bản đến Ban Kiểm soát; yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và khắc phục hậu quả.

Điều 47. Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban Kiểm soát

Tiền lương thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban Kiểm soát được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Thành viên Ban Kiểm soát được trả tiền lương thù lao, thưởng và lợi ích theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức tiền lương, thù lao, thưởng, lợi ích khác và ngân sách hoạt động hằng năm của Ban Kiểm soát;

2. Thành viên Ban Kiểm soát được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hằng năm của Ban Kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác;

3. Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban Kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty.

Chương IV CON DẤU CÔNG TY, CÔNG KHAI THÔNG TIN VÀ LƯU GIỮ HỒ SƠ CÔNG TY

Điều 48. Con dấu của Công ty

1. Dấu của Công ty bao gồm dấu được làm tại cơ sở khắc dấu hoặc dấu dưới hình thức chữ ký số theo quy định của pháp luật về giao dịch điện tử.

2. Hội đồng quản trị quyết định loại dấu, số lượng, hình thức và nội dung dấu của Công ty, chi nhánh, văn phòng đại diện của Công ty (nếu có).

3. Việc quản lý và lưu giữ dấu thực hiện theo quy định của Điều lệ Công ty và quy chế, quy định nội bộ của Công ty, chi nhánh, văn phòng đại diện hoặc đơn vị khác của Công ty có dấu ban hành. Công ty sử dụng dấu trong các giao dịch theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và quy chế, quy định nội bộ của Công ty.

Điều 49. Chế độ lưu giữ tài liệu của Công ty

1. Công ty lưu giữ các tài liệu sau đây:

a) Điều lệ Công ty; các quy chế, quy định quản lý nội bộ của Công ty; Sổ đăng ký cổ đông;

b) Văn bằng bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp; giấy chứng nhận đăng ký chất lượng sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ; giấy phép và giấy chứng nhận khác;

c) Tài liệu, giấy tờ xác nhận quyền sở hữu tài sản của Công ty;

d) Phiếu biểu quyết, Biên bản kiểm phiếu, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị; các quyết định của Công ty;

đ) Bản cáo bạch để chào bán hoặc niêm yết chứng khoán (nếu có);

e) Báo cáo của Ban Kiểm soát, kết luận của cơ quan thanh tra, kết luận của tổ chức kiểm toán;

g) Sổ kế toán, chứng từ kế toán, báo cáo tài chính hằng năm;

h) Các tài liệu khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

2. Đối với các báo cáo quy định tại khoản 4 Điều 33 Điều lệ này phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty chậm nhất là mười (10) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên nếu Điều lệ Công ty không quy định thời hạn khác dài hơn.

3. Công ty phải lưu giữ các tài liệu quy định tại khoản 1 Điều này tại trụ sở chính Công ty; thời hạn lưu giữ thực hiện theo quy định của pháp luật có liên quan.

Điều 50. Công khai thông tin Công ty

1. Công ty phải gửi báo cáo tài chính hằng năm đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của luật về kế toán và pháp luật có liên quan.

2. Công ty công bố định kỳ trên trang thông tin điện tử của mình các thông tin sau đây:

a) Điều lệ Công ty;

b) Sơ yếu lý lịch, trình độ học vấn và kinh nghiệm nghề nghiệp của các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Giám đốc Công ty;

c) Báo cáo tài chính hằng năm đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua;

d) Báo cáo đánh giá kết quả hoạt động hằng năm của Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát.

3. Công ty phải thông báo cho Cơ quan đăng ký kinh doanh nơi Công ty có trụ sở chính chậm nhất ba (03) ngày sau khi có thông tin hoặc có thay đổi các thông tin về họ, tên, quốc tịch, số hộ chiếu, địa chỉ thường trú, số cổ phần và loại cổ phần của cổ đông là cá nhân nước ngoài; tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, số cổ phần và loại cổ phần và họ, tên, quốc tịch, số hộ chiếu, địa chỉ thường trú người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức nước ngoài.

4. Việc công bố thông tin định kỳ và thông tin bất thường được thực hiện theo quy định của pháp luật về công bố thông tin và Điều lệ này.

Điều 51. Công khai các lợi ích liên quan

Việc công khai lợi ích và người có liên quan của Công ty thực hiện theo quy định sau đây:

1. Công ty phải tập hợp và cập nhật danh sách những người có liên quan của Công ty theo quy định tại khoản 23 Điều 4 của Luật Doanh nghiệp và các hợp đồng, giao dịch tương ứng của họ với Công ty;

2. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng Công ty phải kê khai cho Công ty về các lợi ích liên quan của mình, bao gồm:

a) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà họ làm chủ hoặc sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; tỷ lệ và thời điểm làm chủ, sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó;

b) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà những người có liên quan của họ làm chủ, cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng phần vốn góp hoặc cổ phần trên 10% vốn điều lệ;

3. Việc kê khai quy định tại khoản 2 Điều này phải được thực hiện trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc kể từ ngày phát sinh lợi ích liên quan; việc sửa đổi, bổ sung phải được thông báo với Công ty trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc kể từ ngày có sửa đổi, bổ sung tương ứng;

4. Việc lưu giữ, công khai, xem xét, trích lục, sao chép danh sách người có liên quan và lợi ích có liên quan được kê khai quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này được thực hiện như sau:

a) Công ty phải thông báo danh sách người có liên quan và lợi ích có liên quan cho Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên;

b) Danh sách người có liên quan và lợi ích có liên quan được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty; trường hợp cần thiết có thể lưu giữ một phần hoặc toàn bộ nội dung danh sách nói trên tại các chi nhánh của Công ty;

c) Cổ đông, đại diện theo ủy quyền của cổ đông, thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Giám đốc và người quản lý khác có quyền xem xét, trích lục và sao chép một phần hoặc toàn bộ nội dung kê khai;

d) Công ty phải tạo điều kiện để những người quy định tại điểm c khoản này tiếp cận, xem xét, trích lục, sao chép danh sách người có liên quan và lợi ích có liên quan một cách nhanh nhất, thuận lợi nhất; không được ngăn cản, gây khó khăn đối với họ trong thực hiện quyền này. Trình tự, thủ tục xem xét, trích lục, sao chép nội dung kê khai người có liên quan và lợi ích có liên quan được thực hiện theo quy định tại Điều lệ Công ty hoặc quy chế, quy định nội bộ của Công ty;

5. Thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc Công ty nhân danh cá nhân hoặc nhân danh người khác để thực hiện công việc dưới mọi hình thức trong phạm vi công việc kinh doanh của Công ty đều phải giải trình bản chất, nội dung của công việc đó trước Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và chỉ được thực hiện khi được đa số thành viên còn lại của Hội đồng quản trị chấp thuận; nếu thực hiện mà không khai báo hoặc không được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị thì tất cả thu nhập có được từ hoạt động đó thuộc về Công ty.

Chương V

NGƯỜI LAO ĐỘNG VÀ TỔ CHỨC ĐẠI DIỆN NGƯỜI LAO ĐỘNG TRONG CÔNG TY

Điều 52. Quan hệ lao động trong Công ty

1. Trong Công ty, Giám đốc Công ty là Người sử dụng lao động.

Quan hệ lao động giữa người lao động hoặc tập thể lao động với người sử dụng lao động được xác lập qua đối thoại, thương lượng, thoả thuận theo nguyên tắc tự nguyện, thiện chí, bình đẳng, hợp tác, tôn trọng quyền và lợi ích hợp pháp của nhau.

Công ty cam kết bảo đảm quyền, lợi ích hợp pháp, chính đáng của người lao động theo quy định của pháp luật về lao động; không phân biệt đối xử và xúc phạm danh dự, nhân phẩm của người lao động trong doanh nghiệp; không sử dụng lao động cưỡng bức và lao động trẻ em; hỗ trợ và tạo điều kiện thuận lợi cho người lao động tham gia đào tạo nâng cao trình độ, kỹ năng nghề; thực hiện chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế và bảo hiểm khác cho người lao động theo quy định của pháp luật.

2. Người lao động trong Công ty có các quyền sau đây:

a) Làm việc; tự do lựa chọn việc làm, nghề nghiệp, học nghề, nâng cao trình độ nghề nghiệp không bị phân biệt đối xử, cưỡng bức lao động, quấy rối tinh dục tại nơi làm việc;

b) Hưởng lương phù hợp với trình độ, kỹ năng nghề trên cơ sở thoả thuận với người sử dụng lao động; được bảo hộ lao động, làm việc trong điều kiện bảo đảm về an toàn, vệ sinh lao động; nghỉ theo chế độ, nghỉ hằng năm có hưởng lương và được hưởng phúc lợi tập thể theo quy định của pháp luật về lao động và quy chế, quy định của Công ty;

c) Thành lập, gia nhập, hoạt động trong tổ chức đại diện người lao động, tổ chức nghề nghiệp và tổ chức khác theo quy định của pháp luật; yêu cầu và tham gia đối thoại, thực hiện quy chế dân chủ, thương lượng tập thể với người sử dụng lao động và được tham vấn tại nơi làm việc để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của mình; tham gia quản lý theo nội quy của người sử dụng lao động;

d) Từ chối làm việc nếu có nguy cơ rõ ràng đe dọa trực tiếp đến tính mạng, sức khỏe trong quá trình thực hiện công việc;

đ) Đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động theo quy định của pháp luật;

e) Đình công;

g) Các quyền khác theo quy định của pháp luật.

3. Người lao động trong Công ty có các nghĩa vụ sau đây:

a) Thực hiện hợp đồng lao động, thoả ước lao động tập thể và các thoả thuận hợp pháp khác;

b) Chấp hành kỷ luật lao động, nội quy lao động; tuân theo sự quản lý, điều hành, giám sát hợp pháp của người sử dụng lao động;

c) Thực hiện các quy định của pháp luật về lao động, việc làm, giáo dục nghề nghiệp, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp và an toàn, vệ sinh lao động.

4. Người sử dụng lao động của Công ty có các quyền sau đây:

a) Tuyển dụng, bố trí, quản lý, điều hành, giám sát lao động theo nhu cầu sản xuất, kinh doanh; khen thưởng và xử lý vi phạm kỷ luật lao động;

b) Thành lập, gia nhập, hoạt động trong tổ chức đại diện người sử dụng lao động, tổ chức nghề nghiệp và tổ chức khác theo quy định của pháp luật;

c) Yêu cầu tổ chức đại diện người lao động, thương lượng với mục đích ký kết thoả ước lao động tập thể; tham gia giải quyết tranh chấp lao động, đình công; đối thoại, trao đổi với tổ chức đại diện người lao động về các vấn đề trong quan hệ lao động, cải thiện đời sống vật chất và tinh thần của người lao động;

d) Đóng cửa tạm thời nơi làm việc;

đ) Các quyền khác theo quy định của pháp luật.

5. Người sử dụng lao động của Công ty có các nghĩa vụ sau đây:

a) Thực hiện hợp đồng lao động, thoả ước lao động tập thể và thoả thuận khác với người lao động và các thoả thuận hợp pháp khác; tôn trọng danh dự, nhân phẩm của người lao động;

b) Thiết lập cơ chế và thực hiện đối thoại, trao đổi với người lao động và tổ chức đại diện người lao động tại Công ty và thực hiện nghiêm chỉnh quy chế dân chủ ở cơ sở tại nơi làm việc;

c) Đào tạo, đào tạo lại, bồi dưỡng nâng cao trình độ, kỹ năng nghề nhằm duy trì, chuyển đổi nghề nghiệp, việc làm cho người lao động;

d) Thực hiện quy định của pháp luật về lao động, việc làm, giáo dục nghề nghiệp, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp và an toàn, vệ sinh lao động; xây dựng và thực hiện các giải pháp phòng, chống quấy rối tình dục tại nơi làm việc;

đ) Tham gia phát triển tiêu chuẩn kỹ năng nghề quốc gia, đánh giá, công nhận kỹ năng nghề cho người lao động.

Điều 53. Tổ chức đại diện người lao động trong Công ty

1. Người lao động trong Công ty có quyền thành lập, gia nhập và hoạt động công đoàn theo quy định của Luật Công đoàn hoặc có quyền thành lập, gia nhập và tham gia hoạt động của tổ chức của người lao động tại Công ty theo quy của Bộ luật Lao động.

2. Các tổ chức đại diện người lao động quy định tại khoản 1 Điều này bình đẳng về quyền và nghĩa vụ trong việc đại diện bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của người lao động trong quan hệ lao động.

3. Quyền và nghĩa vụ của tổ chức đại diện người lao động tại Công ty trong quan hệ lao động:

a) Thương lượng tập thể với người sử dụng lao động theo quy định của Bộ luật Lao động.

b) Đối thoại tại nơi làm việc theo quy định của Bộ luật Lao động.

c) Được tham khảo ý kiến xây dựng và giám sát việc thực hiện thang lương, bảng lương, mức lao động, quy chế trả lương, quy chế thưởng, nội quy lao động và những vấn đề liên quan đến quyền, lợi ích của người lao động là thành viên của mình.

d) Đại diện cho người lao động trong quá trình giải quyết khiếu nại, tranh chấp lao động cá nhân khi được người lao động ủy quyền.

đ) Tổ chức và lãnh đạo đình công theo quy định của Bộ luật Lao động.

e) Tiếp nhận hỗ trợ kỹ thuật của cơ quan, tổ chức đăng ký hoạt động hợp pháp tại Việt Nam nhằm tìm hiểu pháp luật về lao động; về trình tự, thủ tục thành lập tổ chức đại diện người lao động và việc tiến hành các hoạt động đại diện trong quan hệ lao động sau khi được cấp đăng ký.

g) Được người sử dụng lao động bố trí nơi làm việc và được cung cấp thông tin, bảo đảm các điều kiện cần thiết cho hoạt động của tổ chức đại diện người lao động tại Công ty.

h) Tổ chức đại diện người lao động tại Công ty có thể bầu Ban lãnh đạo của tổ chức đại diện của mình. Tiêu chuẩn, điều kiện, trình tự thủ tục bầu thành viên Ban lãnh đạo của tổ chức đại diện người lao động tại Công ty thực hiện theo quy định của Bộ luật Lao động. Thành viên Ban lãnh đạo của tổ chức đại diện người lao động tại Công ty có quyền sau đây:

- Tiếp cận người lao động tại nơi làm việc trong quá trình thực hiện các nhiệm vụ của tổ chức đại diện người lao động tại Công ty. Việc thực hiện quyền này phải bảo đảm không ảnh hưởng đến hoạt động bình thường của người sử dụng lao động;

- Tiếp cận người sử dụng lao động để thực hiện các nhiệm vụ đại diện của tổ chức đại diện người lao động tại Công ty;

- Được sử dụng thời gian làm việc theo quy định tại Bộ luật Lao động và văn bản pháp luật liên quan để thực hiện công việc của tổ chức đại diện người lao động tại Công ty mà vẫn được người sử dụng lao động trả lương;

- Được hưởng các bảo đảm khác trong quan hệ lao động và trong việc thực hiện chức năng đại diện theo quy định của pháp luật.

h) Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

4. Nghĩa vụ của người sử dụng lao động đối với tổ chức đại diện người lao động trong Công ty:

a) Không được cản trở, gây khó khăn khi người lao động tiến hành các hoạt động hợp pháp nhằm thành lập, gia nhập và tham gia các hoạt động của tổ chức đại diện người lao động tại Công ty.

b) Công nhận và tôn trọng các quyền của tổ chức đại diện người lao động tại Công ty đã được thành lập hợp pháp.

c) Phải thỏa thuận bằng văn bản với ban lãnh đạo của tổ chức đại diện người lao động tại Công ty khi đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động, chuyển làm công việc khác, kỷ luật sa thải đối với người lao động là thành viên ban lãnh đạo của tổ chức đại diện người lao động tại cơ sở. Trường hợp không thỏa thuận được, hai bên phải báo cáo với cơ quan chuyên môn về lao động thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh. Sau 30 ngày kể từ ngày báo cho cơ quan chuyên môn về lao động thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh biết, người sử dụng lao động mới có quyền quyết định. Trường hợp không nhất trí với quyết định của người sử dụng lao động thì người lao động, ban lãnh đạo của tổ chức đại diện người lao động tại cơ sở có quyền yêu cầu giải quyết tranh chấp lao động theo trình tự, thủ tục do pháp luật quy định.

d) Phải gia hạn hợp đồng lao động đã giao kết đến hết nhiệm kỳ cho người lao động là thành viên ban lãnh đạo của tổ chức đại diện người lao động tại cơ sở đang trong nhiệm kỳ mà hết hạn hợp đồng lao động.

đ) Các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

Chương VI **PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN**

Điều 54. Phân phối lợi nhuận

1. Đại hội đồng cổ đông Công ty quyết định mức chi trả cổ tức và hình thức chi trả cổ tức hàng năm từ lợi nhuận được giữ lại của Công ty trên cơ sở đề xuất của Hội đồng quản trị Công ty.

2. Một phần lợi nhuận sau thuế của Công ty có thể dùng để trích lập vào các quỹ theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông và phù hợp với quy định của pháp luật.

3. Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận được thực hiện theo quy định của pháp luật.

Chương VII

TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, NĂM TÀI CHÍNH, HỆ THỐNG KẾ TOÁN, BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ KIỂM TOÁN

Điều 55. Tài khoản ngân hàng

1. Công ty mở tài khoản tại các ngân hàng Việt Nam hoặc tại các chi nhánh ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam.

2. Theo sự chấp thuận trước của cơ quan có thẩm quyền, trong trường hợp cần thiết, Công ty có thể mở tài khoản ngân hàng ở nước ngoài theo các quy định của pháp luật.

3. Công ty tiến hành tất cả các khoản thanh toán và giao dịch kế toán thông qua các tài khoản tiền Việt Nam hoặc ngoại tệ tại các ngân hàng mà Công ty mở tài khoản.

Điều 56. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 dương lịch hằng năm. Năm tài chính đầu tiên của Công ty bắt đầu từ ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu tiên khi chính thức hoạt động theo mô hình Công ty cổ phần và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 của năm đó.

Điều 57. Chế độ kế toán

1. Chế độ kế toán Công ty sử dụng là chế độ kế toán doanh nghiệp hoặc chế độ kế toán đặc thù được cơ quan có thẩm quyền ban hành, chấp thuận.

2. Công ty lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt. Công ty lưu giữ hồ sơ kế toán theo quy định pháp luật về kế toán và pháp luật liên quan. Những hồ sơ này phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và phải đủ để chứng minh và giải trình các giao dịch của Công ty.

3. Công ty sử dụng đơn vị tiền tệ trong kế toán là đồng Việt Nam. Trường hợp Công ty có các nghiệp vụ kinh tế phát sinh chủ yếu bằng một loại ngoại tệ thì được tự chọn ngoại tệ đó làm đơn vị tiền tệ trong kế toán, chịu trách nhiệm về lựa chọn đó trước pháp luật và thông báo cho cơ quan quản lý thuế trực tiếp.

Điều 58. Báo cáo tài chính năm, sáu tháng, quý và Báo cáo thường niên

1. Công ty phải lập, công bố và nộp cho các cơ quan nhà nước có thẩm quyền bản báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán theo quy định của pháp luật.

2. Báo cáo tài chính năm phải bao gồm đầy đủ các báo cáo, phụ lục, thuyết minh theo quy định pháp luật về kế toán doanh nghiệp. Báo cáo tài chính năm phải phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình hoạt động của Công ty.

3. Công ty phải lập, công bố và nộp cho các cơ quan nhà nước có thẩm quyền báo cáo tài chính 6 tháng và quý theo quy định pháp luật liên quan.

4. Công ty phải lập và công bố Báo cáo thường niên theo các quy định của pháp luật có liên quan và Điều lệ này.

Điều 59. Kiểm toán

1. Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty chỉ định một công ty kiểm toán độc lập hoặc thông qua danh sách các công ty kiểm toán độc lập và ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định lựa chọn một trong số các đơn vị này tiến hành kiểm toán báo cáo tài

chính của Công ty cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thoả thuận với Hội đồng quản trị.

2. Báo cáo kiểm toán được đính kèm báo cáo tài chính năm của Công ty.

3. Kiểm toán viên độc lập thực hiện việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty được tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được quyền nhận các thông báo và các thông tin khác liên quan đến Đại hội đồng cổ đông và được phát biểu ý kiến tại đại hội về các vấn đề có liên quan đến kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty.

Chương VIII

TỔ CHỨC LẠI, GIẢI THỂ VÀ PHÁ SẢN CÔNG TY

Điều 60. Tổ chức lại Công ty

1. Việc tổ chức lại, hình thức tổ chức lại Công ty do Đại hội đồng cổ đông của Công ty quyết định.

2. Khi tổ chức lại, Công ty có nghĩa vụ và trách nhiệm thực hiện theo đúng trình tự, thủ tục của pháp luật quy định.

Điều 61. Tạm ngừng, đình chỉ hoạt động, chấm dứt kinh doanh

1. Việc tạm ngừng, đình chỉ hoạt động, chấm dứt kinh doanh của Công ty thực hiện theo quy định tại Điều 206 Luật Doanh nghiệp và các văn bản pháp luật khác có liên quan.

2. Việc chấm dứt hoạt động của Chi nhánh, Văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của Công ty thực hiện theo quy định tại Điều 213 Luật Doanh nghiệp và các văn bản pháp luật khác có liên quan.

Điều 62. Giải thể Công ty

Việc giải thể Công ty thực hiện theo quy định tại các Điều 207, 208, 209, 210 và Điều 211 Luật Doanh nghiệp và các văn bản pháp luật khác có liên quan.

Điều 63. Thanh lý Công ty

1. Tối thiểu sáu (06) tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động của Công ty hoặc sau khi có một quyết định giải thể Công ty, Hội đồng quản trị phải thành lập Ban thanh lý gồm ba (03) thành viên. Hai (02) thành viên do Đại hội đồng cổ đông chỉ định và một (01) thành viên do Hội đồng quản trị chỉ định từ một công ty kiểm toán độc lập.

Ban thanh lý chuẩn bị các quy chế hoạt động của mình. Các thành viên của Ban thanh lý có thể được lựa chọn trong số nhân viên Công ty hoặc chuyên gia độc lập. Tất cả các chi phí liên quan đến thanh lý được Công ty ưu tiên thanh toán trước các khoản nợ khác của Công ty.

2. Ban thanh lý có trách nhiệm báo cáo cho cơ quan đăng ký kinh doanh về ngày thành lập và ngày bắt đầu hoạt động. Kể từ thời điểm đó, Ban thanh lý thay mặt Công ty trong tất cả các công việc liên quan đến thanh lý Công ty trước Tòa án và các cơ quan hành chính.

3. Tiền thu được từ việc thanh lý được thanh toán theo thứ tự sau:

- a) Các chi phí thanh lý;
- b) Các khoản nợ lương, trợ cấp thôi việc, bảo hiểm xã hội và các quyền lợi khác của người lao động theo thỏa ước lao động tập thể và hợp đồng lao động đã ký kết;
- c) Nợ thuế;
- d) Các khoản nợ khác của Công ty;

đ) Số dư còn lại sau khi đã thanh toán tất cả các khoản nợ từ mục (a) đến (đ) trên đây được phân chia cho các cổ đông. Các cổ phần ưu đãi được ưu tiên thanh toán trước.

Điều 64. Phá sản Công ty

Việc phá sản Công ty được thực hiện theo quy định của pháp luật về phá sản

Chương IX GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ VÀ SỬA ĐỔI BỔ SUNG ĐIỀU LỆ CÔNG TY

Điều 65. Giải quyết tranh chấp nội bộ

1. Trường hợp phát sinh tranh chấp hay khiếu nại có liên quan tới hoạt động của Công ty hay tới quyền và nghĩa vụ của các cổ đông theo quy định tại Điều lệ Công ty, Luật Doanh nghiệp, các luật khác hoặc các thỏa thuận khác giữa:

- a) Cổ đông với Công ty;
- b) Cổ đông với Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng Công ty.

Các bên liên quan giải quyết tranh chấp trên nguyên tắc thương lượng, hoà giải.

Trừ trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị chủ trì việc giải quyết tranh chấp và yêu cầu từng bên trình bày các thông tin liên quan đến tranh chấp trong vòng ba mươi (30) ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, bất cứ bên nào cũng có thể yêu cầu chỉ định một chuyên gia độc lập làm trung gian hoà giải cho quá trình giải quyết tranh chấp.

2. Trường hợp không đạt được quyết định hoà giải trong vòng sáu (06) tuần ngay từ khi bắt đầu quá trình hoà giải hoặc nếu quyết định của trung gian hoà giải không được các bên chấp nhận, bất cứ bên nào cũng có thể đưa tranh chấp đó ra Trọng tài hoặc Toà án.

3. Các bên tự chịu chi phí của mình có liên quan tới thủ tục thương lượng và hoà giải. Việc thanh toán các chi phí của Toà án được thực hiện theo phán quyết của Toà án.

Điều 66. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ Công ty

1. Việc bổ sung, sửa đổi Điều lệ này phải được Đại hội đồng cổ đông Công ty xem xét quyết định.

2. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được đề cập trong bản Điều lệ này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong Điều lệ này thì áp dụng những quy định đó để điều chỉnh hoạt động của Công ty.

Chương X ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 67. Tổ chức thực hiện

1. Các cổ đông của Công ty và các tổ chức, cá nhân có liên quan có trách nhiệm tuân thủ các quy định tại Điều lệ này.

2. Các nội quy, quy chế, quy định nội bộ của Công ty do Hội đồng quản trị, Giám đốc Công ty ban hành phải tuân thủ nguyên tắc, nội dung của Điều lệ này.

Điều 68. Ngày hiệu lực

1. Bản Điều lệ này gồm 10 Chương 68 Điều được Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần đường sắt Hà Hải nhất trí thông qua ngày ... tháng ... năm 2021 tại Trụ sở của Công ty cổ phần đường sắt Hà Hải và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này.

2. Điều lệ được lập thành mười lăm (15) bản, có giá trị như nhau, trong đó:

a) Ba (03) bản nộp Tổng công ty Đường sắt Việt Nam (là cổ đông tổ chức có vốn góp chi phối tại Công ty);

b) Bốn (04) bản lưu giữ tại Trụ sở chính của Công ty.

c) Một (01) bản nộp tại phòng công chứng Nhà nước tại Hà Nội.

d) Năm (05) bản đăng ký tại sở Kế hoạch đầu tư Thành phố Hà Nội.

2. Điều lệ này là duy nhất và chính thức của Công ty.

3. Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ Công ty có giá trị khi có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc tối thiểu hai (02) thành viên Hội đồng quản trị Công ty.

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

**CÔNG TY CỔ PHẦN
ĐƯỜNG SẮT HÀ HẢI**

Số: 152 TTTr- ĐSHH

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Hà Nội, ngày 05 tháng 4 năm 2021

TỜ TRÌNH

V/v thông qua Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty CPĐS Hà Hải.

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIV, kỳ họp thứ 9 thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020;
- Căn cứ các quy định pháp luật hiện hành,
- Căn cứ vào Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần đường sắt Hà Hải.

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, cho ý kiến Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần đường sắt Hà Hải (có dự thảo Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị kèm theo).

Kính trình Đại hội đồng cổ đông Công ty xem xét thông qua.

Xin trân trọng cảm ơn!

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Văn Hải

“Dự thảo”

Hà Nội, ngày tháng 4 năm 2021

QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Thông tư số 116/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với Công ty đại chúng;

Căn cứ Điều lệ công ty cổ phần đường sắt Hà Hải được thông qua tại Đại hội đồng cổ đông thường niên ngày tháng 4 năm 2021;

Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số ngày tháng 4 năm 2021;

Hội đồng quản trị ban hành Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần đường sắt Hà Hải.

Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần đường sắt Hà Hải bao gồm các nội dung sau:

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh:

Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị quy định cơ cấu tổ chức nhân sự, nguyên tắc hoạt động, quyền hạn, nghĩa vụ của Hội đồng quản trị và các thành viên Hội đồng quản trị nhằm hoạt động theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và các quy định khác của pháp luật có liên quan, đảm bảo bảo toàn và phát triển vốn của Công ty.

2. Đối tượng áp dụng:

Quy chế này được áp dụng cho Hội đồng quản trị, các thành viên Hội đồng quản trị Công ty cổ phần đường sắt Hà Hải.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

1. Trong Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị, những thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:

a) “*Luật Doanh nghiệp*” có nghĩa là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020;

b) “*Luật Chứng khoán*” là Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019;

c) “*Việt Nam*” là nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

d) “*Tổng công ty Đường sắt Việt Nam*” (sau đây gọi tắt là Tổng công ty) là công ty mẹ trong nhóm công ty mẹ - công ty con Tổng công ty Đường sắt Việt Nam, được chuyển đổi từ công ty nhà nước thành công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu theo Quyết định số 973/QĐ-TTg ngày 25 tháng 6 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ”;

đ) “*Công ty*” là Công ty cổ phần đường sắt Hà Hải;

e) “*Điều lệ*” là Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty;

g) “*Quy chế*” là Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị;

h) “*Vốn điều lệ*” là tổng mệnh giá cổ phần đã bán hoặc đăng ký mua khi thành lập công ty cổ phần và quy định tại Điều 7 Điều lệ công ty;

i) “*Vốn có quyền biểu quyết*” là vốn cổ phần, theo đó người sở hữu có quyền biểu quyết về những vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

k) “*Ngày thành lập*” là ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và các giấy tờ có giá trị tương đương) lần đầu;

l) “*Người điều hành Công ty*” là Giám đốc, Phó giám đốc, Kế toán trưởng Công ty;

m) “*Người quản lý Công ty*” là Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng Công ty;

n) “*Người có liên quan*” là cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 23 Điều 4 của Luật Doanh nghiệp, khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán;

o) “*Người có quan hệ gia đình*” bao gồm: vợ, chồng, bố đẻ, mẹ đẻ, bố nuôi, mẹ nuôi, bố chồng, mẹ chồng, bố vợ, mẹ vợ, con đẻ, con nuôi, con rể, con dâu, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu, anh ruột của vợ, anh ruột của chồng, chị ruột của vợ, chị ruột của chồng, em ruột của vợ, em ruột của chồng.

2. Trong Quy chế này, các tham chiếu tới một hoặc một số quy định hoặc văn bản nào khác sẽ bao gồm cả những sửa đổi hoặc văn bản thay thế.

3. Các tiêu đề (Chương, Điều của Quy chế) được sử dụng nhằm thuận tiện cho việc hiểu nội dung và không ảnh hưởng tới nội dung của Quy chế này.

4. Các từ hoặc thuật ngữ đã được giải nghĩa trong Bộ luật Dân sự, Luật Doanh nghiệp hoặc Luật Chứng khoán và các văn bản pháp luật khác thì có nghĩa như trong các văn bản pháp luật đó.

Điều 3. Nguyên tắc hoạt động của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị làm việc theo nguyên tắc tập thể. Các thành viên của Hội đồng quản trị chịu trách nhiệm cá nhân về phần việc của mình và cùng chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông, trước pháp luật về các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị đối với sự phát triển của Công ty.

2. Hội đồng quản trị giao trách nhiệm cho Giám đốc tổ chức điều hành thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

Chương II THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 4. Quyền và nghĩa vụ của thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị có đầy đủ các quyền theo quy định của Luật Doanh nghiệp, pháp luật liên quan và Điều lệ công ty.

2. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền yêu cầu Giám đốc, Phó giám đốc, Kế toán trưởng Công ty cung cấp thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và của đơn vị trong Công ty.

Người quản lý được yêu cầu phải cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác thông tin, tài liệu theo yêu cầu của thành viên Hội đồng quản trị. Trình tự, thủ tục yêu cầu và cung cấp thông tin do Điều lệ công ty quy định.

3. Thành viên Hội đồng quản trị có nghĩa vụ theo quy định tại Điều lệ công ty và các nghĩa vụ sau:

a) Thực hiện các nhiệm vụ của mình một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích cao nhất của cổ đông và của Công ty;

b) Tham dự đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị và có ý kiến về các vấn đề được đưa ra thảo luận;

c) Báo cáo kịp thời, đầy đủ với Hội đồng quản trị các khoản thù lao nhận được từ các công ty con, công ty liên kết và các tổ chức khác;

d) Báo cáo Hội đồng quản trị tại cuộc họp gần nhất các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa Công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch;

đ) Thực hiện công bố thông tin khi thực hiện giao dịch cổ phiếu của Công ty theo quy định của pháp luật.

Điều 5. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Hội đồng quản trị

1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị là ba (03) người.
2. Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị là năm (05) năm. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá năm (05) năm; thành viên Hội đồng quản trị có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.
3. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc.
4. Trường hợp có thành viên được bầu bổ sung hoặc thay thế thành viên bị miễn nhiệm, bãi nhiệm trong thời hạn nhiệm kỳ thì nhiệm kỳ của thành viên đó là thời hạn còn lại của nhiệm kỳ Hội đồng quản trị.

Điều 6. Tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Hội đồng quản trị

Thành viên Hội đồng quản trị phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

1. Không thuộc đối tượng không được quản lý doanh nghiệp theo quy định tại Khoản 2 Điều 17 của Luật Doanh nghiệp;
2. Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản lý kinh doanh hoặc trong ngành, nghề kinh doanh của Công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty;
3. Thành viên Hội đồng quản trị không được là người có quan hệ gia đình của Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng; của người quản lý tại Tổng công ty Đường sắt Việt Nam, người có thẩm quyền bổ nhiệm người quản lý của Tổng công ty Đường sắt Việt Nam.
4. Thành viên Hội đồng quản trị Công ty có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị của công ty khác phù hợp với các quy định của pháp luật.

Điều 7. Chủ tịch Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị.
2. Chủ tịch Hội đồng quản trị không kiêm nhiệm chức vụ Giám đốc Công ty.
3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có các quyền và nghĩa vụ sau đây:
 - a) Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;
 - b) Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông; Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập và chủ trì và làm chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;

- c) Tổ chức việc thông qua nghị quyết của Hội đồng quản trị;
- d) Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
- đ) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

3. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho một Thành viên khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị.

4. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị có đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn mười (10) ngày kể từ ngày nhận đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm.

Điều 8. Thư ký công ty

Khi xét thấy cần thiết, Hội đồng quản trị tuyển dụng thư ký Công ty để hỗ trợ Hội đồng quản trị và Chủ tịch Hội đồng quản trị thực hiện các nghĩa vụ thuộc thẩm quyền theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

1. Thư ký Công ty có trách nhiệm bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

2. Thư ký Công ty có các quyền và nghĩa vụ sau đây:

a) Hỗ trợ tổ chức triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị; ghi chép các biên bản họp;

b) Hỗ trợ thành viên Hội đồng quản trị trong việc thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao;

c) Hỗ trợ Hội đồng quản trị trong áp dụng và thực hiện nguyên tắc quản trị Công ty;

d) Hỗ trợ Công ty trong xây dựng quan hệ cổ đông và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của cổ đông;

đ) Hỗ trợ Công ty trong việc tuân thủ đúng các nghĩa vụ cung cấp thông tin, công khai hóa thông tin và thủ tục hành chính;

e) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định tại Điều lệ Công ty.

Điều 9. Miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị

Thành viên Hội đồng quản trị không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp bị Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế trong các trường hợp sau:

1. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

a) Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 155 Luật Doanh nghiệp và Điều 32 Điều lệ công ty;

b) Có đơn từ chức và được chấp thuận;

c) Trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

2. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

a) Không tham gia các hoạt động của Hội đồng quản trị trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

b) Trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

3. Khi xét thấy cần thiết, Đại hội đồng cổ đông quyết định thay thế thành viên Hội đồng quản trị; miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị ngoài trường hợp quy định tại khoản 1, 2 Điều này hoặc bị luật pháp cấm không được làm thành viên Hội đồng quản trị.

4. Không còn là đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức theo quyết định của tổ chức đó;

5. Là đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức, nhưng tổ chức đó không còn là cổ đông của Công ty nữa.

6. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

a) Số thành viên Hội đồng quản trị còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật. Trường hợp này, Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày số thành viên còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật;

b) Số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba so với số quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp này, Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn sáu mươi (60) ngày kể từ ngày số thành viên bị giảm quá một phần ba;

b) Trừ trường hợp quy định tại điểm a và điểm b khoản này, Đại hội đồng cổ đông bầu thành viên mới thay thế thành viên Hội đồng quản trị đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm tại cuộc họp gần nhất.

Điều 10. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị. Việc đề cử người vào Hội đồng quản trị thực hiện như sau:

a) Các cổ đông phổ thông họp thành nhóm để đề cử người vào Hội đồng quản trị phải thông báo về việc họp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;

b) Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng quản trị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Hội đồng quản trị. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị và các cổ đông khác đề cử.

2. Trường hợp số lượng ứng cử viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị. Việc Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật.

3. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy chế bầu cử hoặc Điều lệ công ty.

4. Việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định theo nguyên tắc bỏ phiếu.

Điều 11. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Hội đồng quản trị, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu, ứng cử viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm:

- a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
- b) Trình độ chuyên môn;
- c) Quá trình công tác;
- d) Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh của công ty khác);
- đ) Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;
- e) Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ công ty;

g) Công ty phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới công ty của ứng cử viên (nếu có).

2. Việc thông báo về kết quả bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị thực hiện theo các quy định hướng dẫn về công bố thông tin.

Chương III HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 12. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của Công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

2. Hội đồng quản trị có trách nhiệm giám sát Giám đốc và người quản lý khác trong Công ty.

3. Hội đồng quản trị có những quyền và nghĩa vụ sau:

a) Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn, kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;

b) Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;

c) Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;

d) Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của Công ty;

đ) Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 133 Luật Doanh nghiệp, Khoản 3 Điều 12 của Điều lệ công ty;

e) Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật;

g) Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;

h) Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng khác có giá trị bằng hoặc lớn hơn ba mươi lăm phần trăm (35%) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty trừ hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 138, khoản 1 và khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

i) Thông qua các hợp đồng và giao dịch có giá trị nhỏ hơn ba mươi lăm phần trăm (35%) tổng giá trị tài sản doanh nghiệp ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty đối với:

- Cổ đông, người đại diện ủy quyền của cổ đông sở hữu trên mười phần trăm (10%) tổng số cổ phần phổ thông của Công ty và những người có liên quan của họ;

- Thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và người có liên quan của họ;

- Các doanh nghiệp quy định tại Khoản 2 Điều 164 của Luật Doanh nghiệp.

Trường hợp này, người đại diện Công ty ký hợp đồng phải thông báo các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó; đồng thời kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị quyết định việc chấp thuận hợp đồng hoặc giao dịch trong thời hạn mười lăm (15) ngày, kể từ ngày nhận được thông báo. Thành viên có lợi ích liên quan không có quyền biểu quyết.

k) Quy hoạch, bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; Quy hoạch, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, từ chức, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng, điều động, luân chuyển, khen thưởng, kỷ luật đối với Giám đốc, Phó Giám đốc và Kế toán trưởng Công ty; quyết định tiền lương và quyền lợi khác của Giám đốc, Phó Giám đốc và Kế toán trưởng Công ty; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở Công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;

l) Giám sát, chỉ đạo Giám đốc, Phó Giám đốc và Kế toán trưởng Công ty trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty;

m) Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty, quyết định thành lập công ty con, lập chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác theo Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty;

n) Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết;

o) Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;

p) Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể, yêu cầu phá sản Công ty;

q) Giải quyết các khiếu nại, tố cáo liên quan đến người quản lý Công ty; thay mặt Công ty khiếu nại, tố cáo Giám đốc, Phó Giám đốc và Kế toán trưởng Công ty khi xét thấy cá nhân đó xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của Công ty;

r) Quyết định ban hành Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế quản trị công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua; ban hành các quy chế nội bộ khác của công ty trừ trường hợp Điều lệ công ty quy định khác hoặc được phân cấp, ủy quyền theo quy định của pháp luật;

s) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, quy định khác của pháp luật và Điều lệ công ty.

4. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, bao gồm các thông tin sau:

- Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị;
- Tổng kết các cuộc họp và các quyết định của Hội đồng quản trị;
- Kết quả giám sát đối với Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng;
- Các kế hoạch trong tương lai.

5. Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết, quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp, lấy ý kiến bằng văn bản. Mỗi thành viên Hội đồng quản trị có một phiếu biểu quyết.

6. Khi thực hiện chức năng, quyền và nghĩa vụ của mình, Hội đồng quản trị tuân thủ đúng quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. Trong trường hợp nghị quyết do Hội đồng quản trị thông qua trái với quy định của pháp luật hoặc Điều lệ Công ty gây thiệt hại cho Công ty thì các thành viên tán thành thông qua nghị quyết, quyết định đó phải cùng liên đới chịu trách nhiệm cá nhân về nghị quyết, quyết định đó và phải đền bù thiệt hại cho Công ty; thành viên phản đối thông qua nghị quyết nói trên được miễn trừ trách nhiệm.

Trường hợp này, cổ đông của Công ty có quyền yêu cầu Tòa án đình chỉ thực hiện hoặc hủy bỏ nghị quyết, quyết định nói trên.

7. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền yêu cầu Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng Công ty cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và của các đơn vị trong Công ty nhưng phải thực hiện bảo mật, cung cấp thông tin, phát ngôn liên quan đến các thông tin, tài liệu này theo quy định của pháp luật, Điều lệ công ty và nội quy, quy chế của Công ty.

Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng được yêu cầu phải cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác các thông tin, tài liệu theo yêu cầu của thành viên Hội đồng quản trị. Việc cung cấp thông tin thực hiện theo quy định của pháp luật, Điều lệ công ty và nội quy, quy chế của Công ty.

Điều 13. Trách nhiệm của Hội đồng quản trị trong việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường

1. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau:

- a) Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;
- b) Số thành viên của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật;
- c) Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp và Khoản 3 Điều 16 Điều lệ công ty. Yêu cầu triệu tập Đại hội đồng cổ đông phải thể hiện bằng văn bản; trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan;
- d) Theo yêu cầu của Ban Kiểm soát;
- đ) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

2. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường

a) Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát còn lại như quy định tại điểm b khoản 1 Điều này hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm c và điểm d khoản 1 Điều này. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định thì Chủ tịch Hội đồng quản trị và các thành viên Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại phát sinh cho Công ty.

3. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây:

- a) Chuẩn bị danh sách các cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

- b) Cung cấp thông tin và giải quyết khiếu nại liên quan đến danh sách cổ đông;
- c) Chuẩn bị chương trình và nội dung Đại hội;
- d) Chuẩn bị tài liệu cho Đại hội;
- đ) Dự thảo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp; danh sách và thông tin chi tiết của các ứng cử viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên;
- e) Xác định thời gian và địa điểm tổ chức Đại hội;
- g) Thông báo và gửi thông báo họp Đại hội đồng cổ đông cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp;
- h) Các công việc khác phục vụ Đại hội.

Chương IV

CUỘC HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 14. Cuộc họp Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị sẽ được bầu trong cuộc họp đầu tiên của nhiệm kỳ Hội đồng quản trị trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn một (01) người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.

2. Hội đồng quản trị họp ít nhất mỗi quý 01 lần và có thể họp bất thường.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị trong các trường hợp sau đây:

- a) Có đề nghị của Ban Kiểm soát;
- b) Có đề nghị của Giám đốc hoặc ít nhất năm (05) người quản lý khác;
- c) Có đề nghị của ít nhất hai (02) thành viên Hội đồng quản trị;
- d) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

Đề nghị phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.

4. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại Khoản 3 Điều này. Trường hợp Chủ tịch không triệu tập họp Hội đồng quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; người đề nghị có quyền thay thế Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.

5. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất ba (03) ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Kèm theo thông báo mời họp phải có tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

Thông báo mời họp có thể gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, phương tiện điện tử hoặc phương thức khác do Điều lệ công ty hoặc quy chế, quy định nội bộ của Công ty quy định và phải bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Công ty.

6. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các thành viên Ban Kiểm soát như đối với các thành viên Hội đồng quản trị.

Thành viên Ban Kiểm soát có quyền dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

7. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ ba phần tư ($3/4$) tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn năm (05) ngày làm việc, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành, nếu có hơn một nửa ($1/2$) số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

8. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:

- a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
- b) Ủy quyền cho người khác đến dự họp theo quy định tại Khoản 9 Điều này.
- c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
- d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử.

Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì dán kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất một (01) giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.

9. Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.

10. Nghị quyết của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Điều 15. Biên bản họp Hội đồng quản trị

1. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt và có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài, có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b) Mục đích, chương trình và nội dung họp;
- c) Thời gian, địa điểm họp;
- d) Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc người được ủy quyền dự họp và cách thức dự họp; họ, tên các thành viên không dự họp và lý do;
- đ) Các vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp;
- e) Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp;
- g) Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến;
- h) Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;
- i) Họ, tên, chữ ký chủ tọa và người ghi biên bản, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này.

2. Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e, g và h khoản 1 Điều này thì biên bản này có hiệu lực.

3. Chủ tọa, người ghi biên bản và những người ký tên trong Biên bản phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị.

4. Biên bản họp Hội đồng quản trị và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

5. Biên bản lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài có hiệu lực ngang nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung biên bản tiếng Việt và tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản tiếng Việt có hiệu lực áp dụng.

Chương V

BÁO CÁO, CÔNG KHAI CÁC LỢI ÍCH

Điều 16. Trình báo cáo hằng năm

1. Kết thúc năm tài chính, Hội đồng quản trị phải trình Đại hội đồng cổ đông báo cáo sau đây:

- a) Báo cáo kết quả kinh doanh của Công ty;
- b) Báo cáo tài chính;
- c) Báo cáo đánh giá công tác quản lý, điều hành Công ty;
- d) Báo cáo thẩm định của Ban Kiểm soát.

2. Báo cáo quy định tại các điểm a, b và c khoản 1 Điều này phải được gửi đến Ban kiểm soát để thẩm định chậm nhất là 30 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên nếu Điều lệ công ty không có quy định khác.

3. Báo cáo quy định tại các khoản 1, 2 Điều này, báo cáo thẩm định của Ban kiểm soát và báo cáo kiểm toán phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty chậm nhất là 10 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên nếu Điều lệ công ty không quy định thời hạn khác dài hơn. Cổ đông sở hữu cổ phần của Công ty liên tục ít nhất 01 năm có quyền tự mình hoặc cùng với luật sư, kế toán viên, kiểm toán viên có chứng chỉ hành nghề trực tiếp xem xét báo cáo quy định tại Điều này.

Điều 17. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị

1. Công ty có quyền trả thù lao, thưởng cho thành viên Hội đồng quản trị theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.

2. Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng thù lao công việc và thưởng. Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị và mức thù lao mỗi ngày. Hội đồng quản trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao và thưởng của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên.

3. Thù lao của từng thành viên Hội đồng quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

4. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc chuyên trách hoặc thực hiện những công việc khác ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.

5. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác khi thực hiện nhiệm vụ được giao.

Điều 18. Công khai các lợi ích liên quan

Việc công khai lợi ích và người có liên quan của Công ty thực hiện theo quy định sau đây:

1. Thành viên Hội đồng quản trị của Công ty phải kê khai cho công ty về các lợi ích liên quan của mình, bao gồm:

a) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà họ có sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; tỷ lệ và thời điểm sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó;

b) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà những người có liên quan của họ cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng phần vốn góp hoặc cổ phần trên 10% vốn điều lệ.

2. Việc kê khai quy định tại khoản 1 Điều này phải được thực hiện trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày phát sinh lợi ích liên quan; việc sửa đổi, bổ sung phải được thông báo với Công ty trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày có sửa đổi, bổ sung tương ứng.

3. Thành viên Hội đồng quản trị nhân danh cá nhân hoặc nhân danh người khác để thực hiện công việc dưới mọi hình thức trong phạm vi công việc kinh doanh của Công ty đều phải giải trình bản chất, nội dung của công việc đó trước Hội đồng quản trị và chỉ được thực hiện khi được đa số thành viên còn lại của Hội đồng quản trị chấp thuận; nếu thực hiện mà không khai báo hoặc không được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị thì tất cả thu nhập có được từ hoạt động đó thuộc về Công ty.

Chương VI

MỐI QUAN HỆ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 19. Mối quan hệ giữa các thành viên Hội đồng quản trị

1. Quan hệ giữa các thành viên Hội đồng quản trị là quan hệ phối hợp, các thành viên Hội đồng quản trị có trách nhiệm thông tin cho nhau về vấn đề có liên quan trong quá trình xử lý công việc được phân công.

2. Trong quá trình xử lý công việc, thành viên Hội đồng quản trị được phân công chịu trách nhiệm chính phải chủ động phối hợp xử lý, nếu có vấn đề liên quan đến lĩnh vực do thành viên Hội đồng quản trị khác phụ trách. Trong trường hợp giữa các thành viên Hội đồng quản trị còn có ý kiến khác nhau thì thành viên chịu trách nhiệm chính báo cáo Chủ tịch Hội đồng quản trị xem xét quyết định theo

tham quyền hoặc tổ chức họp hoặc lấy ý kiến của các thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật, Điều lệ công ty và Quy chế này.

3. Trong trường hợp có sự phân công lại giữa các thành viên Hội đồng quản trị thì các thành viên Hội đồng quản trị phải bàn giao công việc, hồ sơ, tài liệu liên quan. Việc bàn giao này phải được lập thành văn bản và báo cáo Chủ tịch Hội đồng quản trị về việc bàn giao đó.

Điều 20. Mỗi quan hệ với Ban điều hành

Với vai trò quản trị, Hội đồng quản trị ban hành các nghị quyết đề Giám đốc và bộ máy điều hành thực hiện. Đồng thời, Hội đồng quản trị kiểm tra, giám sát thực hiện các nghị quyết.

Điều 21. Mỗi quan hệ với Ban Kiểm soát

1. Mỗi quan hệ giữa Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát là quan hệ phối hợp. Quan hệ làm việc giữa Hội đồng quản trị với Ban Kiểm soát theo nguyên tắc bình đẳng và độc lập, đồng thời phối hợp chặt chẽ, hỗ trợ lẫn nhau trong quá trình thực thi nhiệm vụ.

2. Khi tiếp nhận các biên bản kiểm tra hoặc báo cáo tổng hợp của Ban Kiểm soát, Hội đồng quản trị có trách nhiệm nghiên cứu và chỉ đạo các bộ phận có liên quan xây dựng kế hoạch và thực hiện chấn chỉnh kịp thời.

Chương VII

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 22. Sửa đổi, bổ sung Quy chế

1. Việc bổ sung, sửa đổi Quy chế này phải được Đại hội đồng cổ đông Công ty xem xét quyết định.

2. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được đề cập trong bản Điều lệ công ty hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong Điều lệ công ty thì áp dụng những quy định đó để điều chỉnh hoạt động của Công ty.

Điều 23. Hiệu lực thi hành

Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần đường sắt Hà Hải bao gồm 07 chương, 23 điều và có hiệu lực thi hành kể từ ngày..... tháng 4 năm 2021./.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

TỜ TRÌNH

**Về việc Thông qua Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát
Công ty cổ phần đường sắt Hà Hải**

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty cổ phần đường sắt Hà Hải

Căn cứ Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020;

Căn cứ Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Thông tư 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính Hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần đường sắt Hà Hải;

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần đường sắt Hà Hải kính trình Đại hội đồng cổ đông biểu quyết thông qua Quy chế hoạt động Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần đường sắt Hà Hải gồm 7 chương, 23 điều (Toàn văn dự thảo Quy chế đã được gửi tới các quý cổ đông nghiên cứu).

Quy chế hoạt động Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần đường sắt Hà Hải sẽ được ban hành và có hiệu lực áp dụng sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn.

Xin trân trọng cảm ơn!

Nơi nhận:

- Các Quý Cổ đông;
- Thành viên HĐQT;
- Ban KS, Ban GD;
- Lưu: VT, Tky công ty.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Văn Hải

Hà Nội, ngày ... tháng ... năm 2021

QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020;

Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật chứng khoán;

Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính Hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật chứng khoán;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Đường sắt Hà Hải được thông qua Đại hội đồng cổ đông thường niên ngày ... tháng 4 năm 2021;

Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 Công ty cổ phần đường sắt Hà Hải số .../NQ-ĐHĐCD ngày ... tháng 4 năm 2021.

Ban Kiểm soát ban hành Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát Công ty cổ phần Đường sắt Hà Hải.

Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát Công ty cổ phần Đường sắt Hà Hải bao gồm các nội dung sau:

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát quy định cơ cấu tổ chức nhân sự, tiêu chuẩn, điều kiện, quyền và nghĩa vụ của Ban Kiểm soát và các thành viên Ban Kiểm soát theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và các quy định khác có liên quan.

2. Đối tượng áp dụng: Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát được áp dụng cho Ban Kiểm soát và các thành viên Ban Kiểm soát.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

1. Trong Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát, những thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:

a) “*Luật Doanh nghiệp*” có nghĩa là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020;

b) Luật Chứng khoán là Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019;

c) “Việt Nam” là nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

d) “Tổng công ty Đường sắt Việt Nam” (sau đây gọi tắt là Tổng công ty) là công ty mẹ trong nhóm công ty mẹ - công ty con Tổng công ty Đường sắt Việt Nam, được chuyển đổi từ công ty nhà nước thành công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu theo Quyết định số 973/QĐ-TTg ngày 25 tháng 6 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ”;

đ) “Công ty” là Công ty cổ phần Đường sắt Hà Hải;

e) “Điều lệ” là Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty;

g) “Quy chế” là Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát;

h) “Vốn điều lệ” là tổng mệnh giá cổ phần đã bán hoặc đăng ký mua khi thành lập công ty cổ phần và quy định tại Điều 7 Điều lệ công ty;

i) “Vốn có quyền biểu quyết” là vốn cổ phần, theo đó người sở hữu có quyền biểu quyết về những vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

k) “Ngày thành lập” là ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và các giấy tờ có giá trị tương đương) lần đầu;

l) “Người điều hành Công ty” là Giám đốc, Phó giám đốc, Kế toán trưởng;

m) “Người quản lý Công ty” là Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng trong Công ty;

n) “Người có liên quan” là cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 23 Điều 4 của Luật Doanh nghiệp và khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán ;

o) “Người có quan hệ gia đình” bao gồm: vợ, chồng, bố đẻ, mẹ đẻ, bố nuôi, mẹ nuôi, bố chồng, mẹ chồng, bố vợ, mẹ vợ, con đẻ, con nuôi, con rể, con dâu, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu, anh ruột của vợ, anh ruột của chồng, chị ruột của vợ, chị ruột của chồng, em ruột của vợ, em ruột của chồng.

2. Trong Quy chế này, các tham chiếu tới một hoặc một số quy định hoặc văn bản nào khác sẽ bao gồm cả những sửa đổi hoặc văn bản thay thế.

3. Các tiêu đề (Chương, Điều của Điều lệ này) được sử dụng nhằm thuận tiện cho việc hiểu nội dung và không ảnh hưởng tới nội dung của Quy chế này.

4. Các từ hoặc thuật ngữ đã được giải nghĩa trong Bộ luật Dân sự, Luật Doanh nghiệp hoặc Luật Chứng khoán và các văn bản pháp luật khác thì có nghĩa như trong các văn bản pháp luật đó.

Điều 3. Nguyên tắc hoạt động của Ban Kiểm soát

Ban Kiểm soát làm việc theo nguyên tắc tập thể. Các thành viên của Ban Kiểm soát chịu trách nhiệm cá nhân về phần việc của mình và cùng chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông, trước pháp luật về các công việc, quyết định của Ban Kiểm soát.

Chương II

THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT

Điều 4. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của thành viên Ban Kiểm soát

1. Tuân thủ đúng pháp luật, Điều lệ Công ty, nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và đạo đức nghề nghiệp trong thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao.

2. Thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của Công ty.

3. Trung thành với lợi ích của Công ty và cổ đông; không lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh, tài sản khác của Công ty, để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác.

4. Các nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, các văn bản pháp luật có liên quan và Điều lệ Công ty.

5. Trường hợp vi phạm quy định tại các Khoản 1, 2, 3 và 4 Điều này mà gây thiệt hại cho Công ty hoặc người khác thì thành viên Ban Kiểm soát phải chịu trách nhiệm cá nhân hoặc liên đới bồi thường thiệt hại đó. Mọi thu nhập và lợi ích khác mà thành viên Ban Kiểm soát có được do vi phạm phải hoàn trả cho Công ty.

6. Trường hợp phát hiện có thành viên Ban Kiểm soát vi phạm trong thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao thì phải thông báo bằng văn bản đến Ban Kiểm soát; yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và khắc phục hậu quả.

Điều 5. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Ban kiểm soát

1. Công ty có Ban Kiểm soát. Ban Kiểm soát do Đại hội đồng cổ đông Công ty bầu ra. Nhiệm kỳ Ban Kiểm soát theo nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị. Nhiệm kỳ của thành viên Ban Kiểm soát không quá năm (05) năm và Kiểm soát viên có thể được bầu lại theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty. Ban Kiểm soát phải có hai (02) thành viên thường trú ở Việt Nam.

2. Trường hợp thành viên Ban Kiểm soát có cùng thời điểm kết thúc nhiệm kỳ mà thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ mới chưa được bầu thì thành viên Ban kiểm soát đã hết nhiệm kỳ vẫn tiếp tục thực hiện quyền và nghĩa vụ cho đến khi thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ mới được bầu và nhận nhiệm vụ.

3. Trường hợp có thành viên được bầu bổ sung hoặc thay thế thành viên bị miễn nhiệm, bãi nhiệm trong thời hạn nhiệm kỳ thì nhiệm kỳ của thành viên đó là thời hạn còn lại của nhiệm kỳ Ban Kiểm soát.

Điều 6. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Ban kiểm soát

Thành viên Ban Kiểm soát phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

1. Không thuộc đối tượng theo quy định tại khoản 2 Điều 17 Luật Doanh nghiệp;

2. Có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành về kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành phù hợp với hoạt động kinh doanh của Công ty;

3. Không phải là người có quan hệ gia đình của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng Công ty;

4. Không phải là người quản lý Công ty; không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của Công ty;

5. Tiêu chuẩn và điều kiện khác theo quy định của pháp luật có liên quan và Điều lệ Công ty.

Điều 7. Trưởng Ban kiểm soát

Trưởng Ban Kiểm soát do Ban kiểm soát bầu trong số các thành viên Ban Kiểm soát; việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nguyên tắc đa số.

Trưởng Ban Kiểm soát có quyền và nghĩa vụ sau:

1. Phân công nhiệm vụ cụ thể cho các thành viên Ban Kiểm soát theo quy định nội bộ của Ban Kiểm soát; Triệu tập và chủ trì cuộc họp Ban Kiểm soát;

2. Yêu cầu Hội đồng quản trị, Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng Công ty cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo Ban Kiểm soát;

3. Thay mặt Ban Kiểm soát yêu cầu Hội đồng quản trị họp bất thường và triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường pháp luật theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty;

4. Thay mặt Ban Kiểm soát ký các văn bản thuộc thẩm quyền của Ban Kiểm soát; Lập và ký báo cáo của Ban Kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để trình Đại hội đồng cổ đông.

5. Giám sát, chỉ đạo các thành viên Ban Kiểm soát trong việc thực hiện nhiệm vụ được phân công và các nhiệm vụ quyền hạn chung của Ban Kiểm soát;

6. Tham dự hoặc cử thành viên Ban Kiểm soát khác tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị Công ty, tham gia ý kiến và đưa ra kiến nghị nhưng không được biểu quyết; Yêu cầu ghi lại ý kiến của mình trong biên bản cuộc họp Hội đồng quản trị Công ty nếu ý kiến của mình khác với quyết định của Hội đồng quản trị Công ty;

7. Ủy quyền cho một thành viên khác của Ban Kiểm soát thực hiện nhiệm vụ của mình trong thời gian vắng mặt;

8. Các nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định của Điều lệ công ty và của pháp luật.

Điều 8. Đề cử, ứng cử thành viên Ban Kiểm soát

1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Ban Kiểm soát. Việc đề cử người vào Ban Kiểm soát thực hiện như sau:

a) Các cổ đông phổ thông hợp thành nhóm để đề cử người vào Ban kiểm soát phải thông báo về việc hợp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;

b) Căn cứ số lượng thành viên Ban Kiểm soát, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Ban kiểm soát. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và các cổ đông khác đề cử.

2. Trường hợp số lượng ứng cử viên Ban Kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Ban Kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty và Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát. Việc Ban Kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật.

Điều 9. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban Kiểm soát

1. Việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban Kiểm soát thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

2. Việc biểu quyết bầu thành viên Ban Kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Ban Kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Ban kiểm soát được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy định tại quy chế bầu cử hoặc Điều lệ công ty.

Điều 10. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban Kiểm soát

1. Thành viên Ban Kiểm soát bị Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm trong các trường hợp sau:

a) Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban Kiểm soát theo quy định tại Điều 6 Quy chế này;

b) Có đơn từ chức và được chấp thuận;

c) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

2. Thành viên Ban Kiểm soát bị Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm trong các trường hợp sau:

- a) Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;
- b) Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong sáu (06) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
- c) Vi phạm nhiều lần, vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của thành viên Ban Kiểm soát theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty;
- d) Trường hợp khác theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

Điều 11. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban Kiểm soát

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Ban kiểm soát, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu, ứng cử viên Ban kiểm soát phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của công ty nếu được bầu làm thành viên Ban kiểm soát. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Ban Kiểm soát được công bố bao gồm:

- a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
- b) Trình độ chuyên môn;
- c) Quá trình công tác;
- d) Các chức danh quản lý khác;
- đ) Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;
- e) Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ công ty;
- g) Công ty phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới công ty của ứng cử viên (nếu có).

2. Việc thông báo về kết quả bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban Kiểm soát thực hiện theo các quy định hướng dẫn về công bố thông tin.

Chương III BAN KIỂM SOÁT

Điều 12. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Ban Kiểm soát

1. Ban Kiểm soát thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng Công ty trong việc quản lý và điều hành Công ty; Đảm bảo phối hợp hoạt động với Hội đồng quản trị, Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng Công ty và cổ đông; Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình;

2. Xây dựng Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.

3. Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh; tính hệ thống, nhất quán và phù hợp của công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính.

4. Thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hằng năm và 06 tháng của Công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị và trình báo cáo thẩm định tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên. Rà soát hợp đồng, giao dịch với người có liên quan thuộc thẩm quyền phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông và đưa ra khuyến nghị về hợp đồng, giao dịch cần có phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông.

5. Rà soát, kiểm tra và đánh giá hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro và cảnh báo sớm của Công ty.

6. Giám sát tình hình tài chính của Công ty; Xem xét sổ kế toán, ghi chép kế toán và tài liệu khác của Công ty, công việc quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết hoặc theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông hoặc theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật Doanh nghiệp.

7. Khi có yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật Doanh nghiệp, Ban Kiểm soát thực hiện kiểm tra trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Ban Kiểm soát phải báo cáo về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến Hội đồng quản trị và cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu. Việc kiểm tra của Ban Kiểm soát quy định tại khoản này không được cản trở hoạt động bình thường của Hội đồng quản trị, không gây gián đoạn điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.

8. Kiến nghị Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, giám sát và điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.

9. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ Công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng Công ty, Ban Kiểm soát phải thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

10. Tham dự và tham gia thảo luận tại các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và các cuộc họp khác của Công ty.

11. Sử dụng tư vấn độc lập, bộ phận kiểm toán nội bộ của Công ty để thực hiện nhiệm vụ được giao.

12. Ban Kiểm soát có thể tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông.

13. Các tài liệu và thông tin sau đây phải được gửi đến thành viên Ban Kiểm soát cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng quản trị:

- a) Thông báo mời họp, phiếu lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị và tài liệu kèm theo;
- b) Nghị quyết, quyết định và biên bản họp của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị;
- c) Báo cáo của Giám đốc trình Hội đồng quản trị hoặc tài liệu khác do Công ty phát hành.

14. Có quyền tiếp cận hồ sơ, tài liệu của Công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của Công ty trong giờ làm việc.

15. Có quyền yêu cầu Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng Công ty cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công ty.

16. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

Điều 13. Trách nhiệm của Ban Kiểm soát trong việc triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông

1. Ban Kiểm soát có trách nhiệm thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày trong trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

a) Số thành viên của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật;

b) Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp và Khoản 3 Điều 16 Điều lệ công ty. Yêu cầu triệu tập Đại hội đồng cổ đông phải thể hiện bằng văn bản; trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan;

c) Khi có yêu cầu triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông của Ban Kiểm soát nhưng Hội đồng quản trị không thực hiện.

2. Trường hợp Ban Kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông như quy định thì Ban Kiểm soát phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại phát sinh cho Công ty;

3. Chi phí triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 1 Điều này sẽ được Công ty hoàn lại.

Chương IV CUỘC HỌP BAN KIỂM SOÁT

Điều 14. Cuộc họp của Ban Kiểm soát

1. Ban Kiểm soát phải họp ít nhất 02 lần trong một năm, số lượng thành viên tham dự họp ít nhất là 2/3 số thành viên Ban Kiểm soát.

2. Ban Kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận tham dự cuộc họp của Ban Kiểm soát, cuộc họp Hội đồng quản trị hoặc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông Công ty và trả lời các vấn đề cần được làm rõ.

Điều 15. Biên bản họp Ban Kiểm soát

Biên bản họp Ban Kiểm soát được lập chi tiết và rõ ràng. Người ghi biên bản và các thành viên Ban Kiểm soát tham dự họp phải ký tên vào biên bản cuộc họp. Các biên bản họp của Ban Kiểm soát phải được lưu giữ nhằm xác định trách nhiệm của từng thành viên Ban Kiểm soát.

Chương V BÁO CÁO VÀ CÔNG KHAI LỢI ÍCH

Điều 16. Trình báo cáo hàng năm

Báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông của Ban Kiểm soát phải có các nội dung sau:

1. Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của Ban Kiểm soát và từng thành viên Ban Kiểm soát.
2. Tổng kết các cuộc họp của Ban Kiểm soát và các kết luận, kiến nghị của Ban Kiểm soát.
3. Kết quả giám sát tình hình hoạt động và tài chính của Công ty.
4. Kết quả giám sát đối với Hội đồng quản trị, Giám đốc và người điều hành khác của Công ty.
5. Kết quả đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng Công ty và các cổ đông.

Điều 17. Tiền lương và quyền lợi khác

Tiền lương thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban Kiểm soát được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Thành viên Ban Kiểm soát được trả tiền lương thù lao, thưởng và lợi ích theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức tiền lương, thù lao, thưởng, lợi ích khác và ngân sách hoạt động hằng năm của Ban Kiểm soát;
2. Thành viên Ban Kiểm soát được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hằng năm của Ban Kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác;

3. Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban Kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty.

Điều 18. Công khai các lợi ích liên quan

1. Thành viên Ban Kiểm soát của Công ty phải kê khai cho Công ty về các lợi ích liên quan của mình, bao gồm:

a) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà họ làm chủ hoặc sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; tỷ lệ và thời điểm làm chủ, sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó;

b) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà những người có liên quan của họ làm chủ, cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng phần vốn góp hoặc cổ phần trên 10% vốn điều lệ.

2. Việc kê khai theo quy định tại khoản 1 Điều này phải được thực hiện trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày phát sinh lợi ích liên quan; việc sửa đổi, bổ sung phải được thông báo với Công ty trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày có sửa đổi, bổ sung tương ứng.

3. Thành viên Ban Kiểm soát và những người có liên quan của các thành viên Ban Kiểm soát chỉ được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để phục vụ lợi ích của Công ty.

4. Thành viên Ban Kiểm soát có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát về các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên năm mươi phần trăm (50%) trở lên vốn điều lệ với thành viên Ban kiểm soát hoặc với những người có liên quan của thành viên Ban Kiểm soát theo quy định của pháp luật. Đối với các giao dịch nêu trên do Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận, Công ty phải thực hiện công bố thông tin về các nghị quyết này theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.

5. Thành viên Ban Kiểm soát và những người có liên quan của các thành viên này không được sử dụng hoặc tiết lộ cho người khác các thông tin nội bộ để thực hiện các giao dịch có liên quan.

Chương VI

MỐI QUAN HỆ CỦA BAN KIỂM SOÁT

Điều 19. Mối quan hệ giữa các thành viên Ban kiểm soát

Các thành viên Ban Kiểm soát có mối quan hệ độc lập, không phụ thuộc lẫn nhau nhưng có sự phối hợp, cộng tác trong công việc chung để đảm bảo thực hiện tốt trách nhiệm, quyền và nhiệm vụ của Ban Kiểm soát theo quy định pháp luật và Điều lệ công ty.

Trưởng Ban Kiểm soát là người điều phối công việc chung của Ban Kiểm soát nhưng không có quyền chỉ phối các thành viên Ban kiểm soát.

Điều 20. Mỗi quan hệ với Ban điều hành

Ban Kiểm soát có mối quan hệ độc lập với Ban điều hành Công ty, là đơn vị thực hiện chức năng giám sát hoạt động của ban điều hành.

Điều 21. Mối quan hệ với Hội đồng quản trị

Ban Kiểm soát có mối quan hệ độc lập với Hội đồng quản trị Công ty, là đơn vị thực hiện chức năng giám sát hoạt động của Hội đồng quản trị.

Chương VII
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 22. Sửa đổi, bổ sung Quy chế

1. Việc bổ sung, sửa đổi Quy chế này phải được Đại hội đồng cổ đông Công ty xem xét quyết định.

2. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được đề cập trong bản Quy chế này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong Quy chế này thì áp dụng những quy định đó để điều chỉnh hoạt động của Công ty.

Điều 23. Hiệu lực thi hành

Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát Công ty cổ phần Đường sắt Hà Hải bao gồm 07 chương, 23 điều và có hiệu lực thi hành kể từ ngày ... tháng ... năm 2021.

TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN

Trần Thị Hồng Vân

**CÔNG TY CỔ PHẦN
ĐƯỜNG SẮT HÀ HẢI**

Số: 154/TTr- ĐSHH

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Hà Nội, ngày 05 tháng 4 năm 2021

TỜ TRÌNH
V/v thông qua Quy chế quản trị nội bộ Công ty

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty CPĐS Hà Hải.

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIV, kỳ họp thứ 9 thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020;
- Căn cứ các quy định pháp luật hiện hành,
- Căn cứ vào Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần đường sắt Hà Hải.

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, cho ý kiến Quy chế quản trị nội bộ Công ty Cổ phần đường sắt Hà Hải (có dự thảo Quy chế quản trị nội bộ Công ty kèm theo).

Kính trình Đại hội đồng cổ đông Công ty xem xét thông qua.

Xin trân trọng cảm ơn!

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Nguyễn Văn Hải

“Dự thảo”

Hà Nội, ngày tháng năm 2021

QUY CHẾ QUẢN TRỊ NỘI BỘ CỦA CÔNG TY CPĐS HÀ HẢI

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Điều lệ công ty cổ phần đường sắt Hà Hải được thông qua tại Đại hội đồng cổ đông thường niên ngày.....tháng 4 năm 2021;

Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông sốngày tháng 4 năm 2021;

Hội đồng quản trị ban hành Quy chế quản trị nội bộ Công ty cổ phần đường sắt Hà Hải.

Quy chế quản trị nội bộ Công ty cổ phần đường sắt Hà Hải bao gồm các nội dung sau:

**Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Ý nghĩa và phạm vi điều chỉnh

1. Quy chế quản trị Công ty Quy định những nguyên tắc cơ bản về quản trị Công ty nhằm bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Cổ đông đồng thời thiết lập những chuẩn mực về hành vi, đạo đức nghề nghiệp của các Thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Giám đốc và Cán bộ quản lý, đảm bảo hoạt động của Công ty được ổn định và phát triển đúng mong đợi của cổ đông.

2. Quy chế này được áp dụng cho tất cả các Cổ đông và các thành viên không phải là cổ đông song có tham gia vào việc quản lý điều hành hoạt động của Công ty.

Điều 2. Giải thích thuật ngữ

1. Những từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

a) “*Luật Doanh nghiệp*” có nghĩa là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020;

b) “*Quản trị Công ty*” là hệ thống các quy tắc để đảm bảo cho Công ty được định hướng điều hành và được kiểm soát một cách có hiệu quả vì quyền lợi của cổ đông và những người liên quan đến Công ty. Các nguyên tắc quản trị Công ty bao gồm:

- Đảm bảo một cơ cấu quản trị hiệu quả;
- Đảm bảo quyền lợi của cổ đông;
- Đối xử công bằng giữa các cổ đông;
- Đảm bảo vai trò của những người có quyền lợi liên quan đến Công ty;

- Minh bạch trong hoạt động của Công ty;
 - Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát lãnh đạo và kiểm soát Công ty có hiệu quả.
 - c) "Công ty" là Công ty Cổ phần đường sắt Hà Hải
 - d) "Người có liên quan" là cá nhân hoặc tổ chức được quy định tại Luật Doanh nghiệp và Luật Chứng khoán.
 - e) "HĐQT" là Hội đồng quản trị Công ty
 - g) "ĐHĐCĐ" là Đại hội đồng cổ đông Công ty
2. Trong Quy chế này, các tham chiếu tới một hoặc một số điều khoản hoặc văn bản pháp luật sẽ bao gồm cả những sửa đổi bổ sung hoặc văn bản thay thế các văn bản đó.

Chương II

CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 3. Quyền của cổ đông

1. Cổ đông có đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Luật Doanh nghiệp, các văn bản pháp luật liên quan và Điều lệ Công ty, đặc biệt là:
 - a) Quyền tự do chuyển nhượng cổ phần đã được thanh toán đầy đủ và được ghi trong sổ cổ đông của Công ty, trừ một số trường hợp bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và quyết định của Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ);
 - b) Quyền được đòi xú công bằng. Mỗi cổ phần của cùng một loại đều tạo cho cổ đông sở hữu các quyền, nghĩa vụ và lợi ích ngang nhau. Trường hợp công ty có các loại cổ phần ưu đãi, các quyền và nghĩa vụ gắn liền với các loại cổ phần ưu đãi phải được công bố đầy đủ cho cổ đông và phải được ĐHĐCĐ thông qua;
 - c) Quyền được thông báo đầy đủ thông tin định kỳ và thông tin bất thường về hoạt động của Công ty;
 - d) Quyền và trách nhiệm tham gia các cuộc họp ĐHĐCĐ và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền bỏ phiếu;
 - e) Quyền được ưu tiên mua cổ phần mới chào bán tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần trong Công ty.
2. Cổ đông có quyền bảo vệ các quyền lợi hợp pháp của mình. Trong trường hợp quyết định của ĐHĐCĐ, quyết định của Hội đồng quản trị vi phạm pháp luật hoặc vi phạm những quyền lợi cơ bản của cổ đông theo quy định của pháp luật, cổ đông có quyền đề nghị hủy quyết định đó theo trình tự, thủ tục pháp luật quy định. Trường hợp các quyết định vi phạm pháp luật gây tổn hại tới Công ty, Hội đồng quản trị (HĐQT), Ban kiểm soát, Giám đốc điều hành phải đền bù cho Công ty theo trách nhiệm của mình. Cổ đông có quyền yêu cầu Công ty bồi thường tổn thất theo quy định của pháp luật.

Điều 4. Trách nhiệm của cổ đông lớn

1. Cổ đông lớn không được lợi dụng ưu thế của mình gây tổn hại đến các quyền, lợi ích của Công ty và của các cổ đông khác.
2. Cổ đông lớn có nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định của pháp luật.

Điều 5. Quy chế quản trị công ty

1. HĐQT có trách nhiệm xây dựng và ban hành Quy chế quản trị công ty. Quy chế quản trị Công ty không được trái với các nguyên tắc và quy định hiện hành về quản trị Công ty. Quy chế quản trị được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty. Quy chế quản trị Công ty gồm các nội dung chủ yếu sau:

- a) Trình tự, thủ tục về triệu tập và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông;
- b) Trình tự, thủ tục đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên HĐQT;
- c) Trình tự, thủ tục tổ chức họp HĐQT;
- d) Trình tự, thủ tục lựa chọn, bổ nhiệm, miễn nhiệm Giám đốc;
- e) Quy trình, thủ tục phối hợp hoạt động giữa HĐQT, Ban kiểm soát và Giám đốc Công ty;
- f) Quy trình, thủ tục về việc thành lập và hoạt động của các tiểu ban thuộc HĐQT.

2. Ngoài ra, Quy chế quản trị Công ty dẫn chiếu đến một số quy định trong Điều lệ Công ty; các quy chế, quy trình quản trị nội bộ của Công ty.

Điều 6. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường

1. Đại hội đồng cổ đông

HĐQT phải triệu tập họp ĐHĐCĐ thường niên và ĐHĐCĐ bất thường theo quy định tại Luật Doanh nghiệp và điều lệ Công ty. ĐHĐCĐ thường niên phải được tổ chức mỗi năm 01 (một) lần trong thời hạn 04 (bốn) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Theo đề nghị của Hội đồng quản trị, cơ quan đăng ký kinh doanh có thể gia hạn, nhưng không quá sáu (06) tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

HĐQT phải triệu tập ĐHĐCĐ bất thường theo quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

2. Thủ tục triệu tập họp ĐHĐCĐ bất thường quy định tại Điều lệ Công ty.

3. Thủ tục tiến hành họp và biểu quyết tại ĐHĐCĐ.

4. Người triệu tập họp ĐHĐCĐ phải lập danh sách cổ đông có quyền dự họp ĐHĐCĐ, cung cấp thông tin và giải quyết khiếu nại liên quan đến danh sách cổ đông, lập chương trình và nội dung cuộc họp, chuẩn bị tài liệu, xác định thời gian và địa điểm họp, gửi thông báo mời họp đến từng cổ đông có quyền dự họp theo quy định của Luật Doanh nghiệp, các văn bản pháp luật liên quan và Điều lệ Công ty, gồm các nội dung chính sau:

a) Thông báo về việc chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự họp ĐHĐCĐ; Thông báo triệu tập ĐHĐCĐ quy định tại Điều lệ Công ty.

b) Cách thức đăng ký tham dự ĐHĐCĐ: Cách thức đăng ký tham dự cuộc họp ĐHĐCĐ được quy định tại thông báo họp ĐHĐCĐ. Cổ đông có trách nhiệm đăng ký tham dự theo cách thức đã ghi trong thông báo. Cổ đông có thể ủy quyền cho người khác tham dự cuộc họp theo quy định của pháp luật và Điều lệ.

c) Cách thức bỏ phiếu: bỏ phiếu trực tiếp vào hòm phiếu tại ĐHĐCĐ.

d) Cách thức kiểm phiếu:

Cổ đông dự họp biểu quyết bằng cách đánh dấu vào phiếu biểu quyết được phát tại cuộc họp ĐHĐCĐ và bỏ vào thùng phiếu đặt tại phòng họp. Phiếu biểu quyết hợp lệ và đã có chữ ký của Cổ đông là bằng chứng xác nhận ý kiến biểu quyết của Cổ đông về vấn đề được nêu trong phiếu.

Số thẻ đồng ý nghị quyết được kiểm trước, số thẻ không đồng ý nghị quyết được kiểm sau. Đối với những vấn đề nhạy cảm và nếu cổ đông có yêu cầu, Công ty phải chỉ định tổ chức độc lập thực hiện việc thu thập và kiểm phiếu;

e) Thông báo kết quả kiểm phiếu: Kết quả kiểm phiếu được thông báo ngay tại cuộc họp ĐHĐCĐ sau khi hoàn thành việc kiểm phiếu.

f) Cách thức phản đối quyết định của ĐHĐCĐ.

g) Lập biên bản Đại hội đồng cổ đông.

h) Thông báo quyết định của ĐHĐCĐ ra công chúng:

Việc thông báo quyết định của ĐHĐCĐ ra công chúng tuân thủ quy định Công bố thông tin của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và các văn bản pháp luật có liên quan.

5. Công ty tuân thủ đầy đủ trình tự, thủ tục về triệu tập ĐHĐCĐ theo quy định của pháp luật, Điều lệ công ty và các quy định nội bộ của Công ty. Công ty công bố thông tin về việc chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự họp ĐHĐCĐ tối thiểu 05 (năm) ngày trước ngày chốt danh sách. Công ty không hạn chế cổ đông tham dự ĐHĐCĐ, tạo điều kiện cho cổ đông thực hiện việc ủy quyền đại diện tham gia ĐHĐCĐ hoặc bỏ phiếu từ xa, biểu quyết thông qua họp ĐHĐCĐ trực tuyến. Công ty hướng dẫn thủ tục ủy quyền và lập giấy ủy quyền cho các cổ đông theo quy định.

6. Hàng năm Công ty tổ chức họp ĐHĐCĐ thường niên theo quy định của Luật Doanh nghiệp. Việc họp ĐHĐCĐ thường niên không được tổ chức dưới hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản.

7. Công ty quy định trong Điều lệ Công ty các nguyên tắc, nội dung, trình tự, thủ tục lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của ĐHĐCĐ. Trường hợp lấy ý kiến bằng văn bản, Công ty phải đảm bảo gửi, công bố đầy đủ tài liệu và đảm bảo thời gian hợp lý cho các cổ đông xem xét tài liệu trước khi gửi phiếu biểu quyết như trường hợp tổ chức họp ĐHĐCĐ.

Điều 7. Tham dự Đại hội đồng cổ đông của kiểm toán viên độc lập

Kiểm toán viên hoặc đại diện Công ty kiểm toán được mời dự họp ĐHĐCĐ thường niên để phát biểu ý kiến tại ĐHĐCĐ về các vấn đề liên quan đến Báo cáo tài chính năm trong trường hợp Báo cáo kiểm toán có các khoản ngoại trừ trọng yếu.

Điều 8. Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị tại ĐHĐCĐ thường niên

Báo cáo hoạt động của HĐQT trình ĐHĐCĐ thường niên tối thiểu phải bao gồm các nội dung sau:

1. Đánh giá tình hình hoạt động của Công ty trong năm tài chính;
2. Hoạt động và chi phí hoạt động của HĐQT và từng thành viên HĐQT;
3. Tổng kết các cuộc họp của HĐQT và các quyết định của HĐQT;
4. Kết quả giám sát đối với Giám đốc;

5. Kết quả giám sát đối với các cán bộ quản lý khác;

6. Các kế hoạch trong tương lai.

Điều 9. Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát tại ĐHĐCĐ thường niên

Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát trình ĐHĐCĐ thường niên tối thiểu phải bao gồm các nội dung sau:

1. Hoạt động, thù lao và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát và từng thành viên Ban kiểm soát;
2. Tổng kết các cuộc họp của Ban kiểm soát và các quyết định của Ban kiểm soát;
3. Kết quả giám sát tình hình hoạt động và tài chính của Công ty;
4. Kết quả giám sát đối với thành viên HĐQT, Giám đốc và các cán bộ quản lý khác;
5. Báo cáo đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với HĐQT, Giám đốc và cổ đông.

Chương III HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 10. Thành phần, nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị

Thành phần, nhiệm kỳ của HĐQT được quy định tại Điều lệ Công ty.

Điều 11. Tư cách thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên HĐQT là những người không thuộc đối tượng mà pháp luật và Điều lệ Công ty cấm làm thành viên HĐQT. Thành viên HĐQT có thể không phải là cổ đông của Công ty.
2. Công ty cần hạn chế thành viên HĐQT kiêm nhiệm các chức danh quản lý trong bộ máy điều hành của Công ty để đảm bảo tính độc lập của Hội đồng quản trị.
3. Chủ tịch HĐQT không được kiêm nhiệm chức danh Giám đốc trừ khi việc kiêm nhiệm này được phê chuẩn hàng năm tại ĐHĐCĐ thường niên.

Điều 12. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị

1. Thông tin liên quan đến các ứng viên HĐQT (trong trường hợp đã xác định được trước các ứng viên) được công bố tối thiểu 10 (mười) ngày trước ngày triệu tập họp ĐHĐCĐ trên trang thông tin điện tử của công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng viên này trước khi bỏ phiếu. Thông tin liên quan đến các ứng viên HĐQT được công bố bao gồm:

- a) Họ tên, ngày tháng năm sinh;
- b) Trình độ chuyên môn;
- c) Quá trình công tác;
- d) Tên các Công ty mà ứng viên đang nắm giữ chức vụ thành viên HĐQT và các chức danh quản lý khác;
- e) Các lợi ích có liên quan tới Công ty (nếu có);
- f) Các thông tin khác (nếu có).

2. Các ứng viên HĐQT có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác và hợp lý của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực nếu được bầu làm thành viên HĐQT.

3. Các cổ đông nắm giữ cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng tính đến thời điểm chốt danh sách cổ đông dự họp có quyền gộp số quyền biểu quyết để đề cử các ứng viên HĐQT. Việc đề cử ứng viên HĐQT mà các cổ đông sau khi gộp số quyền biểu quyết có quyền đề cử phải tuân thủ các quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

4. Trường hợp số lượng các ứng viên HĐQT thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, HĐQT có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ và Quy chế quản trị công ty. Cơ chế HĐQT đương nhiệm đề cử ứng viên HĐQT được công bố rõ ràng và được ĐHĐCĐ thông qua trước khi tiến hành đề cử.

5. Việc bỏ phiếu bầu thành viên HĐQT theo phương thức dồn phiếu theo quy định tại Luật doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

Điều 13. Thẩm quyền của Hội đồng quản trị

HĐQT có đầy đủ các quyền theo quy định của Luật Doanh nghiệp, các văn bản pháp luật liên quan và Điều lệ Công ty, đặc biệt là quyền được cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và của các đơn vị trong Công ty.

Điều 14. Trách nhiệm và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị

1. HĐQT phải tuân thủ đầy đủ trách nhiệm và nghĩa vụ theo quy định của Luật Doanh nghiệp, các văn bản pháp luật liên quan.

2. HĐQT chịu trách nhiệm trước các cổ đông về hoạt động của Công ty.

3. HĐQT chịu trách nhiệm đảm bảo hoạt động của Công ty tuân thủ các quy định của pháp luật, Điều lệ và Quy chế quản trị Công ty, đối xử bình đẳng đối với tất cả cổ đông và tôn trọng lợi ích của người có quyền lợi liên quan đến Công ty.

4. HĐQT xây dựng các quy định về trình tự, thủ tục đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị và trình tự, thủ tục tổ chức họp Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

5. HĐQT có trách nhiệm xây dựng cơ chế đánh giá hoạt động, khen thưởng và kỷ luật đối với thành viên HĐQT, Giám đốc và các cán bộ quản lý khác.

6. HĐQT có trách nhiệm báo cáo hoạt động của HĐQT tại ĐHĐCĐ theo quy định tại Điều 8 Quy chế này.

Điều 15. Nhiệm vụ, quyền hạn của Chủ tịch Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch HĐQT là người chịu trách nhiệm chung tổ chức thực hiện mọi công việc của HĐQT; điều khiển ĐHĐCĐ thường niên và bất thường theo quy định tại Điều lệ Công ty, tổ chức phân công nhiệm vụ cho các thành viên để thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn của HĐQT theo quy định của Điều lệ Công ty và Luật doanh nghiệp, chịu trách nhiệm trước ĐHĐCĐ và pháp luật về công việc của mình.

2. Chủ tịch HĐQT ký các Nghị quyết, Quyết định và các văn bản hoặc thông qua các văn bản thuộc thẩm quyền của HĐQT; việc ủy quyền cho các thành viên HĐQT khác ký thay phải được thực hiện bằng văn bản.

3. Chủ tịch HĐQT triệu tập, chủ trì các cuộc họp HĐQT và phân công thành viên HĐQT chuẩn bị nội dung các cuộc họp HĐQT; ĐHĐCĐ; thông báo nội dung cuộc họp và yêu cầu Giám đốc, Ban kiểm soát hoặc cán bộ quản lý khác (nếu thấy cần thiết) chuẩn bị các tài liệu, báo cáo.

4. Chủ tịch HĐQT phân công nhiệm vụ cho các thành viên HĐQT; nội dung phân công nhiệm vụ cụ thể cho các thành viên phải được thể hiện dưới dạng văn bản và có chữ ký của Chủ tịch HĐQT.

5. Chủ tịch HĐQT theo dõi và đôn đốc quá trình thực hiện các nghị quyết của HĐQT.

6. Các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật.

Điều 16. Người được Chủ tịch Hội đồng quản trị ủy quyền

1. Trong trường hợp Chủ tịch HĐQT vắng mặt thì việc ủy quyền bằng văn bản cho ủy viên HĐQT thực hiện nhiệm vụ của Chủ tịch HĐQT theo quy định tại Điều lệ Công ty.

2. Người được Chủ tịch HĐQT ủy quyền có quyền và nghĩa vụ sau đây:

a) Là người thay mặt Chủ tịch HĐQT thực thi các quyền được ủy quyền khi Chủ tịch HĐQT vắng mặt.

b) Ký các văn bản được Chủ tịch HĐQT ủy quyền.

c) Trực tiếp phụ trách một số công việc cụ thể do Chủ tịch HĐQT phân công và ủy quyền.

d) Có quyền từ chối nhận ủy quyền khi xét thấy có những điều trái với pháp luật và Điều lệ Công ty.

Điều 17. Quyền hạn và nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị

1. Cùng với các thành viên khác của HĐQT thực hiện việc quản trị Công ty theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và quy định tại Quy chế này.

2. Thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn của một thành viên HĐQT theo đúng quy chế của Công ty và sự phân công của Chủ tịch HĐQT một cách trung thực, vì lợi ích của Công ty.

3. Nghiên cứu báo cáo tài chính do kiểm toán viên độc lập chuẩn bị, có ý kiến hoặc yêu cầu người điều hành Công ty, kiểm toán viên độc lập và kiểm toán viên nội bộ giải trình các vấn đề có liên quan đến báo cáo.

4. Bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm Chủ tịch HĐQT.

5. Yêu cầu Chủ tịch HĐQT triệu tập cuộc họp HĐQT bất thường theo quy định tại Điều lệ Công ty.

6. Yêu cầu triệu tập họp ĐHĐCĐ bất thường theo quy định tại Điều lệ Công ty.

7. Tham dự các cuộc họp Hội đồng quản trị, thảo luận và biểu quyết về tất cả các vấn đề thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của HĐQT theo Điều lệ Công ty, trừ trường hợp không được biểu quyết vì vấn đề xung đột lợi ích. Chịu trách nhiệm cá nhân trước pháp luật, trước Đại hội đồng cổ đông và trước HĐQT về những quyết định của mình.

8. Triển khai thực hiện các quyết định của ĐHĐCĐ và nghị quyết của HĐQT.

9. Có trách nhiệm giải trình trước ĐHĐCĐ, HĐQT về việc thực hiện nhiệm vụ được giao khi được yêu cầu.

10. Các nhiệm vụ và quyền hạn khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

Điều 18. Trình tự, thủ tục tổ chức họp Hội đồng quản trị

1. HĐQT tổ chức họp theo đúng trình tự được quy định tại Điều lệ công ty. Việc tổ chức họp HĐQT, chương trình họp và các tài liệu liên quan được thông báo trước cho các thành viên HĐQT theo đúng thời hạn quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

2. Các thành viên HĐQT có thể tham gia biểu quyết khi:

a) Có mặt tại cuộc họp.

b) Tham dự bằng điện thoại hoặc các phương tiện thông tin liên lạc khác.

c) Vắng mặt nhưng phiếu biểu quyết được đặt trong phong bì dán kín được chuyển đến Chủ tịch HĐQT ít nhất 01 giờ trước giờ khai mạc, và phong bì đựng phiếu biểu quyết của thành viên đó được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.

3. Một thành viên HĐQT có thể ủy quyền biểu quyết của mình tại cuộc họp HĐQT cho một người khác nếu sự ủy quyền đó nhận được sự đồng ý của đa số các thành viên HĐQT.

4. Các cuộc họp HĐQT quyết định những vấn đề sau đây cần sự có mặt trực tiếp của các thành viên HĐQT:

a) Phê chuẩn kế hoạch chiến lược và kế hoạch kinh doanh của Công ty.

b) Bầu chọn Chủ tịch HĐQT.

c) Bãi nhiệm Giám đốc và bổ nhiệm Giám đốc mới.

d) Tái tổ chức hoặc giải thể Công ty.

e) Tăng vốn điều lệ và phát hành cổ phiếu.

5. Biên bản họp HĐQT phải được lập chi tiết và rõ ràng. Thư ký và các thành viên HĐQT tham gia vào phiên họp phải ký tên vào các biên bản cuộc họp. Biên bản họp HĐQT phải được lưu giữ theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

Điều 19. Thủ lao của Hội đồng quản trị

1. Các thành viên HĐQT được chi trả các chi phí cần thiết có liên quan đến quản lý của Công ty; được hưởng thù lao và tiền thưởng. Đại hội đồng cổ đông quyết định mức cụ thể thù lao và tiền thưởng đối với thành viên HĐQT và thành viên Ban kiểm soát.

2. Trường hợp thành viên HĐQT kiêm nhiệm chức danh trong bộ máy điều hành của Công ty và các công ty con thì thù lao được công bố bao gồm các khoản lương, thưởng gắn với chức danh điều hành và các khoản thù lao khác.

3. Các khoản lợi ích khác và chi phí do Công ty thanh toán, cấp cho từng thành viên HĐQT được công bố chi tiết trong Báo cáo thường niên của Công ty.

Điều 20. Các tiểu ban của Hội đồng quản trị

1. HĐQT có thể thành lập các tiểu ban để hỗ trợ hoạt động của HĐQT và các tiểu ban đặc biệt khác theo nghị quyết của ĐHCĐ.

2. HĐQT quy định chi tiết về việc thành lập, trách nhiệm của các tiểu ban và trách nhiệm của từng thành viên.

Chương IV BAN KIỂM SOÁT

Điều 21. Ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát

1. Trừ trường hợp Điều lệ Công ty có quy định khác, việc ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát được thực hiện tương tự việc ứng cử, đề cử thành viên HĐQT được quy định tại các Khoản 1, 2, 3 và 5 Điều 12 Quy chế này.

2. Trường hợp số lượng các ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế quy định tại Điều lệ công ty. Cơ chế đề cử của Ban kiểm soát đương nhiệm được công bố rõ ràng và được ĐHĐCĐ thông qua trước khi tiến hành đề cử.

Điều 22. Tư cách thành viên Ban kiểm soát

1. Thành viên Ban kiểm soát là những người không thuộc đối tượng mà pháp luật và Điều lệ Công ty cấm làm thành viên Ban kiểm soát. Thành viên Ban kiểm soát phải là người có trình độ chuyên môn và kinh nghiệm. Thành viên Ban kiểm soát có thể không phải là cổ đông của Công ty.

2. Thành viên Ban kiểm soát không phải là người trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty và không phải là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty.

Điều 23. Thành phần Ban kiểm soát

1. Số lượng thành viên Ban kiểm soát là ba (03) thành viên. Trong Ban kiểm soát có ít nhất một thành viên là kế toán viên hoặc kiểm toán viên.

2. Trưởng Ban kiểm soát là người có chuyên môn về kế toán.

Điều 24. Quyền tiếp cận thông tin của thành viên Ban kiểm soát

1. Thành viên Ban kiểm soát có quyền tiếp cận tất cả các thông tin và tài liệu liên quan đến tình hình hoạt động của Công ty. Thành viên HĐQT, Giám đốc và cán bộ quản lý khác có trách nhiệm cung cấp các thông tin theo yêu cầu của các thành viên Ban kiểm soát.

2. Công ty xây dựng cơ chế nhằm hỗ trợ thành viên Ban kiểm soát hoạt động và thực thi nhiệm vụ một cách có hiệu quả theo các quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

Điều 25. Trách nhiệm và nghĩa vụ của Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát chịu trách nhiệm trước cổ đông của Công ty về các hoạt động giám sát của mình. Ban kiểm soát có trách nhiệm giám sát tình hình tài chính Công ty, tính hợp pháp trong các hoạt động của thành viên HĐQT, Giám đốc, cán bộ quản lý khác, sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với HĐQT, Giám đốc, cổ đông và các nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty nhằm bảo vệ quyền lợi hợp pháp của Công ty và cổ đông.

2. Ban kiểm soát phải họp ít nhất hai (02) lần trong một năm, số lượng thành viên tham dự họp ít nhất là 02 (hai) người. Biên bản họp Ban kiểm soát được lập chi tiết và rõ ràng. Thư ký và các thành viên Ban kiểm soát tham dự họp phải ký tên vào các biên bản cuộc họp. Các biên bản họp của Ban kiểm soát phải được lưu giữ nhằm xác định trách nhiệm của từng thành viên Ban kiểm soát.

3. Trong các cuộc họp của Ban kiểm soát, Ban kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên

Hội đồng quản trị, Giám đốc, thành viên kiểm toán nội bộ (nếu có) và kiểm toán viên độc lập tham dự và trả lời các vấn đề mà các thành viên Ban kiểm soát quan tâm.

4. Trường hợp Ban kiểm soát phát hiện những hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ Công ty của các thành viên HĐQT, Giám đốc và các cán bộ quản lý khác, Ban kiểm soát phải thông báo bằng văn bản với Hội đồng quản trị trong vòng bốn mươi tám (48) giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

5. Ban kiểm soát có quyền lựa chọn và đề nghị ĐHĐCĐ phê chuẩn tổ chức kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty.

6. Ban kiểm soát chịu trách nhiệm báo cáo tại ĐHĐCĐ theo quy định tại Điều 9 Quy chế này.

Điều 26. Thù lao của Ban kiểm soát

Hàng năm các thành viên Ban kiểm soát được hưởng thù lao cho việc thực hiện nghĩa vụ của Ban kiểm soát. Thù lao cho các thành viên Ban kiểm soát được ĐHĐCĐ thông qua. Tổng số thù lao, các khoản lợi ích khác cũng như chi phí mà Công ty đã thanh toán, cấp cho từng thành viên Ban kiểm soát được công bố trong Báo cáo thường niên của Công ty và cho các cổ đông.

Chương V BAN ĐIỀU HÀNH

Điều 27. Thành phần và thẩm quyền của Ban điều hành

1. Bộ máy điều hành của Công ty bao gồm Giám đốc, các Phó giám đốc và Kế toán trưởng.

2. Giám đốc là người điều hành cao nhất mọi hoạt động của Công ty; có toàn quyền quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty theo quy định trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ, Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát; chịu sự giám sát của HĐQT và Ban kiểm soát; chịu trách nhiệm trước ĐHĐCĐ, HĐQT và pháp luật về việc điều hành hoạt động của Công ty và việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ giao.

3. Các Phó Giám đốc giúp Giám đốc Công ty trong việc điều hành Công ty theo phân công và ủy quyền của Giám đốc; chịu trách nhiệm trước Giám đốc, trước HĐQT và trước pháp luật về nhiệm vụ được Giám đốc phân công và ủy quyền.

4. Kế toán trưởng giúp Giám đốc chỉ đạo thực hiện công tác kế toán, tài chính của Công ty, có các quyền và nhiệm vụ theo quy định của pháp luật.

Điều 28. Thành lập và bãi nhiệm Ban điều hành

1. HĐQT lựa chọn và ra quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm Giám đốc Công ty.

2. HĐQT lựa chọn và ra quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm Phó Giám đốc và Kế toán trưởng trên cơ sở ý kiến đề xuất của Giám đốc.

3. Giám đốc bổ nhiệm, miễn nhiệm các chức danh quản lý trong Công ty, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của HĐQT.

Điều 29. Thư ký Công ty

1. Để hỗ trợ cho hoạt động quản trị Công ty được tiến hành một cách có hiệu quả, HĐQT

phải chỉ định một (01) người làm Thư ký Công ty. Thư ký Công ty phải là người có hiểu biết về pháp luật. Thư ký Công ty không được đồng thời làm việc cho công ty kiểm toán đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty.

2. Vai trò và nhiệm vụ của Thư ký Công ty quy định tại Điều lệ Công ty.

Chương VI

PHỐI HỢP HOẠT ĐỘNG GIỮA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN ĐIỀU HÀNH

Điều 30. Nguyên tắc phối hợp

Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban điều hành phối hợp trong quan hệ công tác theo các nguyên tắc sau:

1. Luôn vì lợi ích chung của Công ty.
2. Tuân thủ nghiêm túc các quy định có liên quan của pháp luật, Điều lệ và các quy định của Công ty.
3. Thực hiện nguyên tắc tập trung, dân chủ, công khai, minh bạch.
4. Phối hợp công tác với tinh thần trách nhiệm cao nhất, trung thực, hợp tác và thường xuyên chủ động phối hợp tháo gỡ các vướng mắc, khó khăn.

Điều 31. Phối hợp hoạt động giữa HĐQT với Ban điều hành

1. HĐQT lãnh đạo và giám sát mọi hoạt động của Ban Giám đốc trên cơ sở tạo mọi điều kiện tốt nhất về cơ chế, chính sách, nguồn nhân lực, cơ sở vật chất để giúp Ban Giám đốc hoàn thành nhiệm vụ được giao.
2. Định kỳ hàng quý và năm, Giám đốc phải gửi báo cáo bằng văn bản về tình hình hoạt động kinh doanh và phương hướng hoạt động trong thời kỳ tới của Công ty cho HĐQT.
3. Giám đốc đồng thời là thành viên HĐQT có trách nhiệm báo cáo HĐQT mọi vấn đề có liên quan tới hoạt động điều hành của Công ty.
4. Các chương trình nghiên cứu, khảo sát, các cuộc đàm phán, ký kết hợp đồng của Công ty có liên quan đến chức năng nhiệm vụ của HĐQT, Giám đốc có trách nhiệm báo cáo Chủ tịch HĐQT để cử thành viên HĐQT tham dự.

Điều 32. Phối hợp hoạt động giữa HĐQT với Ban kiểm soát

1. HĐQT có trách nhiệm hợp tác chặt chẽ với Ban kiểm soát, tạo điều kiện cung cấp tất cả các tài liệu và thông tin cần thiết cho Ban kiểm soát, tôn trọng tư cách khách quan độc lập của Ban kiểm soát.
2. HĐQT tạo điều kiện tốt nhất cho các thành viên Ban kiểm soát trong việc thực hiện chức năng và nhiệm vụ của Ban kiểm soát và phải có trách nhiệm chỉ đạo, giám sát việc chấn chỉnh và xử lý các sai phạm theo đề xuất của Ban kiểm soát.
3. Chủ tịch HĐQT mời thành viên Ban kiểm soát tham dự cuộc họp định kỳ và bất thường của HĐQT.
4. Trưởng ban kiểm soát có trách nhiệm báo cáo HĐQT những vấn đề phát sinh tại các cuộc họp của Ban kiểm soát, mọi biên bản họp Ban kiểm soát phải được gửi tới HĐQT.

5. Kịp thời thông báo cho HĐQT khi phát hiện các trường hợp vi phạm của cán bộ quản lý theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty.

6. HĐQT có quyền đề nghị Ban kiểm soát thực hiện kiểm tra, kiểm toán theo yêu cầu.

7. Ban kiểm soát đề nghị HĐQT họp bất thường hoặc đề nghị HĐQT triệu tập Đại hội đồng cổ đông họp bất thường theo quy định tại Điều lệ Công ty.

8. Ngoài các thông tin báo cáo theo định kỳ, các thành viên Ban kiểm soát có thể đề nghị HĐQT cung cấp các thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.

9. HĐQT đảm bảo tất cả bản sao các thông tin tài chính và các thông tin khác được cung cấp cho các thành viên HĐQT cũng như biên bản họp HĐQT sẽ được cung cấp cho thành viên Ban kiểm soát cùng với việc cung cấp cho các thành viên HĐQT.

Điều 33. Phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Ban điều hành

1. Trường hợp xét thấy cần thiết, Ban điều hành có thể mời Trưởng ban kiểm soát hoặc các thành viên Ban kiểm soát tham dự họp Ban điều hành hoặc các cuộc họp khác và đóng góp ý kiến.

2. Ngoài các thông tin báo cáo định kỳ, theo yêu cầu của Trưởng ban kiểm soát, Ban điều hành thực hiện báo cáo trực tiếp hoặc cung cấp các thông tin, báo cáo về tình hình hoạt động của Công ty.

3. Trường hợp phát hiện rủi ro có thể ảnh hưởng lớn đến uy tín và hoạt động của Công ty, Ban điều hành cần báo cáo ngay cho Trưởng ban kiểm soát và thành viên Ban kiểm soát.

4. Ban điều hành chịu trách nhiệm tạo mọi điều kiện thuận lợi để Trưởng Ban kiểm soát và các thành viên Ban kiểm soát được tiếp cận các thông tin, báo cáo trong thời gian nhanh nhất.

5. Các văn bản báo cáo của Ban điều hành trình HĐQT phải được gửi đến thành viên Ban kiểm soát cùng thời điểm và theo phương thức như gửi đến thành viên HĐQT.

Chương VII NGĂN NGỪA XUNG ĐỘT LỢI ÍCH

Điều 34. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi của các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Giám đốc, cán bộ quản lý khác

1. Thành viên HĐQT, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc, cán bộ quản lý khác phải công khai các lợi ích liên quan theo quy định của Luật Doanh nghiệp, các văn bản pháp luật liên quan.

2. Thành viên HĐQT, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc, cán bộ quản lý khác và những người liên quan tới các thành viên này không được phép sử dụng những cơ hội kinh doanh có thể mang lại lợi ích cho Công ty vì mục đích cá nhân; không được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để tư lợi cá nhân hay để phục vụ lợi ích của tổ chức hoặc cá nhân khác.

3. Thành viên HĐQT, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc và cán bộ quản lý khác có nghĩa vụ thông báo cho Hội đồng quản trị các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát với chính thành viên đó hoặc với những người có liên

quan tới thành viên đó theo quy định của pháp luật. Công ty phải thực hiện công bố thông tin về nghị quyết ĐHĐCĐ hoặc nghị quyết HĐQT thông qua các giao dịch nêu trên trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ trên trang thông tin điện tử của công ty và báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

4. Công ty không được cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho các thành viên HĐQT, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc, cán bộ quản lý khác và những người có liên quan tới thành viên nêu trên, trừ khi Hội đồng quản trị/Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.

5. Thành viên HĐQT không được biểu quyết đối với các giao dịch mà thành viên đó hoặc người có liên quan đến thành viên đó tham gia, bao gồm các giao dịch mà lợi ích vật chất hay phi vật chất của thành viên HĐQT đó chưa được xác định. Các giao dịch nêu trên phải được công bố trong Báo cáo thường niên của Công ty.

6. Các thành viên HĐQT, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc, cán bộ quản lý khác và những người có liên quan tới các thành viên nêu trên không được sử dụng các thông tin chưa được phép công bố của Công ty hoặc tiết lộ cho người khác để thực hiện các giao dịch có liên quan.

Điều 35. Giao dịch với người có liên quan

1. Thẩm quyền phê duyệt việc ký kết hợp đồng giao dịch với người có liên quan được quy định tại Điều lệ Công ty.

2. Khi tiến hành giao dịch với những người có liên quan, Công ty phải ký kết hợp đồng bằng văn bản theo nguyên tắc bình đẳng, tự nguyện. Nội dung hợp đồng phải rõ ràng, cụ thể và công bố thông tin cho cổ đông khi có yêu cầu.

3. Công ty áp dụng các biện pháp cần thiết để ngăn ngừa những người có liên quan can thiệp vào hoạt động của Công ty và gây tổn hại cho lợi ích của Công ty.

4. Công ty áp dụng các biện pháp cần thiết để ngăn ngừa cổ đông và những người có liên quan tiến hành các giao dịch làm thất thoát vốn, tài sản hoặc các nguồn lực khác của Công ty.

Điều 36. Đảm bảo quyền hợp pháp của các bên có quyền lợi liên quan đến Công ty

1. Công ty phải tôn trọng quyền lợi hợp pháp của các bên có quyền lợi liên quan đến Công ty bao gồm ngân hàng, chủ nợ, người lao động, khách hàng, nhà cung cấp, cộng đồng và những người khác có quyền lợi liên quan đến Công ty.

2. Công ty cần hợp tác tích cực với những người có quyền lợi liên quan đến Công ty thông qua việc:

a) Cung cấp đầy đủ thông tin cần thiết cho ngân hàng và chủ nợ để giúp họ đánh giá về tình hình hoạt động và tài chính của Công ty và đưa ra quyết định;

b) Khuyến khích họ đưa ra ý kiến về tình hình hoạt động kinh doanh, tình hình tài chính và các quyết định quan trọng liên quan tới lợi ích của họ thông qua liên hệ trực tiếp với HĐQT, Ban kiểm soát, Giám đốc.

3. Công ty phải tuân thủ các quy định về lao động, môi trường, hoạt động có trách nhiệm với cộng đồng và xã hội.

Chương VIII

BÁO CÁO VÀ CÔNG BỐ THÔNG TIN

Điều 37. Nghĩa vụ công bố thông tin

1. Công ty có nghĩa vụ công bố đầy đủ, chính xác và kịp thời thông tin định kỳ và bất thường về tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh, tài chính và tình hình quản trị Công ty cho cổ đông và công chúng. Thông tin và cách thức công bố thông tin được thực hiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty. Ngoài ra, Công ty phải công bố đầy đủ, chính xác và kịp thời các thông tin khác nếu các thông tin đó có khả năng ảnh hưởng đến giá chứng khoán và ảnh hưởng đến quyết định của cổ đông và nhà đầu tư.

2. Việc công bố thông tin được thực hiện theo những phương thức nhằm đảm bảo cổ đông và công chúng đầu tư có thể tiếp cận một cách công bằng. Ngôn từ trong công bố thông tin cần rõ ràng, dễ hiểu và tránh gây hiểu lầm cho cổ đông và công chúng đầu tư.

Điều 38. Công bố thông tin về quản trị Công ty

1. Công ty phải công bố thông tin về tình hình quản trị Công ty tại các kỳ ĐHCĐ thường niên và trong Báo cáo thường niên của Công ty theo quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

2. Công ty có nghĩa vụ báo cáo định kỳ 06 (sáu) tháng và công bố thông tin về tình hình quản trị Công ty theo quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

Điều 39. Trách nhiệm về báo cáo và công bố thông tin của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc

Ngoài các trách nhiệm theo quy định tại Điều 34 Quy chế này, thành viên HĐQT, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc có trách nhiệm báo cáo và công bố thông tin về giao dịch trong các trường hợp sau:

1. Các giao dịch giữa Công ty với Công ty mà các thành viên nêu trên là thành viên sáng lập hoặc là thành viên HĐQT, Giám đốc.

2. Các giao dịch giữa Công ty với Công ty trong đó người liên quan của các thành viên nêu trên là thành viên HĐQT, Giám đốc hoặc cổ đông lớn.

3. Các giao dịch có thể mang lại lợi ích vật chất hoặc phi vật chất đối với các thành viên nêu trên.

Điều 40. Đào tạo về quản trị công ty

Thành viên HĐQT, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc, Thư ký Công ty phải tham gia các khóa đào tạo về quản trị Công ty tại các cơ sở đào tạo được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước công nhận.

Chương IX

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 41. Ngày hiệu lực

1. Quy chế này gồm IX chương, 42 Điều được HĐQT Công ty Cổ phần Đường sắt Hà Hải thống nhất thông qua ngày tháng năm 2021 và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Quy chế này.

2. Quy chế này là duy nhất và chính thức của Công ty. Các bản sao hoặc trích lục Quy chế quản trị Công ty phải có chữ ký của Chủ tịch HĐQT Công ty hoặc người đại diện theo pháp luật.

Điều 42. Sửa đổi bổ sung

1. Việc sửa đổi, bổ sung Quy chế này do Hội đồng quản trị quyết định.
2. Trong trường hợp những quy định của Pháp luật có liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được đề cập trong bản Quy chế này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của Pháp luật khác với những điều khoản trong Quy chế này thì những quy định của Pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của Công ty.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

QUY CHẾ
Bầu cử thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát Công ty CPĐS Hà Hải
Nhiệm kỳ 2021 – 2026

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Điều lệ công ty cổ phần đường sắt Hà Hải được thông qua tại Đại hội đồng cổ đông thường niên ngày.....tháng 4 năm 2021;

Đại hội đồng cổ đông công ty Cổ phần đường sắt Hà Hải tiến hành bầu cử thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát Công ty nhiệm kỳ 2021-2026 theo các nội dung dưới đây:

Điều 1. Đối tượng thực hiện bầu cử

Cổ đông sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết hoặc đại diện theo ủy quyền của cổ đông sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết (theo danh sách cổ đông chốt ngày 05 tháng 4 năm 2021)

Điều 2. Chủ tọa tại Đại hội

Chủ tọa tại ĐHĐCĐ có trách nhiệm chủ trì việc bầu cử với những việc cụ thể là:

- Giới thiệu danh sách đề cử vào Hội đồng quản trị.
- Giới thiệu danh sách đề cử vào Ban Kiểm soát.
- Giải quyết các khiếu nại về bầu cử (nếu có).

Điều 3. Nguyên tắc bầu cử

- Thực hiện theo đúng quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.
- Ban kiểm phiếu do Chủ tọa đề cử và được ĐHĐCĐ thông qua. Thành viên Ban Kiểm phiếu không được có tên trong danh sách đề cử, ứng cử vào Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát.

Điều 4. Số lượng, tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2021-2026

1. Theo quy định tại Điều 31 Điều lệ Công ty, số lượng thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2021- 2026 được bầu là 03 thành viên.

2. Tiêu chuẩn, điều kiện làm thành viên HĐQT:

- Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ, không thuộc đối tượng không được quản lý doanh nghiệp theo quy định tại Khoản 2 Điều 17 của Luật Doanh nghiệp;
- Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản lý kinh doanh hoặc trong ngành, nghề kinh doanh chủ yếu của Công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty;
- Thành viên Hội đồng quản trị không được là vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu của

Giám đốc và người quản lý khác của Công ty; không được là người có liên quan của người quản lý, người có thẩm quyền bổ nhiệm người quản lý của Tổng công ty ĐSVN;

- Thành viên Hội đồng quản trị Công ty có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị của công ty khác phù hợp với các quy định của pháp luật.

Điều 5. Số lượng, tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2021- 2026

1. Theo quy định tại Điều 44 Điều lệ Công ty, số lượng thành viên Ban Kiểm soát nhiệm kỳ 2021- 2026 được bầu là 03 thành viên.

2. Tiêu chuẩn, điều kiện làm thành viên Ban Kiểm soát:

- Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ, không thuộc đối tượng theo quy định tại khoản 2 Điều 17 Luật Doanh nghiệp;

- Có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành về kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành phù hợp với hoạt động kinh doanh của Công ty;

- Không phải là người có quan hệ gia đình của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng Công ty;

- Không phải là người quản lý Công ty; không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của Công ty;

- Tiêu chuẩn và điều kiện khác theo quy định khác của pháp luật có liên quan và Điều lệ Công ty.

Điều 6. Quyền đề cử, ứng cử làm thành viên HĐQT

1. Các cổ đông nắm giữ cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng liên tục có quyền gộp số quyền biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử số lượng ứng viên Hội đồng quản trị, theo tỷ lệ so với tổng số cổ phần có quyền biểu quyết như sau:

a) Từ 10% đến dưới 15% được đề cử một (01) ứng viên;

b) Từ 15% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên;

c) Từ 30% trở lên đề cử tối đa ba (03) ứng viên.

2. Trường hợp số lượng ứng cử viên được cổ đông, nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử thì số ứng cử viên còn lại do Chủ tọa hoặc các cổ đông khác đề cử.

Điều 7. Quyền đề cử, ứng cử làm thành viên Ban Kiểm soát

1. Các cổ đông nắm giữ cổ phần có quyền biểu quyết có quyền gộp số quyền biểu quyết của từng cổ đông lại với nhau để đề cử các ứng viên Ban Kiểm soát, theo tỷ lệ so với tổng số cổ phần có quyền biểu quyết như sau:

a) Từ 10% đến dưới 15% được đề cử một (01) ứng viên;

b) Từ 15% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên;

c) Từ 30% trở lên đề cử tối đa ba (03) ứng viên.

2. Trường hợp số lượng ứng cử viên được cổ đông, nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử thì số ứng cử viên còn lại do Chủ tọa hoặc các cổ đông khác đề cử.

Điều 8. Hồ sơ tham gia ứng cử, đề cử để bầu vào HĐQT, Ban Kiểm soát

1. Hồ sơ tham gia ứng cử, đề cử để bầu vào HĐQT, Ban Kiểm soát bao gồm:
 - a) Đơn ứng cử hoặc Đơn đề cử tham gia vào HĐQT, Ban Kiểm soát (theo mẫu kèm theo);
 - b) Sơ yếu lý lịch ứng viên (theo mẫu);
 - c) Bản sao hợp lệ CMTND/Hộ chiếu;
 - d) Bản sao hợp lệ Hộ khẩu thường trú (hoặc giấy đăng ký tạm trú dài hạn);
 - e) Bản sao hợp lệ các bằng cấp, văn bằng chứng chỉ chứng nhận trình độ văn hóa, trình độ chuyên môn;
 - f) Giấy ủy quyền hoặc Biên bản họp nhóm (nếu ứng cử viên được nhóm ủy quyền ứng cử).

Người đề cử/ứng cử vào HĐQT, Ban Kiểm soát phải chịu trách nhiệm trước pháp luật, trước ĐHĐCĐ về tính chính xác, trung thực về nội dung trong hồ sơ của mình.

2. Địa điểm và thời hạn nhận hồ sơ:

- Hồ sơ đề cử xin gửi về Công ty Cổ phần đường sắt Hà Hải trước 05/4/2021;
- Địa chỉ: Ngách 481/73 đường Ngọc Lâm, phường Gia Thụy, quận Long Biên, thành phố Hà Nội.
- Điện thoại: 0243 873 0416
- Fax: 0243 873 0146

Ban tổ chức ĐHĐCĐ thường niên năm 2021 Công ty Cổ phần đường sắt Hà Hải sẽ tập hợp danh sách các cá nhân đủ điều kiện được đề cử, ứng cử đưa vào danh sách bầu chính thức tại Đại hội.

Điều 7. Lựa chọn các ứng cử viên

Dựa trên các Đơn đề cử, ứng cử của các cổ đông, nhóm cổ đông và các hồ sơ kèm theo của các ứng cử viên, Công ty Cổ phần đường sắt Hà Hải sẽ lập danh sách các ứng cử viên đáp ứng đủ điều kiện quy định để bầu vào thành viên HĐQT, Ban Kiểm soát.

Điều 8. Hình thức và phương thức bầu cử

1. Việc bầu cử thành viên HĐQT, Ban Kiểm soát của Công ty sẽ được thực hiện theo hình thức trực tiếp, bỏ phiếu kín tại Đại hội theo phương thức bầu dồn phiếu.
2. Mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của HĐQT, Ban Kiểm soát do ĐHĐCĐ thông qua.
3. Cổ đông có quyền dồn hết tổng số quyền biểu quyết của mình cho một ứng cử viên hoặc phân chia tổng số phiếu của mình cho một số ứng cử viên.
4. Tổng số phiếu bầu cho các ứng cử viên của một cổ đông không vượt quá tổng số phiếu bầu được phép của cổ đông đó (Bảng số cổ phần nhân với số thành viên được bầu).

Điều 9. Tổ chức và Giám sát bầu cử

1. Ban Kiểm phiếu:

- a) Việc tổ chức và giám sát bầu cử được Ban Kiểm phiếu thay mặt cho ĐHĐCĐ thực hiện theo đúng các quy định tại Quy chế này;
 - b) Ban Kiểm phiếu có 09 thành viên, gồm 01 Trưởng ban và 08 thành viên do ĐHĐCĐ biểu quyết thông qua theo đề nghị của Chủ tọa. Thành viên Ban Kiểm phiếu không được là người có tên trong danh sách đề cử, ứng cử vào thành viên Hội đồng quản trị; Ban Kiểm phiếu lập một bộ phận giúp việc có 03 thành viên để hoàn thành nhiệm vụ của Ban.
- ### 2. Ban Kiểm phiếu phải bảo đảm tính trung thực, khách quan, bảo mật thông tin về

việc kiểm phiếu và bầu cử.

3. Ban kiểm phiếu có nhiệm vụ:

- a) Kiểm tra và công bố danh sách các ứng viên HĐQT
- b) Phổ biến quy chế bầu cử và hướng dẫn cách thức bầu cử cho cổ đông;
- c) Phân phát và thu phiếu bầu cử;
- d) Kiểm tra, giám sát việc bỏ phiếu của các cổ đông, đại diện cổ đông;
- e) Thực hiện kiểm phiếu, lập biên bản kiểm phiếu, công bố kết quả kiểm phiếu trước ĐHĐCĐ;
- f) Bàn giao lại Biên bản kiểm phiếu và toàn bộ phiếu bầu cử cho Thư ký Đại hội;
- g) Cùng Chủ tọa Đại hội xem xét và giải quyết khiếu nại, tố cáo về người ứng cử cũng như kết quả bầu cử (nếu có) và báo cáo để ĐHĐCĐ quyết định;
- h) Và các nhiệm vụ khác liên quan;
- i) Ban Kiểm phiếu phải chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật và ĐHĐCĐ về việc tuân thủ Quy chế này về tính chính xác của kết quả kiểm phiếu.

Điều 10. Phiếu bầu và ghi phiếu bầu

1. Phiếu bầu:

a) Phiếu bầu do Công ty Cổ phần đường sắt Hà Hải phát hành, được in thống nhất, có dấu treo của Công ty, có mã số cổ đông; tổng số cổ phần sở hữu hoặc đại diện, tổng số quyền biểu quyết;

b) Cổ đông hoặc đại diện ủy quyền được phát đồng thời 01 phiếu bầu thành viên Hội đồng quản trị, 01 phiếu bầu thành viên Ban Kiểm soát theo mã số tham dự (sở hữu và được ủy quyền);

c) Cổ đông hoặc đại diện cổ đông khi được phát phiếu bầu phải kiểm tra lại các thông tin ghi trên phiếu bầu, nếu có sai sót, cổ đông phải thông báo ngay cho Ban Kiểm phiếu đổi phiếu bầu khác.

2. Cách ghi phiếu bầu:

a) Khi đồng ý bầu cho ứng cử viên, cổ đông hoặc đại diện ủy quyền của cổ đông viết số phiếu muốn bầu vào cột Số phiếu tại dòng tương ứng với tên ứng cử viên đó;

b) Nếu không bầu cho ứng cử viên nào, cổ đông hoặc đại diện ủy quyền của cổ đông điền số 0 hoặc gạch chéo vào cột Số phiếu bầu của ứng cử viên đó;

c) Cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền của cổ đông dự họp có thể dồn phiếu bầu cho một hoặc một số ứng cử viên, hoặc bầu cho tất cả số ứng cử viên;

d) Tổng số phiếu bầu cho ứng cử viên của một cổ đông hoặc đại diện ủy quyền của cổ đông không vượt quá tổng số phiếu bầu được ghép của cổ đông hoặc đại diện ủy quyền của cổ đông đó (bằng số cổ phần nhân số thành viên được bầu).

3. Phiếu hợp lệ khi có đủ các điều kiện sau đây:

a) Phiếu bầu cho ứng cử viên có tên trong danh sách và trong phạm vi số lượng thành viên cần bầu đã được ĐHĐCĐ thông qua;

b) Tổng số lượng phiếu bầu nhỏ hơn hoặc bằng tổng số phiếu bầu được ghép của cổ đông đó.

4. Phiếu bầu không hợp lệ khi thuộc một trong các trường hợp sau:

a) Phiếu không do Công ty Cổ phần đường sắt Hà Hải phát hành hoặc không có dấu

treo của Công ty;

b) Phiếu gạch xóa, sửa chữa, bổ sung các nội dung không theo quy định (trường hợp viết sai phải đổi lại phiếu mới);

c) Phiếu có ghi thêm hoặc ghi tên không đúng, không thuộc danh sách ứng cử viên đã được ĐHĐCĐ thống nhất thông qua trước khi tiến hành bỏ phiếu;

d) Phiếu có tổng số quyền đã biểu quyết cho những ứng cử viên vượt quá tổng số quyền được biểu quyết của cổ đông đó (gồm quyền sở hữu và được ủy quyền);

e) Phiếu không ký tên và ghi rõ họ tên của cổ đông hoặc đại diện ủy quyền của cổ đông;

f) Phiếu không ghi số lượng phiếu bầu cho bất kỳ ứng cử viên nào.

Điều 11. Bỏ phiếu và kiểm phiếu

1. Việc bỏ phiếu được bắt đầu khi việc phát phiếu bầu cử được hoàn tất và kết thúc khi cổ đông cuối cùng bỏ phiếu bầu vào thùng phiếu;

2. Ban Kiểm phiếu tiến hành kiểm tra thùng phiếu trước sự chứng kiến của các cổ đông;

3. Các cổ đông chỉ bỏ phiếu vào hòm phiếu đã được niêm phong do Ban Kiểm phiếu giám sát;

4. Việc kiểm phiếu phải được Ban Kiểm phiếu tiến hành tại phòng bỏ phiếu ngay sau khi việc bỏ phiếu kết thúc; trước khi mở thùng phiếu, Ban Kiểm phiếu phải thống kê, lập biên bản và niêm phong số phiếu không sử dụng. Ban kiểm phiếu không được gạch xóa, sửa chữa trên phiếu bầu.

Điều 13. Nguyên tắc xác định kết quả bầu cử

1. Người trúng cử thành viên HĐQT được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên cần bầu.

2. Trường hợp có từ hai ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị thì người nào sở hữu hoặc đại diện sở hữu nhiều cổ phần hơn sẽ được chọn. Nếu số cổ phần sở hữu hoặc đại diện sở hữu cũng ngang nhau hoặc tất cả các ứng viên đó không phải là cổ đông của Công ty Cổ phần đường sắt Hà Hải thì sẽ tổ chức bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau để chọn.

3. Đại hội thống nhất tổng thời lượng phát biểu của một cổ đông tối đa không quá 5 phút. Nếu quá thời lượng này, Chủ tọa Đại hội có thể yêu cầu cổ đông lập các câu hỏi, kiến nghị thành văn bản, Ban Thư ký Đại hội phải ghi nhận và Hội đồng quản trị trong phạm vi thẩm quyền của mình sẽ trả lời bằng văn bản cho cổ đông trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ thời điểm nhận được kiến nghị của cổ đông.

4. Nếu bầu cử không đủ số thành viên Hội đồng quản trị thì Đại hội sẽ tiến hành bầu cử tiếp lần 2 trong số những ứng cử viên còn lại.

5. Nếu sau khi bầu lần 2 vẫn chưa đủ thì Đại hội sẽ biểu quyết bầu lại lần 3 hoặc đề khuyết thành viên Hội đồng quản trị và bầu bổ sung trong kỳ họp Đại hội tiếp theo quyết định của Chủ tọa Đại hội.

Điều 14. Lập và công bố Biên bản kiểm phiếu

1. Sau khi kiểm phiếu, Ban kiểm phiếu phải lập Biên bản kiểm phiếu.

2. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a) Thời gian, địa điểm lập Biên bản kiểm phiếu;

- b) Thành phần Ban kiểm phiếu;
 - c) Mục đích, nội dung bỏ phiếu;
 - d) Tổng số cổ đông có mặt và đại diện được ủy quyền bầu cử tại Đại hội; tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia bầu cử, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số phiếu quyết không hợp lệ, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia bầu cử;
 - e) Kết quả bầu cử;
 - f) Chữ ký của thành viên Ban kiểm phiếu.
3. Toàn văn Biên bản kiểm phiếu phải được Ban kiểm phiếu công bố trước Đại hội và được ghi nhận vào Nghị quyết của Đại Hội.

Điều 15. Hiệu lực thi hành

- 1. Quy chế bầu cử này có hiệu lực thực hiện ngay khi được ĐHĐCĐ thông qua.
- 2. Quy chế này sẽ hết hiệu lực khi ĐHĐCĐ thường niên năm 2021 của Công ty Cổ phần đường sắt Hà Hải kết thúc.

**TM. BAN TỔ CHỨC ĐẠI HỘI
TRƯỞNG BAN**



Nguyễn Văn Hải

